NGUYỄN VĂN ĐẠO (Chủ biên)

# GIÁO SƯ
# LÊ VĂN THIÊM






NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

GS. NGUYỄN VĂN ĐẠO *(Chủ biên)*

# GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM

(KỶ NIỆM 85 NĂM NGÀY SINH CỦA GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM
1918 - 2003)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

***Chịu trách nhiệm xuất bản***

*Giám đốc:* NGUYỄN VĂN THỎA
*Tổng biên tập*: NGUYỄN THIỆN GIÁP

***Biên tập và sửa bản in:*** PHẠM NGỌC TRÂM

***Trình bày bìa:*** NGỌC ANH

---

**GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM**
Mã số: 02. 28.ĐK 2003
In 800 cuốn tại Nhà in Đại học Quốc gia Hà Nội
Số xuất bản: 393/27/ CXB. Số trích ngang 88 KH/XB
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2003.

# MỤC LỤC

# Lời nói đầu

*Nhân kỷ niệm 85 năm ngày sinh của cố Giáo sư Lê Văn Thiêm (1918 - 2003), chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc những bài viết của các vị lãnh đạo, các đồng nghiệp, các học trò của Giáo sư - một nhà Toán học tiêu biểu của Việt Nam trong thế kỷ XX, người đã đặt nền móng cho ngành Toán học Việt Nam phát triển và có cống hiến lớn trong việc xây dựng nền khoa học Việt Nam hiện đại.*

*Chúng tôi xin chân thành cảm ơn gia đình Giáo sư Lê Văn Thiêm đã cung cấp nhiều tư liệu và ảnh quý; cảm ơn chị Nguyễn Anh Thu đã giúp đánh máy bản thảo; cảm ơn Tiến sĩ Phạm Ngọc Trâm đã giúp biên tập cuốn sách.*

*Tên của các tác giả được xếp theo thứ tự A, B, C... Chắc chắn cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của độc giả để lần tái bản sau được hoàn hảo hơn.*

**Chủ biên**

**GS.NGUYỄN VĂN ĐẠO**

# GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM
## (Niên biểu tóm tắt)

- Ngày sinh: 29/3/1918
- Quê quán: xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.
- 1932 - 1937: Học tại Collège de Quy Nhơn.
- 1938: Học lớp Lý-Hoá-Sinh (PCB) tại Đại học Hà Nội.
- 1939: Du học tại Pháp, vào học trường école Normale Supérieure.
- 1943: Nghiên cứu Toán học tại Thụy Sĩ.
- 1945: Bảo vệ luận án Tiến sĩ A tại Đức.
- 1948: Bảo vệ luận án Tiến sĩ Quốc gia tại Pháp.
- 12/1949: Về nước, tham gia kháng chiến tại Nam Bộ.
- 21/3/1950: Gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- 1950 - 1954: Công tác tại Chiến khu Việt Bắc, khu học xá Trung ương tại Trung Quốc.
- 1954 - 1956: Giám đốc Trường Đại học Sư phạm Khoa học, Hà Nội.
- 1957 - 1970: Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

- 1970 - 1980: Viện trưởng Viện Toán học, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.
- 1981 - 1991: Công tác tại Phân viện, Viện Toán học, TP. Hồ Chí Minh.
- Ngày mất: 3/7/1991.

## CÁC PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ

- Huân chương Độc lập hạng Nhất.
- Huân chương chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.
- Huân chương Lao động hạng Nhì.
- Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học và Công nghệ.



*Giáo sư Lê Văn Thiêm*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*
------***------

*Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 1991*

***Thân ái gửi chị LÊ VĂN THIÊM***

*Chị Lê Văn Thiêm thân mến,*

Tôi rất thiết tha với những dòng chữ trong bức thư này để chia sẻ với chị và các cháu nỗi đau buồn mà tôi có thể hình dung được từ đáy, sau khi nghe tin đồng chí Lê Văn Thiêm vừa từ trần. Có thể chị không biết hết những quan hệ thân tình giữa tôi và anh Thiêm trong suốt thời gian anh hoạt động và phấn đấu quên mình ở miền Bắc.

Tôi rất ân hận vì chậm viết bức thư này bởi lẽ tôi biết tin về sự qua đời của anh Lê Văn Thiêm quá muộn.

Anh Lê Văn Thiêm qua đời càng làm nổi bật tầm vóc và sự cống hiến của nhà toán học và người chiến sĩ cộng sản Lê Văn Thiêm. Đó là điều từ đáy lòng tôi muốn nói với chị và nói với hương hồn của người đã khuất, đồng thời có thể nói với mọi người.

Tôi thân ái chúc chị vũ trang cho mình lòng dũng cảm và ý chí phấn đấu vì đời sống của gia đình.

Tôi gửi chị và các cháu lời chúc tốt đẹp và lời chào thân ái.

***TB**: Nếu chị có gì cần tôi thì chị gửi thư cho tôi theo địa chỉ: Phạm Văn Đồng quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.*

**Phạm Văn Đồng**(*)

(*) Nguyên Thủ tướng Chính phủ, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

# NHỚ ANH LÊ VĂN THIÊM

*Đặng Đình Áng*(*)

Tôi đã được biết tiếng anh từ nhiều năm trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 lịch sử. Khi đó tôi là Trưởng ban Toán, Đại học Khoa học Sài Gòn. Ngày 1 tháng 5 năm 1975, tôi được tiếp phái đoàn các nhà khoa học từ Hà Nội vào trong đó có anh Nguyễn Cang, giáo sư Toán học, anh Nguyễn Tấn Lập, giáo sư Kinh tế tới thăm ban Toán chúng tôi. Thật là xúc động, chưa gặp nhau bao giờ mà khi gặp thì vui vẻ, ôn tồn như thể đã quen biết nhau từ lâu. Mấy tuần sau đó, anh Lê Văn Thiêm, Giáo sư Viện trưởng Viện Toán học Hà Nội cùng một phái đoàn các nhà toán học từ Hà Nội vào thăm Sài Gòn, đặc biệt là nhóm Toán của Đại học Khoa học. Anh rất quan tâm và từ ánh mắt đến câu nói đều tỏ một tình cảm kín đáo mà sâu đậm.

Đầu thập niên 80, anh chuyển vào Sài Gòn làm việc, và năm 1983, anh chủ trì buổi bảo vệ luận án Phó tiến sĩ Toán học đầu tiên của Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

---

(*) Giáo sư Toán học, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

Mấy năm sau, anh triệu tập hội nghị thành lập Hội Toán học thành phố.

Trên đây là vài nét về sự có mặt của anh trong phát triển toán học ở phía Nam đất nước, có liên quan tới hoạt động của người viết bài này. Đóng góp quyết định của anh trong công cuộc xây dựng một nền toán học cho cả nước cần được nhấn mạnh. Viện Toán học Hà Nội, dưới sự lãnh đạo của anh, đã trở thành một trung tâm toán học uy tín hàng đầu của cả khu vực.

Trước khi ngừng bút, tôi cũng muốn nói qua về bầu không khí bao trùm cuộc gặp gỡ vào tháng 5 năm 1975 giữa anh và những người làm toán ở Sài Gòn. Hội nghị Toán học Việt Pháp họp ở Sài Gòn kết thúc đầu tháng 4 năm 1975 đã khuyến cáo tăng cường hợp tác, đặc biệt là trong việc xây dựng một Trung tâm Toán học mang tên "Học viện Toán học Sài Gòn", và đầu tháng 4 năm 1975 tôi nhận được giấy mời thăm Pháp hai tuần để thảo luận bổ sung. Do diễn biến dồn dập của tình hình khi ấy, tôi đã quyết định hủy bỏ chuyến thăm Pháp vì muốn ở gần gia đình lúc đó. Tới nay, gần 30 năm sau, đã bao đổi thay, kẻ còn người khuất, biết bao tưởng nhớ. Mà nay, nhìn vào tương lai đầy hứa hẹn, tôi thấy vô cùng phấn khởi là được làm việc với các đồng nghiệp, góp phần phát triển khoa học, phục vụ đất nước, không quên tấm gương sáng của người đi trước, Giáo sư Lê Văn Thiêm.

# MỘT SỐ KỶ NIỆM VUI VỀ GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM

*Nguyễn Hữu Anh*(*)

Tôi được biết đến Giáo sư Lê Văn Thiêm ngay từ khi chưa về đến Việt Nam. Khoảng năm 1972, khi còn ở Canada, tôi đã nhận được một số báo Acta Vietnamica Scientarium do Giáo sư Bùi Trọng Liễu chuyển từ Paris. Qua số báo này, tôi thấy có bài của Giáo sư Lê Văn Thiêm về "Dạng tự đẳng cấu". Đây là lãnh vực mà tôi quan tâm nghiên cứu, nhất là sau khi nghe các seminar của các Giáo sư Andre Weil, Harish-Chandra, Godement... ở Institute for Advanced Study, Priceton.

Do đó, khi hay tin được về nước công tác, tôi vẫn cứ đinh ninh mình sẽ làm việc ở Viện Toán học do Giáo sư Thiêm làm Viện trưởng. Tuy nhiên, khi về đến Hà Nội, tôi mới biết Giáo sư Tạ Quang Bửu đã bố trí để tôi về Đại học Bách Khoa Hà Nội, nơi có nhiều điều kiện thuận tiện hơn.

---

(*) Giáo sư Toán học, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

Buổi đầu tiên tôi tiếp xúc trực tiếp với Giáo sư Thiêm là buổi đón tiếp của Hội Toán học Việt Nam do Giáo sư Thiêm làm Chủ tịch. Tuy nhiên, phải đợi đến cuối năm 1974, tôi mới có dịp sống gần gũi với Giáo sư Thiêm trong vài ngày. Đó là dịp sau khi các Giáo sư B. Malgrange, F. Pham, A.Chanciner kết thúc khoá giảng về Lý thuyết Kỳ dị, Ban tổ chức khoá học đã sắp xếp để ba giáo sư Pháp, Giáo sư Thiêm, tôi và một số đồng nghiệp khác lên thăm Việt Bắc. Đây là một chuyến đi tuy vất vả nhưng rất vui. Tôi còn nhớ rõ ba giáo sư Pháp tỏ ra không hài lòng khi được xếp ăn cơm chung với Giáo sư Thiêm còn chúng tôi ăn cơm riêng ở một phòng khác (thời bao cấp mà!). Họ chỉ thực sự vui vẻ khi được Giáo sư Thiêm cho biết trưa hôm sau, cả đoàn sẽ dừng lại ăn cơm chung trước khi đến Bắc Pó. Phong cảnh hùng vĩ ở Cao Bằng, và đặc biệt là Bắc Pó làm mọi người phấn chấn hẳn lên mặc dù đường đi lúc đó rất khó khăn. Tại suối Lênin, Giáo sư Thiêm và tôi là hai trong số ít người có xuống "nhúng nước".

Tuy nhiên, kỷ niệm sâu sắc nhất về Giáo sư Lê Văn Thiêm đối với tôi là thời gian gần hai tuần cùng đi dự Hội nghị Quốc tế các nhà Toán học được tổ chức ở Helsinki, thủ đô của Phần Lan mùa hè năm 1978. Đoàn có 4 người do Giáo sư Lê Văn Thiêm làm Trưởng đoàn. Giáo sư Thiêm, anh Đinh Văn Huỳnh và tôi đi từ Hà Nội, còn Giáo sư Hoàng Tụy đến thẳng Helsinki từ Berlin. Hôm lên đường, trời mưa rất

to. Xe đón Giáo sư Thiêm ở ngõ Hàng Chuối mà đường ngập đến gần đầu gối. Sau mấy tiếng đồng hồ trên chiếc xe lộc cộc, chúng tôi mới đến sân bay Nội Bài. Tại đây, trong khi ngồi chờ lên máy bay, tôi tình cờ gặp một anh bạn Việt kiều từ Canada về chơi. Anh đưa tôi 50 dollar phòng khi bất trắc vì Đoàn đã không lấy tạm ứng từ Ngân hàng ngại thủ tục quá rườm rà. Hóa ra, số tiền mà anh bạn đưa đã giúp chúng tôi xoay xở khi mới đến Helsinki. Khi máy bay dừng ở Mạc Tư Khoa thì không có vấn đề gì vì có người của Đại Sứ quán ra đón tận sân bay. Buổi tối, Giáo sư Thiêm còn đưa chúng tôi đến nhà anh Bạch Hưng Khang ăn phở "Mạc Tư Khoa". Tuy nhiên, khi đến Helsinki thì nảy sinh vấn đề vì đó là lúc cuối tuần, Văn phòng Hội nghị đóng cửa. Nhờ có số tiền của anh bạn từ Canada, chúng tôi mới đi được xe bus từ sân bay về trung tâm thành phố. Tại đây, tôi đã đề nghị và Giáo sư Thiêm quyết cứ thuê phòng khách sạn ở vì chưa phải trả tiền ngay. Ngày hôm sau, gặp Ban Tổ chức Hội nghị nhận tiền tài trợ dự Hội nghị (Đoàn được IMU tài trợ thông qua đề nghị của Giáo sư Laurent Schwartz), chúng tôi mới thở phào! Ban Tổ chức cũng sắp xếp để chúng tôi ở trong một ký túc xá sinh viên (đang nghỉ hè). Phải nói sinh viên Phần Lan sướng thật! Ký túc xá của họ rất rộng rãi và tiện nghi, còn hơn cả các ký túc xá ở Mỹ. Chúng tôi tranh thủ một số buổi tối rảnh tổ chức làm bếp: tôi đảm trách phần nấu nướng với sự cố vấn của

Giáo sư Thiêm còn anh Huỳnh rửa bát. Tôi không ngờ Giáo sư Thiêm về nước lâu rồi mà còn nhớ cách làm bếp. Giáo sư đã phê bình tôi khi làm một số món không đúng quy cách. Quả thật, đây là một chuyến đi để lại cho chúng tôi rất nhiều kỷ niệm.

Sau này, khi Giáo sư Thiêm chuyển công tác vào thành phố Hồ Chí Minh tôi lại có nhiều dịp tiếp xúc với ông. Giáo sư đã rất vất vả khi cùng với Giáo sư Đặng Đình Áng chuẩn bị thành lập Hội Toán học Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian này, tôi thường gặp Giáo sư Thiêm, khi thì trong các cuộc họp ở Phân viện Toán ứng dụng, khi thì trong các cuộc họp của Hội Toán học thành phố.

Qua hơn 20 năm tiếp xúc với Giáo sư Lê Văn Thiêm, tôi rất kính trọng ông, không chỉ như là một nhà Toán học đàn anh, người thầy của nhiều thế hệ các nhà Toán học Việt Nam, mà còn như một con người nhân ái, một con người rất tử tế, luôn luôn vì mọi người.

*Giáo sư Lê Văn Thiêm tại Thụy Sĩ (1943)*

# GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ CHỈ ĐẠO TRƯỜNG KHOA HỌC CƠ BẢN

*Lê Thạc Cán*(*)

Vào đầu năm 1951, trong một lần tới làm việc tại Văn phòng đảng bộ Đảng Lao động Việt Nam, tỉnh Hà Tĩnh, đóng tại xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, tôi được đọc một công văn của Bộ Giáo dục gửi từ chiến khu Việt Bắc về cho một số cơ quan Đảng và chính quyền các tỉnh ở liên khu IV. Công văn nói rằng Chính phủ đã quyết định mở Trường Khoa học Thực hành Cao cấp tại Việt Bắc, nhằm đào tạo cán bộ khoa học và kỹ thuật bậc cao phục vụ công cuộc kháng chiến và xây dựng đất nước sau ngày kháng chiến thắng lợi. Công văn cũng đề nghị các cơ quan liên quan chọn lựa những thanh niên có trình độ học vấn cần thiết để giới thiệu dự tuyển vào học.

Trong điều kiện hết sức khó khăn của kháng chiến chống Pháp, vào những năm cuối thập kỷ 1940 và đầu 1950, Chính

---

(*) Giáo sư, Viện Môi trường và Phát triển bền vững, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã mở một số trường đại học: Đại học Y khoa, Đại học Dược khoa, Cao đẳng Công chính tại Việt Bắc, Toán học Đại cương tại Nghệ An. Tuy nhiên một đại học chung về khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật thì vẫn chưa có. Tin về Trường Khoa học Thực hành Cao cấp đã nhanh chóng lan rộng khắp các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, đem lại niềm phấn khởi to lớn cho tất cả thanh niên học sinh đã học hết trung học chuyên khoa, sinh viên đang học Toán học đại cương, hoặc đang công tác tại các cơ quan quân, dân, chính ở địa phương.

Điều làm chúng tôi háo hức nhất là nghe tin Trường Khoa học Thực hành Cao cấp sẽ giảng dạy theo chương trình của Đại học Bách khoa của nước Pháp, và Hiệu trưởng của trường là ông Lê Văn Thiêm, một người còn rất trẻ, nhưng đã có học vị Tiến sĩ Toán học ở nước Đức, giáo sư tại Đại học Zurich ở nước Thụy Sĩ đã về đến Việt Bắc theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tháng 5/1951, cùng một số cán bộ trẻ của các cơ quan của tỉnh Hà Tĩnh, tôi vô cùng sung sướng được Tỉnh ủy giới thiệu đi học Trường Khoa học Thực hành Cao cấp. Theo sự bố trí của Bộ Giáo dục, để được nhận vào trường, chúng tôi phải tới thị trấn Thọ Xuân ở Thanh Hóa gặp Giáo sư Lê Văn Thiêm làm các thủ tục xét nhận vào trường. Họp thành từng nhóm nhỏ, khoảng 3 - 5 người, chúng tôi đi bộ trong nhiều

ngày, vượt chặng đường dài khoảng 200 km từ quê nhà Hà Tĩnh tới Thọ Xuân, lòng vô cùng hồi hộp mong được nhận vào trường, cũng như được gặp Giáo sư Thiêm, thần tượng của lứa tuổi thanh niên yêu khoa học và kỹ thuật hồi đó.

Nhóm chúng tôi đến địa điểm liên lạc, một làng quê có ngôi trường phổ thông tương đối lớn ở Thọ Xuân, vào một buổi chiều đầu hè nóng nực. Chúng tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy hai bờ con kênh thủy lợi chảy qua làng đông nghịt trẻ em và thanh niên. Đám đông cho chúng tôi biết họ đang xem ông Lê Văn Thiêm, nhà bác học trẻ tuổi đang tắm và bơi trên kênh. Họ cũng cho biết là Giáo sư đã về đây khoảng một tuần và cùng một người thư ký ở tại một nhà dân trong xóm. Ngày hôm sau, cùng với nhiều nhóm sinh viên, học sinh từ nhiều nơi tới, chúng tôi được gặp Giáo sư Thiêm, nghe Giáo sư giới thiệu vắn tắt về Trường Khoa học Thực hành Cao cấp (KHTHCC), dặn dò về thủ tục kiểm tra nhập học và cách đi tới trường tại chiến khu ở Việt Bắc. Mấy hôm sau, sau khi thực hiện xong thủ tục kiểm tra nhập học, Giáo sư Thiêm và người thư ký lên đường đi Việt Bắc bằng xe đạp, toàn bộ hành lý trong chiếc ba lô nhỏ.

Những ngày sau đó các nhóm sinh viên chúng tôi cũng lần lượt lên đường. Chặng đường từ Thanh Hóa tới địa điểm liên lạc thuộc tỉnh Tuyên Quang dài trên 300 km, trong đó phần lớn là đường núi rừng hiểm trở. Tài liệu quan trọng

nhất trong tay mỗi người chúng tôi là tờ giấy nhỏ của văn phòng trường KHTHCC giới thiệu là sinh viên của trường, trong đó có ghi địa điểm liên lạc tại một cột cây số trên đường từ thị xã Tuyên Quang đi huyện Chiêm Hoá. Địa điểm của trường được giữ bí mật. Sau gần 2 tuần lễ ngày nghỉ, đêm đi, trèo đèo, lội suối, qua những chặng đường có máy bay địch bắn phá hàng ngày, ban đêm thường có hổ báo qua lại, chúng tôi tới Trường KHTHCC. Toàn bộ cơ ngơi của trường chỉ là một lán tre nứa dài khoảng 15m, một bếp cũng bằng tre nứa, và một ngôi nhà gỗ nhỏ ở ven ngòi Quảng, một nhánh của sông Gâm. Toàn bộ cơ sở của trường khuất hẳn trong rừng sâu, các mái tranh che lấp bởi tán cây rừng và tre nứa. Giáo sư Thiêm ở trong ngôi nhà nhỏ. Ngôi nhà này đồng thời là văn phòng của trường với một cán bộ phụ trách văn phòng và một thư ký đánh máy kiêm kế toán viên. Bộ máy hậu cần và cấp dưỡng chỉ có một người. Thỉnh thoảng có Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn, đương thời là Thứ trưởng Bộ Giáo dục, và Giáo sư Hồ Đắc Di, Giám đốc Đại học vụ, cùng tới làm việc và ở lại vài ngày với Giáo sư Thiêm.

Sinh viên của trường lần lượt tới đông đủ, chủ yếu từ hai trường chuyên khoa ở liên khu IV, liên khu Việt Bắc và một số cơ quan trung ương. Giáo sư Thiêm họp toàn thể sinh viên, thông báo cho chúng tôi biết rằng theo chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trường đã đổi tên thành Trường Khoa học

Cơ bản (KHCB). Giáo sư kể rằng, tại một phiên họp của Hội đồng Chính phủ bàn về giáo dục và đào tạo, lúc nói tới trường KHTHCC, có người tỏ ý ngần ngại về tên trường, không hiểu có thể dạy gì về kỹ thuật cao cấp trong điều kiện khó khăn tại chiến khu. Bác Hồ đã hỏi Giáo sư Lê Văn Thiêm là ông sẽ dạy gì cho sinh viên KHTHCC. Giáo sư Thiêm trả lời rằng trước hết sẽ dạy khoa học cơ bản. Mọi người tỏ ý tán thành. Hồ Chủ tịch bảo thế thì hãy gọi là Trường Khoa học Cơ bản. Tên Trường KHCB đã có từ ý kiến đó của Bác Hồ.

Những tuần đầu tiên, chúng tôi chưa học gì về khoa học, mà theo sự chỉ đạo của trường và đoàn sinh viên vừa được thành lập, tập trung đào đất, san nền, chặt tre nứa làm lớp học và lán trại nơi ở cho khoảng 100 sinh viên. Chừng một tháng sau, Trường KHCB của chúng tôi đã có lớp học, ký túc xá tạm đủ. Hàng tuần, chúng tôi thay phiên nhau lội suối, băng rừng tới kho thóc của nhà nước lĩnh thóc về xay giã đảm bảo lương thực cho tập thể. Thực phẩm chủ yếu là rau muống do chúng tôi tự trồng.

Khi Trường KHCB đã khai giảng, còn có hai giáo sư nữa, đó là: Giáo sư Nguyễn Xiển và Giáo sư Ngụy Như Kontum tới trường. Giáo sư Lê Văn Thiêm đã giảng cho chúng tôi môn Cơ học lý thuyết, Giáo sư Nguyễn Xiển giảng môn Giải tích, Giáo sư Ngụy Như Kontum giảng môn Vật lý. Các bài giảng được các giáo sư trình bày trên bảng đen, viết phấn đất

sét, chúng tôi ghi chép lại trên những trang giấy mầu vàng nâu do các xưởng thủ công chế tạo. Ngoài những bài giảng này, toàn bộ tài liệu tham khảo để học tập chỉ có hai tập sách giáo khoa đại học, một về toán đại cương, một về vật lý đại cương xuất bản tại Pháp do Giáo sư Thiêm mang về. Thời gian học tập cũng rất hạn chế. Buổi sáng lên lớp nghe giảng, buổi chiều tự học và lao động để tự túc thực phẩm, chất đốt, thể thao và thể dục. Buổi tối không đèn chỉ có thể nhẩm lại bài học đã qua theo ký ức. Mặc dầu hoàn cảnh khó khăn đó, sự giảng dạy tận tình với phương pháp sư phạm thích hợp của các giáo sư cùng với sự cố gắng của tất cả các sinh viên đã đem lại cho chúng tôi những kết quả học tập tốt. Trong điều kiện bộ máy hành chính và hậu cần giúp việc của nhà trường rất nhỏ bé, Giáo sư Thiêm đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên và Đoàn học sinh để quản lý một cách toàn diện mọi hoạt động của trường. Tinh thần chủ động công tác, ý thức trách nhiệm của tất cả các sinh viên được phát huy cao độ.

Tháng 7 năm 1951, trong một buổi họp sinh viên, Giáo sư Thiêm cho chúng tôi biết là với sự giúp đỡ của nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Chính phủ đã quyết định thành lập Khu học xá Việt Nam tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, và Trường KHCB sẽ được di chuyển tới Khu học xá này để có điều kiện học tập và giảng dạy tốt hơn. Từ hôm đó,

cùng với việc học, chúng tôi còn phải chuẩn bị di chuyển trường sang Quảng Tây. Tháng 9 năm 1951, sau 10 ngày đi bộ, chúng tôi tới thị xã Lạng Sơn, vừa được giải phóng khỏi sự chiếm đóng của quân đội Pháp trong chiến dịch Biên giới cuối năm 1950. Tới cửa khẩu Mục Nam Quan, chúng tôi được đoàn xe của Quân giải phóng Trung Quốc đem về thành phố Nam Ninh, và từ đó về Khu học xá Việt Nam.

Khu học xá Việt Nam, vào năm 1951 và vài năm sau đó, gồm một số giảng đường và lớp học bằng gỗ, lợp tranh, cùng với một số ký túc xá đặt trong các đền thờ của làng Tâm Hư, một làng quê nhỏ ở cách thành phố Nam Ninh, thủ phủ tỉnh Quảng Tây khoảng hơn 10 km. Giảng đường, ký túc xá đều không có lưới điện, nước máy. Nước ăn uống, tắm giặt do chúng tôi thay phiên nhau tự gánh từ hồ về. Các thầy giáo như Giáo sư Thiêm, Giáo sư Xiển, Giáo sư Kon Tum cũng hàng ngày cùng chúng tôi gánh nước. Ánh sáng học ban đêm là đèn dầu. Giảng đường, lớp học đều không có bàn viết, ghế ngồi. Mỗi sinh viên, học sinh được phát một ghế nhỏ để ngồi và một bảng gỗ thay bàn viết. Mỗi lần lên lớp đều phải xách theo ghế và bảng.

Điều tốt so với ở chiến khu Việt Bắc là khu học xá có hòa bình. Tuy điều kiện thô sơ nhưng học sinh, sinh viên được học tập một cách an toàn, điều kiện vật chất cần thiết cho cuộc sống được đảm bảo. Giáo sư Thiêm đã mời về trường

nhiều thầy giáo mới để trường có thêm điều kiện để giảng dạy khoa học cơ bản, tương xứng với tên trường. Cụ thể, chúng tôi đã có thêm thầy Nguyễn Thạc Cát, giảng dạy về Hóa học, thầy Dương Trọng Bái về Vật lý, thầy Nguyễn Cảnh Toàn về Toán học. Giáo sư Thiêm cũng đã tới thăm các thư viện và hiệu sách tại Nam Ninh, tìm về cho chúng tôi một số giáo trình Toán học, Vật lý được giảng dạy tại các trường đại học ở Mỹ. Những giáo trình này về lý thuyết đơn giản hơn các giáo trình Pháp, nhưng tính thực dụng rõ hơn. Giáo sư cũng đã mua về cho trường một vài tài liệu giáo khoa của Liên Xô, chủ yếu là các sách toán bậc phổ thông và sách dạy Nga ngữ qua Pháp ngữ. Với phương tiện thô sơ, trường đã xây dựng các phòng thí nghiệm vật lý, hoá học. Cùng với học lý thuyết, chúng tôi có thêm điều kiện để nhìn thấy thực tế thí nghiệm. Điều kiện học tập, sinh hoạt của sinh viên đã khác nhiều so với lúc ở chiến khu, nhưng Giáo sư Thiêm vẫn duy trì sự chủ động của sinh viên trong mọi công việc của trường, kể cả việc học tập chuyên môn và chính trị.

Vào cuối năm 1953, Trường Khoa học Cơ bản đã ngừng hoạt động. Trong số sinh viên của trường, rất nhiều người đã được gửi đi học tiếp tại các đại học khoa học và kỹ thuật ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Một số sinh viên khác đã về nước phục vụ chiến dịch Điện Biên, và sau đó là tiếp quản các cơ quan và cơ sở khoa học và kỹ thuật ở Hà Nội sau ngày

giải phóng Thủ đô năm 1954. Nhiệm vụ trường đặt ra trong thời gian kháng chiến chống Pháp đã được trao lại cho Đại học Tổng hợp và các đại học kỹ thuật thành lập sau đó tại Hà Nội. Nguyện ước của Giáo sư Lê Văn Thiêm lúc từ châu Âu trở về tham gia kháng chiến là đào tạo cho đất nước ta đội ngũ những cán bộ khoa học và kỹ thuật cao cấp, mở đầu là Trường Khoa học Cơ bản tại chiến khu Việt Bắc. Trên cơ sở đó chúng ta phát triển thêm nhiều trường đại học trên đất nước với quy mô to lớn, phương thức đa dạng.

Điều đáng chú ý là phương pháp đào tạo lấy khoa học cơ bản làm gốc của trường đã đem lại những thành công to lớn. Những người sinh viên do điều kiện gian khổ, thiếu thốn trong rừng sâu, hay tại làng Tâm Hư thôn dã, chỉ có thể học các môn Toán, Lý, Hóa học với vài ba tài liệu giáo khoa, nhưng sau hai năm học khoa học cơ bản của các trường đại học ở các nước xã hội chủ nghĩa tiên tiến đều trở thành những sinh viên, những nghiên cứu sinh xuất sắc. Những người trở về nước phục vụ chiến đấu, tiếp quản khoa học, kỹ thuật từ vùng tạm chiếm cũng đã có những cống hiến hết sức vẻ vang. Tính tới nay hầu hết các sinh viên Trường KHCB năm xưa đều đã trở thành những nhà giáo, nhà khoa học ưu tú có cống hiến tốt cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước, một số không ít đã là cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước. Cái gì là nguyên nhân của những thành công này,

Ngành Khoa học giáo dục Việt Nam nên nghiên cứu. Là một người trong cuộc, tôi thấy một cách khái quát rằng đó là do tư tưởng giáo dục đúng đắn của Giáo sư Lê Văn Thiêm, người sáng lập, chỉ đạo và điều hành Trường KHCB. Nội dung chính của tư tưởng này là: lấy khoa học cơ bản làm gốc; phát huy cao độ khả năng tự học và động cơ học tập đúng đắn của người học; không tham dạy nhiều về khối lượng, mà chú ý chọn lọc kiến thức tinh hoa của thế giới. Nước Pháp tự hào về Đại học Bách Khoa, nước Mỹ tự hào về Đại học Havard, nước Anh về Đại học Cambridge đã đào tạo cho đất nước họ những nhân tài về khoa học, những chính trị gia xuất sắc. Với tư tưởng giáo dục đúng đắn, Trường KHCB do Giáo sư Thiêm sáng lập, Hồ Chủ tịch đặt tên, trong những điều kiện hết sức khó khăn, đã một thời làm được nhiệm vụ này đối với nước ta. Nghiên cứu vận dụng tư tưởng giáo dục này là việc hết sức cần thiết trong giải quyết các khó khăn về giáo dục và đào tạo hiện nay ở nước ta.

# KÝ ỨC KHÓ QUÊN VỀ GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM

*Nguyễn Cang*(*)

Cho đến năm 1921, từ tỉnh Thanh Hóa cho đến tỉnh Bình Thuận (trừ Cố đô Huế), chính quyền thực dân Pháp chỉ mở có 3 trường Collège là loại trường công lập tương đương với trường phổ thông cơ sở ngày nay, để đào tạo ra những thanh niên có trình độ học vấn "cao nhất" hồi đó! Thời gian học là 10 năm, gồm có 6 năm tiểu học và 4 năm trung học cơ sở. Ba trường Collège ấy được xây trên địa bàn của 3 thành phố Thanh Hoá, Vinh và Quy Nhơn. Học sinh các tỉnh muốn theo học bậc trung học cơ sở trường công lập phải dự kỳ thi tuyển khá gay go vào các trường Collège nói trên. Về sau, thực dân Pháp cho mở thêm một trường Lycée (là trường công lập tương đương trường phổ thông trung học ngày nay) cho toàn Trung Kỳ lấy tên là Lycée Khải Định.

(*) Giáo sư Toán học, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

Thời ấy, trên đất miền Trung chỉ có Huế là nơi có trường trung học cơ sở riêng cho nam học sinh và Collège Đồng Khánh dành cho nữ học sinh. Trường Lycée ở bậc Tú tài thì thi tuyển không phân biệt nam, nữ. Không nói thì ai cũng hiểu rằng học sinh các trường Collège và Lycée thời bấy giờ phần lớn là con nhà có "máu mặt" về kinh tế hoặc "con ông cháu cha".

Nhưng vào tháng 9 năm 1932, ở trường Collège de Quy Nhơn, một cảnh hơi lạ trong số học sinh mới tựu trường: một học sinh ăn mặc xuyềnh xoàng nói giọng Nghệ Tĩnh nằng nặng khó nghe xuất hiện bên cạnh một số ít các học sinh con em người Pháp ăn mặc sang trọng và hơn mười em học sinh người dân tộc thiểu số Tây Nguyên là con cưng của chế độ thực dân Pháp thời bấy giờ; đa số còn lại là con em gia đình khá giả quê ở các tỉnh miền Nam Trung Bộ. Anh học sinh 14 tuổi ấy là hình ảnh của chàng thiếu niên Lê Văn Thiêm con nhà nghèo khó, quê Hà Tĩnh, vào Quy Nhơn học, sống nhờ người anh là y sĩ Lê Văn Kỷ đang làm việc tại Bệnh viện Quy Nhơn. Nhưng chỉ cần 3 tháng học sau khi khai giảng là anh học sinh có vẻ "quê mùa" ấy đã nổi danh về Toán.

Thời bấy giờ dạy Toán tại trường Collège de Quy Nhơn là một giáo sư người Việt (dạy các lớp dưới thuộc bậc trung học cơ sở) và một giáo sư người Pháp tên Casimir Michel tốt nghiệp cử nhân Toán học Paris, và là Trung uý phi công dự



*Gáo sư Lê Văn Thiêm (giữa) và Giáo sư Hoàng Xuân Nhị (phải)*
*tại chiến khu Nam Bộ (1949)*

bị. Khi anh thanh niên Lê Văn Thiêm lên học năm thứ tư (tương đương lớp 9 ngày nay) thì Giáo sư Michel - lúc ấy đã là Hiệu trưởng - đặc biệt chú ý đến người học trò này. Vào thời đó, các môn học đều bằng tiếng Pháp (trừ 1 giờ tiếng Việt ). Hai môn học quan trọng nhất là Pháp văn và Toán có hệ số 6. Trong thời kỳ kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp, năm 1952, tôi có dịp công tác gần Giáo sư Huỳnh Văn Gi - năm 1936 dạy Lý - Hóa ở trường Collège de Quy Nhơn, và đồng thời cũng là thầy cũ của Giáo sư Lê Văn Thiêm - nên được nghe nhiều câu chuyện về người học trò giỏi nổi tiếng này, cũng như những câu chuyện về những đồng môn xuất sắc thuộc lớp trước và sau của Giáo sư Lê Văn Thiêm.

Giáo sư Huỳnh Văn Gi kể: “Ở trường, giỏi toàn diện là hai anh em ruột tên là Nguyễn Hữu và Nguyễn Thương. (Nguyễn Hữu về sau là Giáo sư Y học lừng danh ở Pháp còn Nguyễn Thương, Tiến sĩ Luật, đại diện cho Chính phủ ta tại Genève). Nổi tiếng về văn thơ có Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Nguyễn Xuân Sanh, Quách Tấn... Nhưng đặc biệt được Hiệu trưởng Michel ưu ái vì giỏi Toán chỉ có Lê Văn Thiêm. Giáo sư Michel thường bảo với các giáo sư trong trường về người học trò cưng của mình "Il ira plus loin que moi!" (Anh ta sẽ tiến xa hơn tôi!).

Tôi hỏi Giáo sư Huỳnh Văn Gi: "Thưa Thầy, không biết thầy Michel có được tin năm 1948 (12 năm sau khi rời khỏi

Collège de Quy Nhơn), Lê Văn Thiêm, người học trò cưng của mình ngày trước, đã bảo vệ thành công xuất sắc luận án Tiến sĩ quốc gia khoa học Toán học tại Paris không? Thầy Gi chỉ cười: Michel nhận xét học trò thánh thật! Đúng là "Il ira plus loin que moi!".

Tôi may mắn và vinh dự được học cùng trường với Giáo sư Lê Văn Thiêm, nhưng học sau đến 9 lớp, thuộc lớp hậu sinh xa. Vì vậy, năm 1989, tại hội trường lớn trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã diễn ra lễ Hội Cựu học sinh Collège de Quy Nhơn thuộc các thế hệ đang làm việc và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh (có đến hàng trăm người), Giáo sư Lê Văn Thiêm vui vẻ bắt tay tôi và nói theo lối nói quen thuộc của Thầy: té ra, ông học cùng trường với mình!

Vốn ngưỡng mộ người đồng môn xuất sắc, nổi tiếng thuộc lớp tiền bối, tôi sung sướng tự hào và tự nghĩ từ đây trong Hội đồng Khoa học của khoa Toán trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, nơi tôi đang công tác, chúng tôi sẽ có thêm một thành viên mới: Giáo sư Lê Văn Thiêm.

Trong tôi, gần như có một cuộn phim dài về cuộc đời đi học đầy huyền thoại cho đến khi thành đạt rực rỡ và gương sáng về chuyện không màng danh lợi, vật chất ở nước ngoài, mang nặng sâu đậm tình yêu nước thân thương đang gian khổ chiến đấu. Chàng thanh niên trí thức Lê Văn Thiêm đã

từ bỏ tất cả, để rời Paris bay về Bangkok bằng tiền dành dụm sống kham khổ rồi băng rừng qua Campuchia, "lội bộ" về miền Tây Nam Bộ hòa mình vào cuộc sống kháng chiến của nhân dân. Đó là vào năm 1949. Thời ấy, miền Tây Nam Bộ làm gì có trường đại học, chỉ mới có một số lớp trung học, nhưng thời gian học và chương trình được thu gọn. Giáo sư Lê Văn Thiêm vui vẻ nhận mọi công tác được phân công kể cả công tác bình dân học vụ (xoá nạn mù chữ)! Kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp ngày càng phát triển thắng lợi. Chính phủ cách mạng bắt đầu nghĩ đến việc đào tạo cán bộ ngành Y được thành lập từ những ngày đầu kháng chiến phục vụ thương binh từ các chiến trường, bấy giờ các nhà trí thức kháng chiến thuộc lớp đầu đàn ở nước ta được Bác Hồ giao thêm cho một nhiệm vụ mới: mở ngay một lớp đại học, chuẩn bị cho việc đào tạo cán bộ kỹ thuật cao cấp. Ngay đến tên của lớp cũng được Bác Hồ đặt tên cho: Lớp Khoa học Cơ Bản. Giáo sư Lê Văn Thiêm được Chính phủ điều động từ miền Tây Nam Bộ ra Việt Bắc. Người thanh niên trí thức cao cấp ấy, lúc đó là người có học vị hiếm hoi và cao nhất nước vừa ở lứa tuổi ba mươi, lại một lần nữa hăm hở bằng đôi chân, vượt núi băng rừng ra cho kịp giảng dạy lớp đại học Toán đầu tiên của nước ta. Đài phát thanh Hà Nội tạm bị chiếm của thực dân Pháp la toáng lên: Việt Minh mở đại học trên núi !!!

Cho đến ngày sau khi nước nhà thống nhất, vì lý do sức khỏe, thầy Thiêm từ Hà Nội được về thành phố Hồ Chí Minh công tác. Tuy không trực tiếp giảng dạy ở khoa Toán, thầy chỉ sinh hoạt ở Hội đồng Khoa học của Khoa, nhưng anh chị em cán bộ giảng dạy trong khoa Toán chúng tôi cảm thấy như được tiếp sức mạnh mẽ.

Vốn rất ít nói và không hay nói đến mình, nhưng tôi luôn gần thầy "khai thác bí mật" nhiều chi tiết với ý nghĩ đó sẽ là bài học tốt cho học sinh, sinh viên, thanh niên nước ta sau này. Những dịp may mắn gần Thầy trong những năm tôi làm việc ở Viện Toán, Viện Hàn lâm Khoa học Ba Lan, Thầy tiết lộ: "Mình nhỏ hơn anh Tạ Quang Bửu 9 tuổi. Khi mình sang Pháp học thì anh Bửu đã về nước làm việc, có uy tín lớn trong giới trí thức, sinh viên. Lúc anh Bửu là thành viên Phái đoàn Chính phủ ta sang đàm phán với Chính phủ Pháp ở Paris, anh Bửu có đến thăm mình và khuyên mình bất luận trong hoàn cảnh nào cũng phải bảo vệ xong luận án Tiến sĩ quốc gia khoa học Toán học, vì càng có vị trí khoa học cao thì càng có uy tín để làm việc cho đất nước. Lúc đó, thế giới chưa biết nhiều đến Việt Nam, chỉ biết có Nguyễn Ái Quốc.

Một thời gian sau, theo giới thiệu của anh Bửu, mình được là thành viên của đoàn Việt Nam non trẻ đi dự Hội nghị Hoà bình Thế giới tại Stockholm (Thụy Điển). Anh dặn mình

hãy khoan nghĩ chuyện về nước vội vì ta cần có người ở nước ngoài để tuyên truyền cho cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta. Mình nghe lời khuyên và gần như là mệnh lệnh của bậc đàn anh. Mình hoàn thành luận án vào năm 1948 và nhờ uy tín của Giáo sư Valiron, Giáo sư đỡ đầu luận án của mình, mình đã kiếm được một "chân" trợ giảng đại học. Tuy vậy hoàn cảnh kinh tế của mình lúc ấy vẫn khó khăn lắm vì phải tiết kiệm từng franc (tiền Pháp) để tính chuyện mua vé máy bay Paris - Bangkok về nước, do lúc ấy nếu bay thẳng về Hà Nội hay Sài Gòn thì sẽ bị chính quyền Pháp hay ngụy quyền Bảo Đại giữ lại. Vì thế bữa cơm của mình ở Paris lúc ấy thường đạm bạc, chỉ bánh mì và một ít bơ". Nghe thầy kể, tôi thực sự xúc động và thông cảm với thầy: xưa nay, trong kho cổ tích dân gian nước ta, chuyện thầy đồ Nghệ - Tĩnh cần cù, hiếu học làm nên sự nghiệp và tiết kiệm nổi tiếng thì ai cũng biết!

Ngày Giáo sư Tạ Quang Bửu mất (21/8/1986), báo "Sài Gòn Giải phóng" vốn nhanh nhạy, cho phóng viên vào yêu cầu Ban Giám hiệu Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh cử người viết bài. Người được cử là tôi, nhưng tôi cương quyết từ chối vì tự xét "không đủ tư cách" và đề nghị người xứng đáng nhất làm việc này là Giáo sư Lê Văn Thiêm. Bài "*Vô cùng thương tiếc Giáo sư Tạ Quang Bửu*" đăng ở báo

"Sài Gòn Giải phóng" năm đó, tác giả là Giáo sư Lê Văn Thiêm, đã gây xúc động cho bao người.

Thầy lập gia đình chậm. Rất mực thương yêu vợ con cũng là một đặc tính đáng quý của thầy. Lúc thầy sang họp hội nghị các Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học các nước Xã hội chủ nghĩa tại Vác-sa-va, tôi được anh em cử đến mời thầy về chỗ chúng tôi ở để dùng cơm hàng ngày cho hợp khẩu vị. Thầy đắn đo giây lát rồi bảo với tôi: "Ừ, thế cũng được. Mình sẽ dành tiền mua cho bà Hồng (là bác sĩ, vợ Thầy) và các con ở nhà tí quà, nước mình đang gặp khó khăn". Tôi lặng người, thương thầy vô hạn, thầy thật là người chồng, người cha mẫu mực, giàu tình cảm, thật thà.

Những năm cuối đời, thầy không khoẻ lắm, vì vậy, muốn giữ sức khoẻ cho thầy, tôi ít mời thầy tham dự các sinh hoạt khoa học của khoa Toán, chỉ đến báo cáo với thầy xin ý kiến trước và sau khi Hội nghị kết thúc. Biết ý của tôi, thầy dặn: mấy ông cứ để mình dự đều sinh hoạt khoa học, vì đó là nguồn vui của mình. Tôi miễn cưỡng vâng lời.

Sức khoẻ của thầy ngày càng giảm, phải đi bệnh viện thường xuyên. Muốn cho thầy vui, nhớ lại những ngày còn học với Giáo sư Michel ở Collège de Quy Nhơn, tôi báo cáo với thầy rằng năm 1991 ở Quy Nhơn, tỉnh uỷ Bình Định chỉ thị cho Trường Quốc học Quy Nhơn (tức trường Collège de Quy

Nhơn ngày xưa) phải làm lễ kỷ niệm 70 năm ngày thành lập (1921-1991) thật long trọng, vì đây là nơi đào tạo nhân tài, ngành nào cũng có, từ ngày xưa cho đến hôm nay. Ngày ấy, Tỉnh uỷ sẽ mời thầy về bằng được vì thầy là "người thật việc thật", là niềm tự hào của trường, là tấm gương chói lọi cho lớp học sinh con cháu noi theo. Thầy vui hẳn lên, chắc thầy nhớ lại những kỷ niệm khó quên trong thời đi học với các Giáo sư Michel, Lê Ấm, Huỳnh Văn Gi... Nhưng thầy lại buồn buồn bảo tôi: Ừ, mình muốn về thăm lại trường xưa lắm, nhưng không biết bệnh tật có cho phép mình đi không?

Tháng 9 năm 1991, học sinh cũ của trường Collège de Quy Nhơn từ thế hệ đầu tiên (1921) ở mọi miền đất nước, có người đã qua tuổi tám mươi, cho đến các cháu hiện đang ngồi trên ghế nhà trường đều tề tựu đông đủ dự lễ. Đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ, uỷ viên Trung ương Đảng, đồng chí Chủ tịch Tỉnh cũng đều có mặt với tư cách là học sinh cũ của trường. Trong số có mặt hôm đó có cả người thuộc lớp trên của thầy, tuổi ngoài 80, nhưng từ thời đó cũng như sau này, đều nghe danh thầy và không ít người cũng thế hệ của thầy, là bạn thân một thời với thầy. Mọi người đang mong đợi thầy. Nhưng người học sinh cũ kiệt xuất của mọi thế hệ của trường Collège de Quy Nhơn, người học sinh năm xưa đã làm nên vẻ vang cho trường và cho đất nước đã vĩnh viễn ra đi vì cơn

bệnh hiểm nghèo, không kịp về mừng ngày hội ngộ sau 55 năm xa cách. Tôi vừa khóc vừa báo tin này, cả hội trường lặng đi...

*

Hôm nay, thương nhớ thầy, người đồng môn tiền bối, người thầy vô cùng kính mến của nhiều thế hệ Toán học Việt Nam, xin có mấy dòng viết không đầy đủ này gọi là tấm lòng thành kính dâng thầy.

Thầy mãi mãi là thần tượng về tài năng và đức độ cho thanh niên và trí thức Việt Nam noi theo.

# NIỀM NGƯỠNG MỘ THẦY THIÊM VÀ TÌNH YÊU TOÁN HỌC

***Phan Đình Diệu***(*)

Tôi còn nhớ rõ lần đầu tiên tôi được nghe tiếng Giáo sư Lê Văn Thiêm là vào một ngày đầu năm học 1948-1949, năm học trung học đầu tiên của tôi tại trường huyện (Can Lộc, Hà Tĩnh). Hôm ấy, thầy dạy Toán vào lớp, với một vẻ hân hoan hiếm có, kể cho chúng tôi nghe một tin tức từ báo chí ở Việt Bắc gửi về, trong đó có nói về một buổi nói chuyện của nhà khoa học Tạ Quang Bửu giới thiệu một số phát minh mới của khoa học thế giới, và giới thiệu thành tích của một số nhà khoa học Việt Nam, đặc biệt về nhà toán học trẻ tuổi Lê Văn Thiêm, tiến sĩ Toán học đầu tiên của nước ta tại Pháp và hiện đang dạy học tại Thụy Sĩ. Bọn học trò chúng tôi nghe một cách háo hức, để mà phấn khởi, tự hào, chứ thực ra chẳng hiểu gì mấy. Thế nào là một phát minh toán học, là

(*) Giáo sư Toán học, Đại học Quốc gia Hà Nội.

một luận án tiến sĩ, làm thế nào mà một người Việt Nam có thể nghĩ ra những "định lý toán học chưa ai từng biết"? Những câu hỏi như vậy thì trong nhiều năm sau chúng tôi vẫn chưa có câu trả lời, nhưng cái tên Lê Văn Thiêm, cùng với tên tuổi của các nhà khoa học cùng quê hương Nghệ Tĩnh như Hoàng Xuân Hãn, Tạ Quang Bửu... thì đã in đậm trong trí nhớ non nớt của chúng tôi, như những thần tượng, những mơ ước xa xôi mà thân thiết. Trong thời thơ ấu ở một vùng quê heo hút, chính niềm ngưỡng mộ đối với những tên tuổi huyền thoại đó đã nhen nhóm trong lòng tôi niềm say mê toán học tự lúc nào mình cũng không biết.

Cho đến đầu năm 1955, khi từ quê ra thủ đô Hà Nội mới được giải phóng để thi vào học Đại học, tôi mới có cơ hội tiếp cận với khả năng đạt được mong ước học Toán của mình. Nhưng chưa phải đã đạt được ngay mà còn phải trải qua một chặng thử thách khá trớ trêu nữa. Số là tôi ra Hà Nội chậm mất vài ba ngày, không kịp dự thi vào Khoa Toán (Đại học Sư phạm) nữa, chỉ còn có thể thi vào các ngành như Dược, Sinh - Lý - Hóa (có thể xem là Dự bị Y khoa), và thế là năm học đầu tiên đó, tôi theo học Dược được vài tuần rồi học Sinh - Lý - Hóa cho đến hết năm học. Nhưng không dứt được lòng ham mê Toán học, thỉnh thoảng tôi vẫn đi nghe trộm (hay xem trộm) các buổi giảng ở lớp Toán, chẳng hiểu gì nhưng vẫn thích thú và bị cuốn hút bởi những điều lạ tai về vi phân,

tích phân..., nên đến năm học sau, tôi đã bỏ việc theo học ngành Y và thi lại vào ngành Toán Đại học Sư phạm để được học Toán như ước muốn.

Mấy năm học Toán ở Đại học Sư phạm Hà Nội hồi ấy, tuy nhà trường còn nhiều thiếu thốn, nhưng đã là những năm học hành rất hào hứng đối với tuổi trẻ của tôi. Môn học nào cũng là mới mẻ, đầy hứng thú, chúng tôi được học với các thầy có uy tín, nhiều nhiệt tình. Thầy Thiêm dạy chúng tôi ở năm thứ ba, môn học Lý thuyết hàm số phức. Môn học được xem là khó, nhưng đầy hấp dẫn với những kiến thức mới lạ, những kết quả bất ngờ và những ứng dụng kỳ thú trong các lĩnh vực khác. Tôi nhớ, trong chương trình học hồi đó tôi thích nhất là các môn Cơ sở hình học, Số học và Lý thuyết hàm số phức, đặc biệt là những ứng dụng hàm số phức trong số học. Sau khi tốt nghiệp, ra trường được giữ lại dạy học ở khoa Toán, được bắt đầu một thời kỳ làm việc dưới sự chỉ đạo chung của thầy Thiêm, tôi đã chọn môn học đầu tiên mà mình nghiên cứu là Số học. Thầy Thiêm đã đồng ý với sự lựa chọn của tôi, và khuyến khích tôi đi sâu vào môn Số học. Thầy chỉ cho tôi biết những liên hệ thú vị giữa Lý thuyết hàm số phức và môn Số học. Số học là môn nghiên cứu về các con số, đã có lịch sử từ hơn hai nghìn năm và còn để lại biết bao bài toán khó nổi tiếng. Lý thuyết hàm số phức nghiên cứu về các hàm số mà cả đối số và hàm số đều nhận giá trị là

các số phức, tức chủ yếu là các số ảo, môn nghiên cứu tương đối mới mà thầy đã có nhiều kết quả đặc sắc, riêng những lý do đó đã hấp dẫn lòng say mê tuổi trẻ của tôi. Hồi đó, sách báo nghiên cứu khoa học ở nước ta còn rất thiếu thốn, nhưng may mắn làm sao tôi lại tìm mua được ở hiệu sách Tràng Tiền quyển "Số luận đạo dẫn" của Hoa La Canh mới xuất bản ở Bắc Kinh, chỉ có điều là sách in bằng tiếng Trung Quốc. Tôi cầm sách đến hỏi ý kiến Thầy với băn khoăn là mình không biết đọc tiếng Trung Quốc. Thầy mừng, bảo tôi: tìm được sách là tốt, Hoa La Canh là một nhà toán học lớn, nội dung sách rất hiện đại, còn chưa biết đọc tiếng Trung Quốc thì phải cố học mà đọc cho được thôi. Thật là đơn giản, cái gì chưa biết mà cần biết thì phải cố mà học thôi, không được lùi bước; đó là bài học lớn đầu tiên tôi học được từ Thầy. Tôi còn nhớ võ vẽ một ít chữ Hán học từ thuở bé, nay mua thêm một cuốn từ điển Hán-Việt của Văn Tân, rồi cố đọc sách của ông Hoa theo kiểu tra, đọc từng chữ Hán suốt một năm trời, cuối cùng cũng đọc được, hiểu được và dịch xong sách. Phần thưởng cho sự cố gắng đó là niềm hạnh phúc được hiểu biết những tri thức kỳ diệu về các con số, và đặc biệt nữa là về sự liên kết tài tình giữa các bộ môn khác nhau để tạo nên những điều kỳ diệu đó. Tôi bắt đầu hiểu đôi chút về Toán học và sự sáng tạo trong Toán học. Khảo sát về những vấn đề của lý thuyết hàm phức như các không điểm của hàm Zêta $\varsigma$

Riemann, dáng điệu của các tổng lượng giác,... mà lại có thể tìm ra phân bố các số nguyên tố, tìm các hướng đi nhằm giải quyết các bài toán khó trong số học như các bài toán Waring, Goldbach... Tôi còn được học với thầy Thiêm một chuyên đề nữa về Lý thuyết hàm số phức vào những năm đầu dạy học ở Đại học Sư phạm, đó là chuyên đề về ứng dụng trong các phương trình vi phân đạo hàm riêng. Chân trời liên kết giữa các ngành tri thức ngay trong một lĩnh vực toán học trước mắt tôi đã được mở rộng và hiện ra thật sáng sủa, có tác động rất lớn trong việc hình thành nhận thức về khoa học sau này của tôi. Vào những năm 1958-1960, ta bắt đầu có "phong trào" ứng dụng khoa học vào thực tế sản xuất và đời sống. Tôi nhớ, hồi ấy các bậc đàn anh như thầy Thiêm với "bài toán thấm trong các công trình thủy lợi", anh Tụy với việc "ứng dụng Vận trù học", đã hăng hái đề xuất và dẫn đầu bọn trẻ chúng tôi đi vào thực tế, tìm kiếm các bài toán trong sản xuất nông nghiệp, trong thủy lợi, giao thông vận tải,... để ứng dụng Toán học; và chúng tôi, với ít hiểu biết và nhiệt tình, háo hức đi theo các anh về các nhà máy, hợp tác xã; kết quả của việc hăng hái "ứng dụng Toán học" thì có thể chưa có gì đáng kể, nhưng một ý thức gắn liền việc học lý thuyết với ứng dụng trong thực tế thì đã được hình thành đậm nét từ đó. Với tôi, chính cái ý thức có vẻ còn mơ hồ từ thuở ấy đã dẫn dắt tôi đến với Tin học, Điều khiển học và Khoa học hệ

thống sau này. Hình ảnh của thầy Thiêm, một nhà toán học lý thuyết lớn, một Tiến sĩ Tây học, trong bộ quần áo giản dị, băng đồng lội ruộng, hăng hái một cách hồn nhiên trong những đợt đi thực tế, mãi mãi đối với tôi vẫn là hình ảnh thân thương về một tấm gương lớn của một nhà khoa học đàn anh trong niềm tin "khoa học phục vụ đời sống" của mình.

Thời gian tôi được làm việc gần gũi với thầy Thiêm lâu nhất là từ khi thầy về công tác ở Viện Khoa học Việt Nam, trực tiếp phụ trách xây dựng và phát triển Viện Toán học. Viện Toán học được chính thức thành lập từ đầu những năm 1970, lúc đầu chỉ có 4 bộ môn (Giải tích Toán học, Vận trù học và Tối ưu hoá, Xác suất và thống kê, Lôgic và lí thuyết ôtômat), và đã trải qua một thời gian đầu xây dựng với nhiều thiếu thốn, khó khăn. Tuy nhiên, với ưu thế là một cơ sở nghiên cứu Toán học đầu tiên của cả nước, với uy tín khoa học của thầy Thiêm và của các nhà toán học đàn anh như Giáo sư Hoàng Tụy, Viện Toán đã nhanh chóng trở thành một địa chỉ tập trung đầy hấp dẫn đối với giới Toán học, sau một số năm đã thu hút được nhiều cán bộ nghiên cứu trẻ và có năng lực về công tác tại Viện. Viện đã sớm tạo được một không khí học thuật và nghiên cứu khoa học sôi nổi, phát triển và mở rộng công tác đào tạo và nghiên cứu ra hầu khắp các lĩnh vực toán học hiện đại, xuất bản đều đặn các tạp chí

khoa học ở trình độ tiên tiến, có nhiều quan hệ hợp tác quốc tế rộng rãi,... Là một cán bộ toán học, có may mắn được công tác một thời gian đầu ở Viện Toán dưới sự lãnh đạo chung của thầy Thiêm, về sau tuy không còn là thành viên của Viện nhưng vẫn nhiều gắn bó với Viện, tôi vẫn luôn xem Viện là "quê hương" của mình, và vui mừng nhận thấy trong không khí hoạt động sôi nổi và thân thiện, nhiều chất trí tuệ mà vẫn rất bình dị hiền hòa ngày nay của Viện, đâu đó vẫn phảng phất phong thái của vị Viện trưởng đầu tiên, người thầy chung của giới Toán học, cố Giáo sư Lê Văn Thiêm kính yêu. Tôi có vinh dự là người cùng quê Hà Tĩnh với thầy Thiêm, tình yêu Toán học đã được nhen nhúm từ niềm ngưỡng mộ đối với thầy từ thuở thiếu thời, và cho đến nay, niềm ngưỡng mộ đó vẫn tiếp tục nuôi dưỡng tình yêu Toán học trong tôi, và tôi hiểu rằng nhiều niềm yêu khoa học khác mà tôi có được trong cuộc đời cũng đã được bắt nguồn từ chính tình yêu Toán học đó.



*Giáo sư Tạ Quang Bửu và Giáo sư Lê Văn Thiêm*
*(hàng đầu, thứ tư từ bên phải)*
*tại Lễ trao giải thưởng cho học sinh giỏi (1964)*

# TƯỞNG NHỚ THẦY LÊ VĂN THIÊM

*Trương Mỹ Dung*(*)

Lần đầu tiên tôi gặp Giáo sư Lê Văn Thiêm tại Hội nghị Toán học Toàn quốc năm 1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tôi thật sự ngưỡng mộ ông, một nhà Toán học tài ba, nổi tiếng trên thế giới, một người thầy lỗi lạc, lại hết sức giản dị, hiền hòa đến thế. Không hiểu sao tôi lại yêu Toán, quá đỗi say mê, một môn học, một ngành mà không phù hợp chút nào với phụ nữ. Tôi đến Hội nghị với màu áo Thanh niên Xung phong, mặc dù trước đó, tôi đã là nhà Toán học, là người phụ nữ duy nhất ở miền Nam có cao học Toán và đang làm luận án Tiến sĩ Đệ Tam tại Đại học Bách khoa Sài Gòn, sau đó là Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh và bây giờ là Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Nhờ thầy dẫn dắt, tôi đã trở thành nghiên cứu sinh của Viện Toán học Việt Nam, và được thầy Hoàng Tụy, một nhà Toán học rất nổi tiếng trên thế giới, hướng dẫn.

---

(*) Giảng viên Toán, Khoa Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

Mỗi lần gặp gỡ thầy luôn để lại trong tôi những ấn tượng khó quên. Tôi có cảm giác thầy như đang hiện diện đâu đây, với nụ cười hiền hoà, với những câu chuyện đầy hóm hỉnh, và một cuộc sống hết sức đơn giản. Thầy lập gia đình rất muộn. Cô là người miền Nam nên sau giải phóng, cô trở về miền Nam công tác. Ở đời có những điều tưởng như là tự nhiên, đơn giản nhưng đôi khi lại rất là khó hiểu, vì cũng rất có thể, mọi người sẽ không hiểu "tại sao vợ chồng chúng tôi, vẫn mãi là Ngưu lang Chức nữ"?, thầy vẫn sống một mình trong một căn hộ ở Hà Nội, những lần đến thăm thầy, lại thấy thầy thui thủi một mình. Thầy lại mắc bệnh tiểu đường, nên việc ăn uống phải kiêng khem rất khó, và tôi lại hết sức thương thầy. Và đôi khi mình cũng không thể hiểu hết niềm "hạnh phúc" trong mỗi con người. Có thể niềm hạnh phúc ở thầy là được "làm toán" (mà mãi đến bây giờ tôi mới cảm nhận được), là được "làm chỗ dựa cho lớp trẻ yêu và học Toán" (trong đó có tôi). Lần đầu tiên, tôi đến thăm thầy ở Tp.Hồ Chí Minh, gặp cô, còn rất trẻ so với thầy, và theo phản xạ tự nhiên, tôi đã buột xưng "em với cô", trong khi lâu nay, đối với thầy tôi luôn xưng là con, vì trong thâm tâm, tôi xem thầy như là "người cha tinh thần" của tôi. Con vẫn mãi mãi nhớ và mang ơn thầy. Tôi không nén được xúc động khi nhớ về thầy, và những giọt lệ đang rơi trên má tôi. Con gởi vài vần thơ kính dâng thầy.

# Tình yêu toán học

Kính tặng các thầy

và mến tặng các bạn bè đồng môn

*Sao em lại yêu Toán*
*Thế giới mộng mơ,*
*Lãng mạn,*
*Không như mọi người nghĩ,*
*Là con số khô cằn.*

*Toán học không phải trong Tháp ngà,*
*Là tình yêu rộng khắp muôn nơi,*
*Dù Anh đi đâu, về đâu,*
*Chất Toán trong Anh*
*Không hề mất.*
*Gặp nhau,*
*Ta nhận ra ngay*
*Đời thường dễ thấy,*
*Mỗi người một cõi*
*Riêng tư,*
*Nhưng, Toán học không ranh giới*
*Là niềm hạnh phúc,*
*Cùng chung một hướng.*



*Giáo sư Lê Văn Thiêm (hàng đầu, bên phải)*
*đón Đại tướng Võ Nguyên Giáp*
*đến thăm Viện toán học năm 1979*

# GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM NHÀ TOÁN HỌC TIÊU BIỂU CỦA VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ 20

*Nguyễn Văn Đạo*[*]

Nhiều năm, tôi có may mắn được gần gũi Giáo sư Lê Văn Thiêm, lúc đầu là học trò trực tiếp của ông, sau này được cùng sinh hoạt với Giáo sư trong những xê-mi-ne Toán học, rồi được cùng công tác với Giáo sư suốt gần hai chục năm ở Viện Khoa học Việt Nam (nay là Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia) và ngày Giáo sư từ trần, tôi đã được vinh dự thay mặt Viện Khoa học Việt Nam đọc lời điếu trước linh cữu Giáo sư...

Chỉ còn ít tháng nữa là đến kỷ niệm ngày sinh thứ tám mươi lăm của Giáo sư. Biết bao kỷ niệm ập đến về người thầy, người anh, người có công đầu trong việc xây dựng nền

(*) Giáo sư Cơ học, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Toán học Việt Nam hiện đại. Giáo sư đã đi vào cõi vĩnh hằng trên mười năm. Ấy vậy mà chúng tôi vẫn chưa quen được với sự thiếu vắng ông ở trên đời này. Hình như ông vẫn cùng chúng tôi dự các hội nghị khoa học, các xê-mi-ne, các buổi bảo vệ luận án và nhiều sinh hoạt khoa học khác. Đây đó trên đất nước ta đã xuất hiện những trường học, con đường, giải thưởng mang tên Lê Văn Thiêm. Đúng như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã viết: "*Anh Lê Văn Thiêm qua đời càng làm nổi bật tầm vóc và sự cống hiến của nhà toán học và người chiến sĩ cộng sản Lê Văn Thiêm*".

Thời đi học, điều may mắn nhất đối với chúng tôi là được học với các thầy rất giỏi và giàu tâm huyết. Chính nhờ vậy, dù cho chương trình học lúc đó không quá căng thẳng như bây giờ, mà khi ra đời chúng tôi vẫn có khả năng tự học, tự vươn lên trong các lĩnh vực khoa học. Người thầy dạy Toán ở đại học mà chúng tôi kính phục nhất, quý trọng nhất và tự hào nhất là Giáo sư Lê Văn Thiêm. Chúng tôi vẫn thường gọi ông bằng anh, anh Thiêm. Còn Giáo sư thì luôn luôn đối xử thân tình và chân thành với mọi người. Giáo sư thường gọi chúng tôi là "các ông" và xưng là "mình". Ai đã từng được gặp Giáo sư, dù chỉ một lần, đều không thể nào quên con người nhân hậu, hiền từ, giản dị, chất phác, trung thực và trí tuệ này. Hình như, ông được sinh ra để làm toán và ông sống để vun đắp những tài năng trẻ cho đất nước, sống trong sáng vì

một lý tưởng cao đẹp. Ông đã ủng hộ, tạo điều kiện cho mọi tài năng trẻ vươn cao trong khoa học, bất kể họ xuất thân từ nguồn gốc nào. Điều này đã khiến ông gặp không ít khó khăn khi sinh thời. Song, cũng chính nhờ vậy mà ngày nay người đời đã đánh giá cao ông, quý trọng ông - con người có một nhân cách lớn.

Anh Lê Văn Thiêm nổi tiếng là người toàn tâm, toàn ý với công việc, say mê đọc sách và do vậy thường hay đãng trí. Tôi hỏi chị Võ Thị Lệ Hồng: Nghe nói hồi ở Hà Nội, đã có lúc anh rủ chị đi xem phim ở rạp tháng Tám và "bỏ quên" chị ở ngoài rạp? Chị đáp: " Đúng vậy, anh dẫn tôi đến rạp, tay cầm cả hai chiếc vé và đi thẳng vào bên trong. Ngồi mãi, thấy ghế bên cạnh mình còn trống, anh mới sực nhớ là chưa đưa vé cho tôi. Anh hốt hoảng chạy ra. Tôi giận lắm, may mà chưa kịp quay về nhà. Ngồi xem phim, nhưng anh không tập trung tư tưởng, mải mê theo đuổi những công trình nghiên cứu dở dang. Xem xong, anh đạp xe thẳng một mạch về nhà. Nhìn sau xe không thấy tôi đâu, anh mới sực nhớ là đã bỏ quên tôi ở cửa rạp phim...".

Chị Hồng quê ở Tân An, vốn là y tá của Sở Y tế Nam Bộ. Năm 1954 tập kết ra Bắc, chị công tác tại Sở Y tế Hòn Gai, nơi cụ thân sinh ra chị - bác sĩ Võ Tấn Ca - làm Giám đốc Sở. Chị tốt nghiệp bác sĩ tại Đại học Y Hà Nội năm 1966. Chị Hồng và anh Thiêm kết hôn với nhau năm 1956, do đồng chí

Hà Huy Giáp làm chủ hôn. Anh, chị quen nhau qua sự giới thiệu của Giáo sư Trần Văn Giàu, bạn thân của bác sĩ Võ Tấn Ca. Chị hỏi Giáo sư Trần: Anh bao nhiêu tuổi? Giáo sư trách yêu: "Cái con bé này, tuổi tác có gì mà quan trọng?". Chị kém anh mười bảy tuổi và rất có duyên. Anh, chị sinh hạ được hai người con, Lê Thị Lệ Minh (1959) và Lê Hồng Phi (1963), cả hai đều đang công tác tại Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam. Sinh thời, anh Thiêm rất quý và chiều các con. Sau ngày đất nước thống nhất, năm 1975 chị trở về thành phố Hồ Chí Minh, công tác tại Bệnh viện Y Dược học dân tộc, làm chủ nhiệm khoa Ngoại, còn anh Thiêm do bận công tác, mãi đến 1981 mới chuyển hẳn vào Thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Hồng kể: "Ông hầu như không có thời gian của riêng mình. Như nhiều nhà khoa học khác, ông giản dị, hiền hoà, để tôi tự do lo liệu. Suốt ngày ông suy nghĩ, viết lách và... đãng trí. Mấy người bạn y tá thân của tôi tới nhà hoài mà ông vẫn không nhớ tên, nhớ người. Đi làm việc có lần xách luôn cả ca-táp của khách đi. Họ phải đến nhà đổi. Lúc tôi sinh con đầu, ông mừng quá nhưng không biết làm gì, mua một bó hoa to tướng vào bệnh viện, giữa cái thời buổi khó khăn ai cũng thiết thực, đâu có chơi hoa như bây giờ. Người ta bảo: ông "Tây" quá. Ăn mặc cũng đơn giản, từ lúc cưới nhau cho đến lúc mất, toàn do tôi may gì mặc nấy. Đồ cũng phải treo sẵn, nếu tôi quên chuẩn bị thì ông ấy mặc lại đồ dơ

cũng không biết. Không tiêu pha, ăn quán, ăn tiệm bao giờ. Có lần thấy tôi đi chợ trả giá, ông bảo như vậy mất thời giờ lắm. Một giờ làm được bao nhiêu việc hữu ích... Ông yêu con lắm, có lúc ngâm thơ ru con ngủ. Con tôi thuộc hết thơ Tố Hữu là nhờ cha. Ông yêu thơ, bơi lội, đánh bóng bàn rất giỏi. Nhưng khi làm việc thì ông quên hết xung quanh. Có hôm cơm dọn sẵn, tôi đến bên mời cả chục lần không thấy ông trả lời, cứ cắm cúi viết. Bỗng ông "hả" một tiếng như giật mình, làm tôi hết hồn. Hóa ra là ông đâu có nghe. Vào thành phố, ông vẫn sống đơn giản và làm việc, vẫn tiếp tục bệnh "đãng trí bác học". Trái cây nhiều, cắt gọn sẵn mà quên đưa thì ông quên ăn. Trên bàn vẫn giấy tờ lộn xộn. Có hôm tôi dọn dẹp rồi để sai chỗ, ông la dữ. Người ta bảo ông đi nước ngoài như đi chợ, như người khác thì sắm đầy đủ rồi. Vậy mà ông dường như chẳng cần thứ gì thì phải. Trong một lá thư gửi từ Mát-xcơ-va về cho vợ vào trước năm 1975, ông đã nói rõ quan điểm của mình "... Học được thêm kiến thức quý hơn tiền bạc nhiều.". Ngoài công việc bắt buộc phải đi xe hơi, ông vẫn đi một chiếc xe đạp tòng tọc, mãi tới sau giải phóng tôi bán được 400đ lúc đó. Một lần, khoảng 1972 - 1973 gì đó, ông đi Canada, kiều bào ủng hộ cả xưởng in, máy móc và tiền, về tới nhà, ông bắt tôi đếm từng loại, làm biên bản nộp Bộ Tài Chính. Có cán bộ la ông sao không tiêu hết một loại tiền nước ngoài nào đó (vì đem về cũng không tiêu được) thì ông ấy bảo

"tiêu gì hết được". Thậm chí, lần đầu tiên tôi trông thấy tờ đô-la muốn giữ lại một đô-la để chơi, ông ấy bắt đem nộp hết...

Giáo sư Lê Văn Thiêm sinh ngày 29/3/1918 tại xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh trong một dòng họ có truyền thống hiếu học, khoa bảng. Họ Lê đỗ đạt nhiều tới mức, người đời đã gọi làng quê của dòng họ - làng cổ Ngư Lâm - là làng "Kẻ Ngù", nói lái chữ "Cụ Nghè". Cha của Giáo sư, ông Lê Văn Nhiễu, đậu cử nhân ở khoa thi Canh Tý (1900). Chú ruột, ông Lê Văn Huân, giật Giải Nguyên năm 1916. Anh cả, ông Lê Văn Kỷ, đậu Tiến sĩ Đệ tam giáp lúc 28 tuổi trong khoa thi Mậu Ngọ (1918), khoa thi cuối cùng của triều Nguyễn.

Dòng dõi họ Lê ở Trung Lễ còn nổi tiếng về tinh thần bất khuất chống thực dân Pháp. Cụ Giải Huân sau khi đỗ đạt đã cùng các chiến sĩ yêu nước như ông nghè Ngô Đức Kế, cụ Huỳnh Thúc Kháng, cụ Đặng Nguyên Cẩn tham gia Duy Tân hội, hoạt động cách mạng. Cụ bị giặc Pháp bắt, bị lưu đày 10 năm ở Côn Đảo (1908 - 1917). Sau khi được trả tự do, cụ Giải Huân lại tiếp tục hoạt động trong Đảng Tân Việt, một trong những đảng tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bị bắt giam lần thứ hai tại nhà lao Vinh, cụ đã mổ bụng tự sát vào năm 1929. Các ông anh ruột của Giáo sư đều đi theo con đường cách mạng. Anh thứ hai Lê Văn Luân làm thường vụ

tỉnh uỷ Hà Tĩnh thời Xô Viết Nghệ Tĩnh, đã bị thực dân Pháp bắt và xử tử năm 1931. Chúng đã dùng cưa thợ mộc cưa đôi đầu ông, cưa sống, để xem bộ óc lãnh đạo, tổ chức của người cộng sản này lớn đến mức nào!

Sau phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, nhân dân hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh bị khủng bố đẫm máu. Làng Trung Lễ bị giặc Pháp đốt sạch, toàn bộ cây cối trong làng đều bị chặt trụi. Bốn chòi canh được dựng ở bốn góc làng để giám sát hoạt động của cộng sản. Cái tên làng cũng bị chúng đổi thành Lạc Thiện nhằm xoá đi một ký ức bất khuất. Gia đình Lê Văn Thiêm bị o ép vì có người anh là lãnh tụ cộng sản.

Năm 1930, cả cha và mẹ Lê Văn Thiêm đều qua đời. Cảnh bần hàn của gia đình đông anh em, cảnh tiêu điều của xóm làng bị khủng bố trắng đã thúc giục anh ra đi. Anh vào Quy Nhơn, nương tựa nơi người anh cả Lê Văn Kỷ đang hành nghề thuốc ở đó, để có thể theo đòi việc học tại trường Cao đẳng tiểu học Quy Nhơn. Trường này có tên là Collège de Quy Nhơn, nay là trường Quốc học Quy Nhơn, gồm cả thảy 9 lớp, do Giáo sư, cử nhân Toán học, người Pháp, Casimir Michel làm Hiệu trưởng. Lê Văn Thiêm đã làm cho tất cả các thầy giáo phải kinh ngạc về sự thông minh xuất chúng của mình, đặc biệt ở môn Toán học. Anh giải được những bài toán của các lớp trên, giải bằng nhiều cách khác nhau. Chỉ trong 4 năm (1933 - 1937), anh đã hoàn thành xuất sắc chương trình

học 9 năm và đứng đầu danh sách khen thưởng của nhà trường khi tốt nghiệp Cao đẳng tiểu học (tương đương với phổ thông cơ sở ngày nay). Thầy Hiệu trưởng Michel đã dự báo chính xác về Lê Văn Thiêm: "Anh ấy sẽ vượt xa trình độ cử nhân Toán học của tôi". Ba tháng sau, Lê Văn Thiêm lại lập một kỳ tích mới: thi đỗ tú tài phần 1 (tương đương lớp 11 ngày nay), việc mà người bình thường phải chuẩn bị khẩn trương trong hai năm. Ngay năm sau anh lại thi đỗ tú tài toàn phần.

Nguyện vọng lúc này của Lê Văn Thiêm là học tiếp Toán học ở bậc đại học. Tuy nhiên, khi đó cả Đông Dương chỉ có một trường đại học chưa hoàn chỉnh tại Hà Nội, chuyên về Y khoa và Luật khoa, chưa đào tạo cử nhân toán. Vì vậy, năm 1938, Lê Văn Thiêm đành phải ghi tên theo học lớp PCB (Lý - Hóa - Sinh) để chuẩn bị vào học ngành Y. Năm sau, 1939, với thành tích đỗ thứ nhì kỳ thi PCB, Lê Văn Thiêm được nhận học bổng sang Pháp du học. Vậy là nhờ tài năng và ý chí, Lê Văn Thiêm - một cậu bé nghèo khổ, mồ côi cả cha lẫn mẹ - đã tự mở cánh cửa kiến thức, đi thẳng vào thế giới khoa học hiện đại, tung hoành nơi khoa học phát triển nhất châu Âu, thực hiện ước mơ nghiên cứu Toán học của mình.

Đến Pa-ri, Lê Văn Thiêm vào học trường École Normale Supérieure, một trong những cái nôi đào tạo nhân tài toán học của nước Pháp. Được làm sinh viên của trường này là

một vinh dự to lớn và niềm ước mơ của nhiều người Pháp cũng như người nước ngoài. Có những vị tốt nghiệp ở trường này ra, khi công thành, danh toại, đã trở thành chính khách nổi tiếng, vẫn tự hào ghi thêm trong tấm danh thiếp của mình hàng chữ: "Học trò cũ của École Normale Supérieure". Pa-ri - thủ đô ánh sáng có biết bao điều hấp dẫn đối với tuổi trẻ, những cung điện lộng lẫy, các nhà thờ, viện bảo tàng, quảng trường, vườn hoa, những công trình kiến trúc v.v.... Tất cả đều sang trọng, tuyệt mỹ, có đi tham quan cả năm cũng chưa hết. Các khu ăn chơi của Pa-ri cũng nổi tiếng bậc nhất thế giới. Song, hấp dẫn nhất đối với Lê Văn Thiêm vẫn là không khí học thuật sôi nổi của các trường phái Toán học ở Pa-ri. Ngày, đêm anh miệt mài với sách vở trong các thư viện lớn, tham dự các giờ giảng của những nhà toán học nổi tiếng, các xê-mi-ne khoa học. Chỉ hai năm sau khi đến Pa-ri, Lê Văn Thiêm đã lấy được 5 chứng chỉ Toán học (chỉ cần 3 chứng chỉ à đã được nhận bằng cử nhân). Do những thành tích xuất sắc trong học tập, năm 1943, Lê Văn Thiêm được nhận học bổng một năm sang nghiên cứu Toán học tại Thụy Sĩ.

Lúc này, Lê Văn Thiêm đang quan tâm đến lý thuyết phân phối giá trị các hàm phân hình hoặc còn gọi là lý thuyết Nevanlinna - một trong những lý thuyết đẹp nhất của Toán học ở thế kỷ 20. Ông đã may mắn được làm nghiên cứu với chính tác giả của lý thuyết này - Giáo sư Nevanlinna, nhà

toán học Phần Lan, đã có thời là Chủ tịch Hội Toán học Quốc tế. Lê Văn Thiêm là người đầu tiên đưa ra lời giải cho một bài toán khó đã tồn tại nhiều năm của "Bài toán ngược của lý thuyết Nevanlinna". Ông đã chứng minh sự tồn tại nghiệm của bài toán này và đã đưa ra một phương pháp hoàn toàn mới để nghiên cứu vấn đề đặt ra: Phương pháp dùng không gian Teichmuler. Công trình khoa học của Ông chứa đựng những kết quả cơ bản, mở ra một hướng mới trong lý thuyết hàm biến phức và được nhắc đến trong các sách chuyên khảo thuộc lĩnh vực này. Vào năm 1956, sinh viên toán chúng tôi còn được thấy một cuốn sách viết bằng tiếng Đức về lý thuyết Nevanlinna, trong đó có trình bày ***Định lý Le Van***. Lưu lại một cái tên trong khoa học đâu có dễ!

Năm 1945, sau khi bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ A về Toán tại Đức và đang chuẩn bị lấy bằng Tiến sĩ B (habil) thì giáo sư hướng dẫn qua đời, thêm vào đó, tình hình chính trị - xã hội Đức đang rất rối ren, nước Đức phát xít đang trong cơn hấp hối, Lê Văn Thiêm quyết định trở về Pháp để tiếp tục nghiên cứu Toán học. Ba năm sau, 1948, dưới sự hướng dẫn của chuyên gia hàng đầu về hàm giải tích của Pháp - Giáo sư Georges Valiron - Lê Văn Thiêm đã bảo vệ xuất sắc luận án tiến sĩ khoa học quốc gia về Toán và "Chàng thanh niên 30 tuổi này đã nghiễm nhiên đứng vào hàng ngũ bậc thầy của chúng ta" như lời khen ngợi của Giáo sư Tạ

Quang Bửu đối với Lê Văn Thiêm tại Hội nghị Văn hoá toàn quốc trong thời kỳ kháng chiến diễn ra tại khu Bốn, năm 1948.

Vậy là, vừa đúng 30 năm sau ngày người anh cả Lê Văn Kỷ giật giải Tiến sĩ trong khoa thi Nho học (chữ Hán) cuối cùng của thời phong kiến, người em út Lê Văn Thiêm lại đạt được học vị Tiến sĩ Toán học đầu tiên của thời đại mới, mở đầu nền khoa học Việt Nam hiện đại.

Cùng say mê Toán học với Lê Văn Thiêm trong những năm tháng ở Pa-ri còn có Lê Thiệu Huy, người cháu gọi anh bằng chú, nhưng chỉ kém anh có hai tuổi. Lê Thiệu Huy là con trai đầu của cụ Lê Thước - một học giả nổi tiếng ở nước ta ở thế kỷ XX về văn học và sử học, có nhiều học trò thành đạt như Đặng Thai Mai, Tôn Quang Phiệt, Hoàng Minh Giám v.v... Cụ Lê Thước là con cô, còn Lê Văn Thiêm là con cậu. Lê Thiệu Huy là một học sinh xuất chúng, luôn luôn vượt xa các bạn học, thường học nhảy một năm hai, ba lớp và luôn luôn đứng đầu lớp. Năm 1939, mới 19 tuổi, Lê Thiệu Huy đã tốt nghiệp đồng thời ba bằng cử nhân loại ưu tại Pa-ri - một thành tích mà trước anh, chưa một người Pháp nào đạt tới. Giáo sư Brachet đã phải thốt lên: "Tôi chưa bao giờ gặp sinh viên nào xuất chúng hơn Lê Thiệu Huy. Tôi cũng không dám mơ sẽ gặp một người thứ hai tài ba đến như vậy".

Hai chú cháu họ Lê, hai người bạn đồng môn rất ý hợp, tâm đầu, có lúc đã chụm đầu cùng nhau nghiên cứu bài toán hàm phân hình. Sau này, khi hoàn thành bản luận án Tiến sĩ của mình, Lê Văn Thiêm đã ghi trang trọng ở trang đầu dòng chữ:

*"Kính dâng người bạn của tôi: Lê Thiệu Huy, đã hy sinh cho Tổ quốc Việt Nam trên sông Mê Kông, mùa xuân 1946"*:

*"Meinem Freund*

*LE THIEU HUY*

*(Gefallen auf dem Mekong fur Vietnam in Fruhling 1946)"*.

Lê Thiệu Huy đã hy sinh trong một trường hợp rất đặc biệt. Sau khi cách mạng tháng Tám (1945) thành công, anh tìm đường về nước tham gia cách mạng. Anh được Chính phủ ta cử sang Lào giúp bạn xây dựng quân đội và anh đã trở thành Tham mưu trưởng liên quân Việt - Lào, khi mới có 26 tuổi. Đầu năm 1946, anh được đồng chí Võ Nguyên Giáp giao nhiệm vụ đi hộ tống lãnh tụ của Lào, Hoàng thân Xu-pha-nu-vông và đã anh dũng hy sinh ngày 26/3/1946. Được tin đau đớn này, cụ Lê Thước đã viết bài thơ "Khóc con" rất xúc động như sau:

*Treo gươm nghĩa liệt soi ba nước,*
*Uổng kiếp tài hoa mới nửa đời,*

*Phơi phới trời Tây hồn cố quốc,*
*Quân thù chưa giết hận chưa nguôi.*

Năm 1991, Chính phủ Lào đã truy tặng liệt sĩ Lê Thiệu Huy Huân chương Độc lập hạng Nhất - Huân chương cao quý nhất của Nhà nước Lào.

Giáo sư Tạ Quang Bửu đã trao lại cho tôi một tư liệu quý về Lê Thiệu Huy, cuốn vở của anh ghi bài giảng Cơ học lý thuyết (Mécanique Rationelle) bằng tiếng Pháp. Xem chữ viết và nội dung ghi chép, chúng ta có thể thấy Lê Thiệu Huy đã nắm vững môn cơ học như thế nào. Kèm theo cuốn sách là mấy dòng chữ của Giáo sư Tạ Quang Bửu về Lê Thiệu Huy:

"*Hà Nội, ngày 5/5/1986*

*Anh Đạo thân mến,*

*Tôi có một quyển vở chép bài Cơ học của anh Lê Thiệu Huy, người học sinh có tiếng giỏi nhất thời đó. Thầy Cơ của anh là Hoàng Xuân Hãn, tốt nghiệp Polytechnique hạng cao (la botte). Lê Thiệu Huy không những đã ghi, mà đã sắp xếp lại. Tháng 9 năm 1945, tôi làm ở Bộ Ngoại giao, Huy ngủ cùng phòng với tôi ở Hàng Tre (Bộ Thủy lợi bây giờ). Anh Văn giao cho Huy đi hộ tống ông Supha và Huy đã hy sinh ở Savanakhet. Tôi trao quyển vở này cho Viện Cơ để giữ làm kỷ niệm.*

*Chúc anh mạnh khoẻ.*

*Tạ Quang Bửu*"

Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ, anh Lê Văn Thiêm háo hức mong trở về nước, đem kiến thức trau dồi được ra phục vụ cuộc kháng chiến trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trong lúc chờ đợi, anh đã tạm thời đi làm việc, khi ở Thụy Sĩ, lúc ở Pa-ri. Anh được mời giảng dạy Toán tại trường Đại học Kỹ thuật Zurich, Thụy Sĩ trong các năm 1948 - 1949. Châu Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai trở nên kiệt quệ, cuộc sống rất khó khăn, thực phẩm phải phân phối bằng tem phiếu. Bằng tiền dành dụm được, cuối năm 1949, Lê Văn Thiêm đã trở về nước qua đường bay Pari - Băngcốc, rồi từ Băng-cốc bằng đường bộ qua Cam-pu-chia về rừng U Minh, khu 9 miền Nam tham gia kháng chiến chống Pháp, công tác tại Sở Giáo dục Nam Bộ từ 19/12/1949.

Ở Nam Bộ, dưới sự lãnh đạo của Xứ uỷ, ngành giáo dục đã hình thành và phát triển, mà bắt đầu bằng việc Uỷ ban kháng chiến hành chánh Nam Bộ ra quyết định thành lập Sở Giáo dục và Viện Văn hoá kháng chiến Nam Bộ vào tháng 8/1947 tại kênh Dương Văn Dương, Đồng Tháp Mười, sau chuyển xuống rừng U Minh. Giáo sư Nguyễn Văn Chì được cử làm Giám đốc Sở Giáo dục và Giáo sư Hoàng Xuân Nhị (sinh 1914, Hà Tĩnh, Thạc sĩ triết học ở Pháp về 1946) làm Giám đốc Viện Văn hoá kháng chiến. Sau này, khi hai ngành Văn hoá và Giáo dục hợp nhất với nhau thành Nha Giáo dục Nam Bộ thì Giáo sư Hoàng Xuân Nhị được cử làm Giám đốc.

Nam Bộ đã thực hiện xuất sắc chủ trương của Trung ương: vừa kháng chiến, vừa lo nghĩ cho kiến quốc. Trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ (ngày 3/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra sáu nhiệm vụ cấp bách nhất: "1. Cứu đói; 2. Chống thất học; 3. Tổng tuyển cử; 4. Giáo dục phẩm chất con người Việt Nam mới; 5. Bỏ những thứ thuế vô nhân đạo; 6. Tuyên bố tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết". Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Một trong những công việc phải được thực hiện cấp tốc trong lúc này là nâng cao dân trí".

Sở Giáo dục Nam Bộ là một tập thể nhỏ, tập hợp một số nhà giáo cũ ở các trường trung, tiểu học Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ, trình độ văn hoá từ thành chung (điplôm) đến Cao đẳng Sư phạm. Có 3 cán bộ là Đặng Minh Trứ, tiến sĩ Lê Văn Thiêm và Hoàng Xuân Nhị đã du học tại Pháp, Đức. Tuổi nghề ước chừng vài năm đến 20 năm. Tập thể này luôn luôn gắn bó với nhau, đồng tâm nhất trí trên cơ sở chủ yếu đem hết tâm huyết, sức lực, kinh nghiệm giáo dục của mình, phục vụ kháng chiến chống thực dân Pháp cho đến ngày giành được độc lập, tự do. Mọi người yên tâm, vui vẻ nhận lấy phần công tác. Trong kháng chiến gian khổ, đôi khi cũng có những chuyện vui. Một lần, Giáo sư Hoàng Xuân Nhị được giới thiệu là một cán bộ từ Đức trở về tham gia kháng chiến và đến nói chuyện với bà con ở địa phương. Người nghe rất đông

và hào hứng. Sau khi buổi nói chuyện kết thúc, bà con yêu cầu ban tổ chức phiên dịch lại bài nói. Hóa ra, không phải Giáo sư nói bằng tiếng Đức như mọi người tưởng, mà là nói giọng đặc sệt Nghệ Tĩnh.

Một nhiệm vụ lớn và gấp đề ra cho Sở Giáo dục Nam Bộ là xây dựng một chương trình giáo dục mới của một nước độc lập và biên soạn một số tài liệu giảng dạy đầu tiên, cần thiết cho việc khởi động bộ máy giáo dục của các tỉnh.

Với tinh thần tự lực, tự cường, không cầu toàn, anh em cùng nhau bàn về nội dung cụ thể chương trình giáo dục bậc tiểu học (và sau đó của trung học) và phân công biên soạn một số bài học đầu tiên cho các lớp tiểu học. Phương pháp tiến hành việc soạn thảo chương trình và tài liệu giáo khoa là kết hợp giữa cái vốn sẵn có về văn hoá, sư phạm, kinh nghiệm giảng dạy với những yêu cầu mới của cách mạng.

Nội dung chương trình soạn thảo phải phù hợp với nền giáo dục mới, gạt bỏ tất cả những dấu vết của giáo dục thực dân, và xây dựng theo quan điểm giáo dục kháng chiến, đồng thời đáp ứng yêu cầu bồi dưỡng cho thanh, thiếu niên tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, chí căm thù giặc cướp nước, những đạo đức của người công dân Việt Nam, kiên quyết đấu tranh giành độc lập và tự do cho Tổ quốc.

Do các khoá học phải ngắn hơn thời bình, chương trình đã bỏ bớt những môn hoặc nội dung chưa cần thiết trong tiểu

kiện kháng chiến và thêm những môn hoặc nội dung rất cần thiết cho cách mạng, cho kháng chiến, kiến quốc như chính trị, văn hoá kháng chiến, lịch sử cách mạng Việt Nam.

Trong năm 1948, các phòng Bình dân học vụ, Trung, Tiểu học và phòng Tu thư của Sở cùng nhau biên soạn chương trình mới và một số bài dạy, soạn một tập danh từ khoa học phỏng theo cuốn "*Danh từ khoa học*" của tác giả Hoàng Xuân Hãn và một tập danh từ địa lý đại cương.

Ngoài công tác nghiên cứu, sưu tầm về giáo dục, văn học nghệ thuật, thư viện, bảo tàng, Viện Văn hoá kháng chiến Nam Bộ còn mở lớp đào tạo "giảng viên" (giáo viên trung học) cho các trường trung học kháng chiến và trung học bình dân, lấy tên là *lớp Sư phạm văn hoá đặc biệt Phan Chu Trinh*, mở trên bờ sông Thới Bình. Đối tượng học viên gồm những người có trình độ văn hoá bậc thành chung (điplôm), tú tài hoặc tương đương. Số học viên gần 100 người, đều là cán bộ các ngành: giáo viên, trưởng phó Ty Giáo dục, cán bộ tỉnh đoàn thanh niên cứu quốc, cơ quan quân đội, và một số văn sĩ, thi sĩ, họa sĩ, đang tham gia kháng chiến ở các địa phương, học trong một năm.

Kết quả của lớp Sư phạm và lớp *Văn hoá đặc biệt Phan Chu Trinh* với sự tham gia tích cực của Giáo sư Lê Văn Thiêm là xây dựng được một đội ngũ giảng viên gồm cả trăm người có nhiệt tình cách mạng, có năng lực chuyên môn cần

thiết, làm lực lượng nòng cốt cho sự thành lập một loạt trường trung học kháng chiến (trường phổ thông) và trường trung học bình dân. Hai loại trường này đều có nội trú, mà nhiệm vụ là bồi dưỡng văn hoá bậc trung học cho thanh niên nam nữ và cán bộ kháng chiến ở các cơ quan dân chính, Đảng. Yêu cầu cấp bách lúc bấy giờ là cung cấp hàng ngàn cán bộ có văn hoá cho chiến trường Nam Bộ.

Sở Giáo dục Nam Bộ còn mở một phân hiệu Sư phạm cao cấp, hệ khoa học tự nhiên, do Giáo sư Lê Văn Thiêm phụ trách. Đa số học viên là cán bộ của Sở, của cơ quan quân khu đến học, được tổ chức dưới dạng tại chức và hàm thụ. Các học viên, ngoài những buổi học chung về lý thuyết sư phạm, được chia thành tổ từng bộ môn Văn, Sử, Địa, Toán, Lý, Hoá, Vạn vật, Chính trị. Mỗi tổ phân công tổ viên tìm những danh từ khoa học bằng tiếng Việt và soạn bài về bộ môn mình, rồi đem ra thảo luận. Trong khoá đầu, phân hiệu đã đào tạo được 25 giáo viên, làm nòng cốt cho các trường trung học của các tỉnh miền Đông, Đồng Tháp Mười và các tỉnh miền Tây, chiến khu U Minh.

Giáo sư Lê Văn Thiêm còn có những buổi nói chuyện với các thầy giáo và học sinh trong vùng kháng chiến về "Toán học hiện đại ở Pháp và về vai trò của Toán học trong đời sống".

Trong thời gian công tác ở khu 9 Nam Bộ, Giáo sư Lê Văn Thiêm có quan hệ mật thiết với Giáo sư Hoàng Xuân

Nhị. Sau này, 21/3/1950, Giáo sư Hoàng Xuân Nhị là một trong hai người đã giới thiệu Giáo sư Lê Văn Thiêm gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam. Người giới thiệu thứ hai là ông Nguyễn Văn Tiến, Mặt trận Tổ quốc Trung ương. Một Việt kiều, mới về nước có 4 tháng, đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản, là điều hiếm thấy. Nghe nói, chính đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ đã có ý kiến chỉ đạo kết nạp Giáo sư Lê Văn Thiêm vào Đảng.

Sau thắng lợi vang dội của chiến dịch Biên giới 1950, Chính phủ ta khẩn trương chuẩn bị lực lượng cán bộ khoa học cho việc kiến thiết đất nước sau ngày toàn thắng. Tháng 7/1950, Đề án giáo dục được thông qua nhằm đáp ứng kịp thời các nhu cầu của thời kỳ cách mạng mới. Từ năm học 1950-1951, trong điều kiện khó khăn gian khổ của cuộc kháng chiến, nước ta đã từng bước hình thành ba trung tâm đại học: trung tâm Việt Bắc gồm các trường Đại học Y, Ban Quân dược, Cao đẳng Công chính, Cao đẳng Mỹ thuật; trung tâm Thanh - Nghệ với hai phân hiệu Khoa học Xã hội và Khoa học Tự nhiên; Khu học xá Trung ương, (đặt nhờ tại Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc) đào tạo cán bộ khoa học và giáo viên trung học.

Giáo sư Lê Văn Thiêm được Chính phủ điều động từ Nam Bộ ra Việt Bắc để nhận nhiệm vụ mới. Ba lô trên vai, Giáo sư đã phải lội bộ 6 tháng theo đường rừng, dọc theo

chiều dài của đất nước, qua những vùng rừng thiêng nước độc, "vắt dài lêu nghêu, muỗi kêu như sáo thổi". Ông cũng bắt đầu nghiện thuốc lào từ đó, có thể hút năm, sáu điếu một lúc, vì đường xa và rỗi việc. Ra đến Việt Bắc, năm 1951, Giáo sư được giao nhiệm vụ xây dựng Trường Sư phạm Cao cấp và Trường Khoa học Cơ bản, được cử giữ chức vụ Hiệu trưởng của hai trường này. Học sinh của các trường này sau khi tốt nghiệp đã đóng vai trò nòng cốt trong các trường đại học, các viện nghiên cứu của ta.

Trong thời kỳ ở Việt Bắc, các nhà khoa học lớn Tạ Quang Bửu, Trần Đại Nghĩa và Lê Văn Thiêm là những người đã đặt nền móng đầu tiên cho công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu ứng dụng, tạo dựng nên thế hệ cán bộ khoa học đầu tiên của nước Việt Nam mới.

Sau thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ dẫn tới kết thúc cuộc chiến tranh chống Pháp, năm 1954, Giáo sư Lê Văn Thiêm tham gia Ban tiếp quản các trường Đại học Hà Nội. Ngay trong năm học 1954-1955, dựa vào các cơ sở trường học mới tiếp quản, Chính phủ cho phép một số trường đại học khai giảng, trong số đó có Trường Đại học Sư phạm Khoa học, Đại học Sư phạm Văn khoa và Đại học Y - Dược. Số sinh viên vào các trường này gồm 300 sinh viên cũ từ các cơ sở đại học trong kháng chiến về và 850 sinh viên mới tuyển. Giáo sư Lê Văn Thiêm được cử làm Giám đốc trường Đại học Sư

phạm Khoa học Hà Nội. Xuất phát từ nhu cầu trước mắt và lâu dài, yêu cầu phát triển khoa học ứng dụng và khoa học cơ bản, ngày 4/6/1956, Chính phủ đã ra quyết định số 2184/TC thành lập 5 trường đại học: Đại học Bách khoa (do Giáo sư Trần Đại Nghĩa làm Giám đốc), Đại học Tổng hợp (Giáo sư Ngụy Như Kon Tum), Đại học Sư phạm (Giáo sư Phạm Huy Thông), Đại học Y - Dược (Giáo sư Hồ Đắc Di) và Đại học Nông lâm (Giáo sư Bùi Huy Đáp). Từ năm 1957-1970, Giáo sư Lê Văn Thiêm được cử giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, kiêm Chủ nhiệm khoa Toán.

Ngày 15/10/1956, khoá học đầu tiên của trường Đại học Tổng hợp đã long trọng khai giảng tại giảng đường lớn của khu Đại học Việt Nam tại số 19 đường Lê Thánh Tông, Hà Nội. Hơn 430 anh chị em sinh viên từ nhiều địa phương trên mọi miền của tổ quốc đã hân hoan tựu trường. Trong đội ngũ sinh viên khoá đầu tiên của nhà trường có những người mới hôm qua còn là anh bộ đội Cụ Hồ, là cán bộ ngành văn hóa - giáo dục, là những học sinh của trường Bổ túc Công nông Trung ương, các trường phổ thông cấp III trong vùng kháng chiến và các trường trung học ở vùng địch tạm chiếm cũ vừa được giải phóng. Đặc biệt, trong đó có đông đảo con em đồng bào miền Nam mới tập kết ra Bắc, sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết.

Khu Đại học Việt Nam ở số 19 Lê Thánh Tông là cơ sở đầu tiên của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, vừa là nơi làm việc của Ban Giám đốc (Văn phòng khoa Hóa ngày nay), của các khoa và nơi học tập của sinh viên. Khu Việt Nam học xá ở phố Bạch Mai (nay là khu dân cư Bách Khoa) là nơi ăn, ở, sinh hoạt chung cho sinh viên nội trú Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm và Trường Đại học Bách khoa. Đến năm 1957, khu ký túc xá Lò Đúc (quận Hai Bà Trưng) được xây dựng để tiếp nhận sinh viên Trường Đại học Tổng hợp, Sư phạm, Y - Dược, còn khu Việt Nam học xá dành cho trường Đại học Bách khoa.

Về mặt thiết bị, buổi đầu nhà trường chỉ có một ít phòng thí nghiệm đại cương nghèo nàn (Hoá, Lý, Sinh vật), một thư viện nhỏ bé, đội ngũ giáo sư và cán bộ giảng dạy trong hai năm học đầu chỉ có 43 người. Trong đội ngũ còn ít ỏi đó, có những giáo sư dày dạn kinh nghiệm, có uy tín lớn đã được Chính phủ tin cậy giao trọng trách xây dựng trường Đại học Tổng hợp - trường duy nhất đào tạo cán bộ khoa học cơ bản, đồng thời là cơ sở nghiên cứu khoa học quan trọng của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Tên tuổi và sự nghiệp đào tạo của các giáo sư và cán bộ đầu tiên của trường như Ngụy Như Kon Tum, Đặng Thai Mai, Trần Văn Giàu, Lê Văn Thêm, Nguyễn Hoán, Hoàng Xuân Nhị, Dương Hữu Thời... được ghi đậm nét trong trang đầu của lịch sử Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Vượt qua những thiếu thốn và những khó khăn về nhiều mặt trong buổi đầu xây dựng, cán bộ và sinh viên đã dần dần ổn định nền nếp làm việc, học tập. Việc biên soạn chương trình, giáo trình giảng dạy phù hợp với thực tiễn nước ta - vấn đề bức thiết trước mắt và có ý nghĩa quyết định lâu dài trong công tác xây dựng nhà trường - đã được quán triệt và tổ chức thực hiện từng bước ngay từ những ngày đầu. Các giáo sư, cán bộ giảng dạy nhà trường rất chú trọng tham khảo, học tập kinh nghiệm của Liên Xô, Trung Quốc. Một số giáo trình tài liệu khoa học của Liên Xô đã được dịch ra tiếng Việt làm tài liệu học tập, nghiên cứu cho sinh viên. Cùng thời gian này, một số chuyên gia Liên Xô đã tận tình giúp đỡ đội ngũ cán bộ khoa học nhà trường bồi dưỡng, nâng cao trình độ.

Thành tựu 9 năm (1956-1965) xây dựng và trưởng thành của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội là rất to lớn và cơ bản. Nó đã tạo ra cơ sở vật chất và tinh thần cần thiết để nhà trường có thể vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong giai đoạn mới, đầy gian khổ nhưng rất vẻ vang của dân tộc.

Để cứu vãn thất bại, năm 1965 đế quốc Mỹ đã đưa quân ào ạt vào miền Nam và tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc. Trước tình hình đó, chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc. Miền Bắc là hậu phương lớn của tiền tuyến lớn miền Nam. Cả miền Bắc chuyển hướng xây

dựng kinh tế và đời sống. Đối với công tác giáo dục, ngày 3/7/1965, Trung ương Đảng chỉ thị: "Trước tình hình và nhiệm vụ mới, nhà trường phải thật sự là một đơn vị chống Mỹ cứu nước, thực sự là một tập thể gương mẫu trong giảng dạy, học tập, lao động, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu" (Chỉ thị 102 CT/TW). Cũng trong năm 1965, Bộ Đại học và THCN được thành lập do Giáo sư Tạ Quang Bửu làm Bộ trưởng, khẳng định quyết tâm lớn của Đảng và Chính phủ phát triển sự nghiệp đào tạo bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật ngay trong điều kiện có chiến tranh.

Thi hành lệnh sơ tán ra khỏi thủ đô để tránh bom đạn của kẻ thù, tháng 8/1965, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội sơ tán về huyện Đại Từ (Bắc Thái) thuộc vùng căn cứ địa Việt Bắc trước đây.

Bằng bàn tay lao động khẩn trương, với quyết tâm cao đánh thắng giặc Mỹ, cộng với sự giúp đỡ tận tình của nhân dân địa phương, chỉ trong một thời gian ngắn, thầy và trò của trường đã xây dựng được hàng trăm cơ sở, phòng thí nghiệm, thư viện, bệnh xá, lớp học, nhà ở, thích hợp với điều kiện thời chiến, tạo điều kiện đưa nhanh mọi hoạt động của nhà trường vào nền nếp, nhanh chóng triển khai công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Tuy gặp nhiều khó khăn như thiếu tài liệu, sách báo khoa học, vật tư thiết bị, thông tin khoa học bị hạn chế, điều kiện sinh hoạt kham




*Đoàn các nhà khoa học Việt Nam thăm trụ sở*
*Phái đoàn Việt Nam tại Liên Hợp Quốc, New York (10/1981)*

khổ..., khí thế thi đua dạy tốt, học tốt của thầy và trò nhà trường vẫn được duy trì và ngày càng phát triển.

Song song với việc tiếp tục đẩy mạnh công tác giảng dạy và học tập, từ năm 1966-1967 trở đi phong trào nghiên cứu khoa học phát triển lên một bước mới. Cùng với việc mở rộng không ngừng phong trào nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng dạy, phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên cũng được quan tâm.

Hơn 4 năm sống trên núi rừng Bắc Thái, gian nan vất vả, nhiều khó khăn nhưng thầy và trò trường Đại học Tổng hợp Hà Nội đã vững vàng trước mọi thử thách, chủ động sáng tạo và hoàn thành mọi nhiệm vụ chính trị của mình. Cũng trên mảnh đất này, đội ngũ trí thức nhà trường đã thể hiện phẩm chất cao đẹp của người lao động mới.

Sau khi đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện ném bom miền Bắc, đầu năm 1969, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội bắt đầu chuyển từ vùng sơ tán Đại Từ, Bắc Thái về xuôi: bộ phận chủ yếu của trường về Đông Anh (ngoại thành Hà Nội) còn các khoa Văn, Sử về La Khê, La Nội (Hà Tây) về Mễ Trì (Hà Nội). Đến giữa năm 1970 toàn trường đã trở về các cơ sở cũ ở Hà Nội: Thượng Đình, Mễ Trì, Lê Thánh Tông, Lò Đúc, Phúc Xá. Cũng vào năm này, Giáo sư Lê Văn Thiêm được Chính phủ điều động sang phụ trách Viện Toán học thuộc Viện Khoa học Việt Nam.

Viện Toán học được thành lập từ hơn 1 năm trước đó (5/2/1969), nhưng Viện chỉ hoạt động chính thức vào cuối năm 1970, khi có Giáo sư Lê Văn Thiêm phụ trách. Mặc dù còn có nhiều khó khăn, việc thành lập Viện đã tạo nên những thuận lợi lớn cho công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo cán bộ. Viện đã có một kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ tương đối lâu dài. Nhiều cán bộ trẻ của Viện được cử đi học tập ở Liên Xô và các nước Đông Âu, dưới các hình thức thực tập sinh và nghiên cứu sinh.

Năm 1972, chiến tranh phá hoại của Mỹ lại leo thang, Viện Toán học phải sơ tán lên huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phú. Các hoạt động nghiên cứu khoa học gặp rất nhiều khó khăn, phần vì đời sống rất vất vả thiếu thốn, phần vì tài liệu sách vở nghèo nàn, lại không mang hết lên nơi sơ tán được. Tuy vậy, công tác nghiên cứu khoa học vẫn được tiến hành với quyết tâm cao. Các xê-mi-ne khoa học vẫn được tiến hành, chẳng hạn, xê-mi-ne *Lý thuyết nước thấm* vẫn đều đặn cho ra những tuyển tập báo cáo in bằng rônêô trên giấy đen. Chỉ riêng sự kiện, năm nào Viện cũng tổ chức được Hội nghị khoa học để các cán bộ thông báo kết quả nghiên cứu mới, cũng đã minh chứng cho sự lao động khoa học kiên trì của các cán bộ trong Viện trong những hoàn cảnh cực kỳ khó khăn. Bốn tập *kết quả nghiên cứu Toán học* được xuất bản vào các năm 1969 - 1972 (cũng in bằng rônêô), tổng kết lại

các kết quả nghiên cứu hàng năm của Viện. Viện vẫn có những công trình đạt chất lượng cao, công bố trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế.

Sau Hiệp định Paris 1973, Viện Toán học trở về Hà Nội và bước sang một giai đoạn mới thuận lợi hơn. Trong khoảng thời gian từ năm 1973 - 1975, Viện đã được bổ sung thêm nhiều cán bộ trẻ tốt nghiệp ở Liên Xô và Đông Âu, nhiều cán bộ của Viện được cử đi làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài đã trở về. Viện lại có thêm một cơ sở, tuy chỉ là nhà cấp bốn, nhưng đã rộng hơn, ở số nhà 208Đ Đội Cấn.

Ngày 20 tháng 5 năm 1975, Nhà nước quyết định thành lập Viện Khoa học Việt Nam trực thuộc Chính phủ, trên cơ sở của khối nghiên cứu thuộc Uỷ ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước. Viện Toán học là thành viên hiển nhiên của Viện Khoa học Việt Nam với các phòng nghiên cứu: Vận trù học và Lý thuyết tối ưu, Phương trình vi phân, Xác suất và Thống kê toán học, Phương pháp toán lý, Giải tích hàm, Toán học rời rạc.

Một trong những vấn đề trung tâm, được thảo luận nhiều lần trong Viện kể từ ngày thành lập, đặc biệt là trong giai đoạn này, là mối quan hệ giữa nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu ứng dụng. Với ý thức trách nhiệm cao, mỗi cán bộ đều mong muốn có những đóng góp cụ thể cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Nhưng vấn đề đặt ra là làm thế nào để có

những ứng dụng thực sự ở trình độ Toán học cao, đúng với vai trò của một Viện nghiên cứu đầu ngành. Mặt khác, công tác nghiên cứu lý thuyết cũng phải định hướng sao cho phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn Việt Nam, đồng thời có khả năng nắm bắt những phát triển hiện đại của Toán học thế giới. Sau nhiều lần trao đổi, thảo luận, Viện đã nhất trí vạch ra con đường phát triển lâu dài. Đó là đẩy mạnh những nghiên cứu cơ bản có định hướng ứng dụng, đồng thời chống "chủ nghĩa tỉnh lẻ" trong nghiên cứu lý thuyết (thuật ngữ "chủ nghĩa tỉnh lẻ" được dùng để chỉ những nghiên cứu, mặc dù có thu được kết quả nào đó, nhưng nằm bên lề những mối quan tâm chủ yếu của Toán học). Trên phương hướng đó, nhiều cán bộ của Viện đã chuyển sang một số hướng nghiên cứu khá tập trung như lý thuyết tối ưu, giải tích lồi. Một số khác chuyển sang nghiên cứu giải tích phức nhiều biến, hình học đại số,... Đây là những cơ sở đầu tiên cho việc hình thành một số hướng và nhóm nghiên cứu mạnh, phần nào mang bản sắc riêng của Viện Toán học trong những giai đoạn về sau....

Trong những năm công tác tại Viện Khoa học Việt Nam (1977 - 1993), tôi có nhiều lần được làm việc với Giáo sư Lê Văn Thiêm, song thời gian được tiếp xúc dài nhất với Giáo sư là bốn tuần đi thăm và làm việc tại nước ngoài, với bao điều mới lạ và thú vị. Tháng 10/1981, các Giáo sư Lê Văn Thiêm,

Hoàng Tụy và tôi đi thăm một số trường đại học ở Mỹ theo lời mời của Uỷ ban Mỹ hợp tác khoa học với Việt Nam do Giáo sư E.Cu-pơ-man đứng đầu. Uỷ ban này được thành lập năm 1977 để đáp ứng lòng mong muốn của nhiều nhà khoa học Mỹ tăng cường hợp tác khoa học với Việt Nam. Trong hai mươi tám ngày làm việc khẩn trương, căng thẳng, chúng tôi đã có hàng trăm cuộc tiếp xúc, trao đổi ý kiến về chuyên môn, thuyết trình tại các xê-mi-ne, gặp gỡ những người Mỹ trong tổ chức Mỹ - Việt hữu nghị và anh em trong Hội Việt kiều yêu nước.

Chúng tôi bắt đầu đi thăm nước Mỹ từ các trường đại học ở miền Tây Oa-sinh-tơn, Bơ-cơ-li, Sten-phơt, Ca-li-pho-ni-a tại Lôt An-giơ-lét. Sau đó, chúng tôi lên phía Bắc thăm các trường đại học Mi-nê-xô-ta, Si-ca-gô, I-li-noi, Men-lơn (Pit-xbơc) rồi qua phía Đông thăm đại học Nooc-it, MIT (trường Đại học Kỹ thuật Mat-sa-chu-set), Ha-vơt, I-ê-lơ, Brao, Prin-xtơn, Uy-xiôn-xin, Rai-xơ, Cô-lôm-bi-a. Đó là những trường đại học cỡ lớn nhất ở Mỹ. Mỗi trường có khoảng vài chục nghìn sinh viên, bao gồm cả khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học kỹ thuật và y, dược. Các trường nói trên có một đội ngũ nhà khoa học giỏi, trong đó có một số người được giải thưởng Nô-ben, giải thưởng Phin-dơ (tương đương với giải thưởng Nô-ben). Mỗi trường đại học là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học lớn. Các phòng thí nghiệm được

trang bị hiện đại với nhiều máy móc tự động. Thư viện có khá đầy đủ sách báo, tài liệu. Máy tính và các phương tiện sao chụp tài liệu được sử dụng rộng rãi. Các nhà khoa học Mỹ đạt được nhiều kết quả nghiên cứu trên các lĩnh vực khoa học hiện đại, có nhiều kinh nghiệm trong việc kết hợp lý thuyết và ứng dụng. Một điều lạ đối với chúng tôi là phần lớn các trường đại học ở Mỹ là trường tư. Dù học ở trường tư hay trường công, sinh viên đều phải đóng học phí, cả chục ngàn đô-la một năm. Sinh viên đại học phần lớn vừa đi học, vừa đi làm thêm để kiếm sống. Khủng hoảng kinh tế tác động khá mạnh đến các trường đại học: sinh viên ra trường khó tìm được việc làm, nhiều người thất nghiệp, phải chuyển ngành. Nền giáo dục đại học ở Mỹ phát triển không theo một kế hoạch thống nhất. Chương trình đào tạo, sách giáo khoa, việc thi cử, bảo vệ luận án cũng do từng trường tự quy định.

Tại các trường đại học nói trên, chúng tôi đã có những cuộc gặp bổ ích với các nhà khoa học Mỹ cùng chuyên môn, thăm các thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm tính toán, thuyết trình tại các xê-mi-ne. Chúng tôi cũng chú trọng giới thiệu với các nhà khoa học Mỹ về sự phát triển của giáo dục và khoa học ở Việt Nam, những thành tích của thanh niên, thiếu niên Việt Nam trong các kỳ thi quốc tế về Toán, Âm nhạc, Hội họa, Kiến trúc. Trước đây, người Mỹ biết nhiều đến Việt Nam qua cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Nhân

dân Mỹ có cảm tình với cuộc chiến đấu của nhân dân ta, khâm phục tinh thần dũng cảm của dân tộc ta. Song, họ ít hiểu biết về đời sống, xã hội, những thành tựu về văn hoá, y tế, giáo dục và khoa học của ta.

Người ta hỏi chúng tôi về việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học ở Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh. Mọi người chăm chú nghe chúng tôi kể lại hoạt động của các trường đại học trong những ngày tháng đầy gian khổ nhưng lý thú ở khu rừng nơi sơ tán. Câu chuyện đưa chúng tôi quay trở về giai đoạn Mỹ đánh phá ác liệt miền bắc nước ta, rồi máy bay B52 giội bom xuống Hà Nội... Vào thời kỳ gian khổ, khó khăn ấy, chúng tôi cũng không nghĩ rằng sẽ có ngày mình đứng trên bục giảng đường của các trường đại học ở Mỹ để trình bày những vấn đề khoa học nảy sinh ra từ những năm tháng ấy...

Những buổi trình bày của chúng tôi tại các xê-mi-ne về kết quả nghiên cứu khoa học của bản thân mình đã gây được sự chú ý của nhiều người. Giáo sư Hoàng Tụy nói về Phương pháp tìm cực tiểu một hàm lõm trên một tập đa diện lồi không giới nội và ứng dụng vào bài toán bù tuyến tính; phương pháp mới để giải bài toán quy hoạch lõm tổng quát; vấn đề tính điểm bất động. Giáo sư Lê Văn Thiêm trình bày: Về sự tồn tại của một hàm điều hòa giới nội tự đẳng cấu; các hàm P - giải tích và chuyển động của chất lỏng nhớt có đối xứng trục, về dòng chảy hai chiều theo chế độ Oseen, và tôi

trình bày về: Một số vấn đề hiện đại của lý thuyết dao động phi tuyến; dao động phi tuyến của các hệ động lực cấp cao; dao động của các hệ cơ học trong mô hình lưu biến. Có những người đến nghe chúng tôi trình bày báo cáo khoa học và trao đổi ý kiến về các vấn đề chuyên môn mà họ quan tâm. Đó là các giáo sư, thực tập sinh, nghiên cứu sinh cùng ngành. Cũng có những người đến xem chúng tôi báo cáo, xem một giáo sư từ Hà Nội sang trình bày những vấn đề khoa học hiện đại. Nhiều người nói lên sự ngạc nhiên của mình: Trong điều kiện khó khăn của chiến tranh, thiếu những thông tin khoa học cần thiết, người Việt Nam vẫn nghiên cứu Toán học ở trình độ hiện đại. Một số nhà khoa học Mỹ đã biết các công trình nghiên cứu Toán học có giá trị của Giáo sư Hoàng Tụy, nhưng có những người không ngờ rằng anh Tụy là người Việt Nam. Sau buổi báo cáo của tôi tại trường đại học Prin-xtơn, một thanh niên người Việt chạy đến bắt tay và tự giới thiệu: "Tôi cũng là người Việt Nam, tôi là giảng viên Toán của trường này. Nghe tin giáo sư đến báo cáo tôi rất mừng...". Có lần, một thanh niên Mỹ đã hướng đến Giáo sư Lê Văn Thiêm hỏi "Thưa ngài, ngài là Giáo sư Lê Văn Thiêm?". Anh thanh niên mừng rỡ giải thích: Qua báo chí, được tin Giáo sư sang thăm Mỹ, tôi đã tìm gặp cả tháng nay để cảm ơn. Công trình Toán học của Giáo sư công bố năm 1944 ở Đức đã giúp tôi trong việc bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ".



*Giáo sư Lê Văn Thiêm*
*trong Đoàn các nhà khoa học Việt Nam thăm Mỹ (10/1981)*

Đối với những người làm công tác nghiên cứu khoa học, thì việc trao đổi ý kiến trực tiếp với nhau về các hướng nghiên cứu, các kết quả nghiên cứu, những dự kiến nghiên cứu trong tương lai là việc rất bổ ích, giúp thu được những thông tin mới nhất, nhanh nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của mình. Những cuộc trao đổi ý kiến như vậy đặc biệt thú vị cho những ai đang theo cùng một hướng nghiên cứu. Trong chuyến đi này chúng tôi đã gặp được những nhà khoa học Mỹ nổi tiếng nhất trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Đó là các giáo sư V. Kli, R. Rốc-cơ-phen-lơ (giải tích lồi). S.Xmây-lơ (giải thưởng Phin-dơ 1966), T. Kup-man (giải thưởng Nô-ben 1976), C. I-vơ, H. Sca (điểm bất động), G. Đơ-brơi, A. Ba-la-crit-nan (khoa học hệ thống), R. M. Rô-den-bơc, S. Cren-đơn, Set-na, C. H. Su (dao động). T. Kên (cơ học vũ trụ), v.v. Trong số này có những người chúng tôi đã quen biết qua các hội nghị quốc tế, nhưng cũng có những người chúng tôi mới chỉ biết tiếng, nay mới gặp. Một số nhà khoa học Mỹ cũng biết chúng tôi qua các tạp chí khoa học. Vì vậy các cuộc gặp gỡ rất lý thú cho cả đôi bên. Giữa chúng tôi và các nhà khoa học Mỹ có thể có những cách nhìn khác nhau về các vấn đề xã hội, song có những mối đồng cảm nghề nghiệp chung, làm cơ sở cho việc hợp tác khoa học sau này. Các nhà khoa học Mỹ nhanh chóng hiểu chúng tôi và mong muốn tăng cường hợp tác khoa học với Việt Nam - một dân tộc đầy tài năng và

triển vọng, một nước đã và đang có vị trí quan trọng ở Đông Nam Á, như họ đã khẳng định với chúng tôi. Nhiều nhà khoa học Mỹ bày tỏ nhiệt tình giúp Việt Nam trong việc đào tạo cán bộ khoa học, muốn "bù đắp một phần những tổn thất do cuộc chiến tranh của Mỹ gây ra cho nhân dân Việt Nam".

Chuyến đi thăm các trường đại học ở Mỹ của chúng tôi đã góp phần làm cho giới khoa học Mỹ hiểu rõ thêm Việt Nam. Các buổi xê-mi-ne của chúng tôi đã giúp họ đánh giá đúng đắn hơn khả năng khoa học của Việt Nam. So với nhiều nước khác trong thế giới thứ ba, họ thấy Việt Nam đã tiến khá xa mặc dù có nhiều khó khăn do chiến tranh tàn khốc kéo dài. Điều đó, theo lời họ nói, đã gây cho họ một ấn tượng mạnh mẽ. Việc tạp chí Toán học của ta "Acta Mathematica Vietnamica" ra đời từ nhiều năm nay và đang được trưng bày trên giá sách của một số thư viện đại học của Mỹ cũng được các nhà khoa học Mỹ đánh giá cao.

Nước Mỹ có nhiều cảnh đẹp. Tiếc rằng chúng tôi có rất ít thời cơ để đi thăm. Chúng tôi đã đến "cổng vàng" nổi tiếng ở thành phố Xan Phrăng-xi-xcô, nơi tàu thuyền từng qua lại một thời để khai thác vàng ở vùng Cựu Kim Sơn, đã đi dạo trên đường phố Hô-li-ut nổi tiếng về điện ảnh, đứng bên hồ Mi-si-gân ngắm nhìn những khu nhà chọc trời ở thành phố Si-ca-gô, đi dạo trên những đường phố nhộn nhịp của thành phố Niu-oóc tám triệu dân... Chúng tôi cũng đã đến thăm

những khu ở của người nghèo. Ở đây lộ rõ sự cách biệt ghê gớm giữa người giàu và người nghèo, giữa người da trắng và người da đen.

Giữa nước Mỹ xa lạ này chúng tôi đã tìm thấy nhiều người bạn nhiệt thành. Đó là các nhà khoa học, các bác sĩ, các giáo sư, sinh viên đại học, những người dân lương thiện Mỹ từ nhiều năm nay đã tích cực tham gia phong trào chống chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam. Cuộc chiến tranh đã kết thúc, song ngọn lửa nhiệt thành trong lòng các bạn Mỹ vẫn tiếp tục duy trì trong cuộc chiến đấu mới cho sự bình thường hoá quan hệ với Việt Nam, cho việc phát triển hợp tác khoa học với Việt Nam. Giáo sư E. Cu-pơ-man đã tổ chức chu đáo cho chuyến đi của chúng tôi, luôn luôn quan tâm giúp đỡ chúng tôi trên từng chặng đường. Các thành viên trong Uỷ ban của ông đã có những đóng góp tích cực vào thắng lợi của chuyến đi thăm Mỹ của chúng tôi. Nhiều giáo sư Mỹ khác cũng đã hết lòng giúp đỡ chúng tôi như anh N. Kô-blit ở bang Oa-sinh-tơn, bác sĩ Ben-sơn ở Si-ca-gô, gia đình cụ Bun Siếc-mơ ở Bốt-xtơn, v.v...

Trong thời gian ở Mỹ, chúng tôi có nhiều cuộc gặp mặt thân mật với anh chị em trong Hội Việt kiều yêu nước. Anh chị em đến Mỹ với những lý do khác nhau, thời gian khác nhau, hoàn cảnh sinh sống khác nhau, song có một điểm giống nhau là luôn luôn hướng về Tổ quốc. Sống trên đất Mỹ,

họ chăm chỉ làm ăn, giúp đỡ đùm bọc nhau những lúc khó khăn. Họ sống lương thiện và được cảm tình của nhân dân Mỹ. Anh chị em trong Hội đã tận tình giúp đỡ chúng tôi trong chuyến đi này và để lại cho chúng tôi nhiều ấn tượng sâu sắc, nhiều tình cảm đậm đà tình quê hương.

Chuyến đi công tác lịch sử này đã diễn ra hơn hai chục năm rồi. Vậy mà những câu chuyện trao đổi ở dọc đường giữa chúng tôi với giáo sư Lê Văn Thiêm vẫn cứ hiện lên rõ mồn một. Tôi càng hiểu sâu sắc hơn và vô cùng quý trọng nhà toán học tài năng, đức độ Lê Văn Thiêm. Xuất thân từ một nhà toán học lý thuyết, nghiên cứu những vấn đề trừu tượng của Toán học như hàm biến phức, diện Rieman, lý thuyết hàm phân hình..., Giáo sư Lê Văn Thiêm đã không ngần ngại chuyển qua nghiên cứu những vấn đề ứng dụng gắn với thực tiễn Việt Nam, với ý thức mong muốn đóng góp thiết thực cho công cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước. Năm 1959, 1960, Giáo sư đã tổ chức một nhóm nghiên cứu về lý thuyết tối ưu của Pôn-tria-ghin đang được phát triển mạnh ở Liên Xô và có nhiều ứng dụng thực tiễn. Chúng tôi phân công nhau thuyết trình vào các buổi tối. Giáo sư Lê Văn Thiêm là người tham dự rất đều đặn các xê-mi-ne và nêu lên khả năng ứng dụng của lý thuyết này ở Việt Nam. Giáo sư còn nghiên cứu các vấn đề Thủy động học, lý thuyết các dòng chảy để ứng dụng vào các vấn đề thủy lợi và chỉnh

trị dòng sông. Giáo sư Lê Văn Thiêm là người đầu tiên (1970) giải được tường minh bài toán thấm qua hai lớp đất bằng phương pháp sử dụng "Nguyên lý đối xứng" của giải tích phức, mà trước đó người ta chỉ biết cách giải gần đúng. Phương pháp này đã được trình bày trong các sách chuyên khảo. Với ý thức nóng bỏng về những ứng dụng thực tiễn của lý thuyết hàm biến phức, Giáo sư đã nắm bắt rất nhanh một thành tựu cơ học mới của Liên Xô vào những năm 1960 - lý thuyết nổ định hướng của La-vren-chi-ep. Ý tưởng cơ bản của lý thuyết này là: Nếu bố trí thuốc nổ thích hợp (về vị trí và lượng thuốc nổ), người ta có khả năng hất nguyên vẹn một khối đất, đá theo một hướng nhất định và đến một vị trí xác định theo quy luật của chất lỏng lý tưởng (không nhớt, không trọng lượng). Dưới sự chỉ đạo của Giáo sư Lê Văn Thiêm, một nhóm cán bộ khoa học trẻ của các viện nghiên cứu và các trường đại học đã đi sâu nghiên cứu ứng dụng lý thuyết này trong việc nạo, vét các kênh, mương, trong việc phục vụ giao thông thời chiến, trong việc khai thác mỏ, trong việc xây dựng công trình thủy điện Hoà Bình... Giáo sư còn tự tay biên soạn tài liệu để hướng dẫn cho những người không có chuyên môn toán học sử dụng phương pháp này.

Giáo sư Lê Văn Thiêm luôn luôn khuyến khích, động viên mọi người trong việc ứng dụng Toán học vào thực tiễn. Ông nói: "Ngành Toán phải đi tiên phong trong việc ứng

dụng và cải cách triệt để trong sản xuất công nghiệp, nghĩa là phải thật sự bắt đầu trong cuộc cách mạng công nghệ để tăng năng suất lao động và sản phẩm cho xã hội". Giáo sư đã trực tiếp theo dõi công việc của một kỹ sư trẻ trong việc cải tiến máy kéo MTZ của Liên Xô theo kiểu bánh lồng để làm đất trên ruộng lầy. Phải làm sao để máy kéo không bị lún quá sâu trong ruộng lầy có độ chặt từ một đến hai kilôgam trên một phân vuông, hơn nữa lại có thể làm nhỏ được đất mà không cần cày bừa gì cả, nghĩa là máy kéo chỉ cần chạy vài lượt là đất đã tơi nhuyễn và nông dân có thể cấy lúa được? Ông đã từng đạp xe đạp cả ngày đường để đến xã Tề Tiêu ở Hà Sơn Bình xem thử nghiệm sản phẩm mới này. Hôm đó trời rét, lại mưa lâm thâm, nhà toán học Lê Văn Thiêm đã xắn quần xăm xăm lội xuống ruộng bùn để xem kỹ góc chuyển động của các mấu bám bằng thép và tác dụng của nó khi máy chạy trên ruộng. Hôm đó, bà con nông dân kéo ra rất đông, lần đầu tiên trên cánh đồng ngập nước mênh mông đã có máy cày xuồng chạy. Nhiều người phấn khởi, lội ùa xuống ruộng, đi theo một người đang lụi cụi ở phía sau máy kéo mà bùn đất đã làm lấm lem chiếc áo ngoài bạc phếch của ông. Họ cũng không biết rằng đó chính là giáo sư toán học nổi tiếng Lê Văn Thiêm. Không phải những cái gì cao xa, mà chính là những cái mà cuộc sống đang rất cần, bà con nông dân đang rất cần, đã thu hút tâm trí của ông.

Giáo sư Lê Văn Thiêm là một nhà toán học như thế. Ông làm khoa học không phải vì danh vọng, tiền tài mà luôn luôn vì lợi ích của đất nước, của nhân dân lao động. Chính vì vậy mà ông được mọi người tin yêu, kính trọng và hình ảnh của ông không thể phai mờ trong ký ức của những người đã từng được biết ông, được làm việc bên ông. Song, công lao lớn nhất của Giáo sư Lê Văn Thiêm là đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ khoa học và giáo dục trẻ, tài năng cho đất nước. Là người thầy, Giáo sư đã có ảnh hưởng to lớn về nhiều mặt đối với sinh viên. Uy tín khoa học to lớn của Giáo sư đã lôi cuốn cả một lớp thanh niên trí thức đi vào con đường khoa học. Giáo sư luôn luôn quan tâm, dìu dắt sinh viên, nhưng cũng nghiêm khắc đòi hỏi ở họ sự nỗ lực và năng lực sáng tạo. Nhiều học trò của Giáo sư nay đã trưởng thành, trở thành những cán bộ nghiên cứu, giảng dạy chủ chốt các viện nghiên cứu, các trường đại học.

Tên tuổi của Giáo sư Lê Văn Thiêm đã gắn bó với nhiều sự kiện quan trọng về khoa học và giáo dục ở nước ta. Giáo sư là Hiệu trưởng đầu tiên của Trường Khoa học Cơ bản, Chủ nhiệm đầu tiên của Khoa Toán, Đại học Tổng hợp, Trưởng ban Toán, Lý, Hoá, UBKHKTNN trong năm 1960, Viện trưởng đầu tiên của Viện Nghiên cứu Toán học, Chủ tịch đầu tiên Hội Toán học Việt Nam, Chủ nhiệm đầu tiên của tập san Toán, Lý, Hoá, của Tạp chí Toán học Acta Mathematica xuất

bản bằng tiếng nước ngoài. Giáo sư là đại diện toàn quyền của Việt Nam tại Viện Liên hợp nghiên cứu nguyên tử tại Đup Na (Liên Xô cũ) trong các năm 1956 - 1980. Nói cách khác, Giáo sư Lê Văn Thiêm là người đi tiên phong trong nghiên cứu khoa học và trong các tổ chức khoa học của Việt Nam.

Giáo sư Lê Văn Thiêm mất ngày 3/7/1991 tại Tp. Hồ Chí Minh. Công lao to lớn và tấm lòng cao cả của người chiến sĩ trên mặt trận khoa học, người thầy và người anh của các ngành khoa học Việt Nam, còn được khắc sâu trong trái tim của tất cả những người làm công tác khoa học và giáo dục ở nước ta và bạn bè của Giáo sư trên thế giới. Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Lao động và đặc biệt là giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học trao tặng Giáo sư nhân kỷ niệm 50 năm thành lập nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là phần thưởng xứng đáng cho Nhà Toán học xuất sắc, đã cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp xây dựng nền khoa học Việt Nam hiện đại.



*Giáo sư Lê Văn Thiêm*
*và Hội đồng chấm Luận án Phó tiến sĩ toán học đầu tiên*
*của Đại học Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh (1983)*

# SUỐT ĐỜI NOI THEO TẤM GƯƠNG CỦA THẦY LÊ VĂN THIÊM

*Nguyễn Văn Hiệu*(*)

Khi tôi là sinh viên Trường Đại học Sư phạm Khoa học Hà Nội thì Giáo sư Lê Văn Thiêm là Hiệu trưởng nhà trường. Tôi là sinh viên ngành Vật lý mà thầy Lê Văn Thiêm lại dạy các môn Toán học cho sinh viên năm cuối, cho nên tôi không được học thầy khi còn là sinh viên đại học, mà chỉ được nhìn thấy thầy trong các cuộc họp toàn trường, và được nghe huyền thoại về thầy: một nhà toán học đã tốt nghiệp trường Đại học Paris, một trường đại học có danh tiếng nhất nước Pháp về khoa học cơ bản, đã là giáo sư của một trường đại học nói tiếng Đức ở châu Âu, đã rời bỏ châu Âu về Sài Gòn để đi ra bưng biền theo kháng chiến rồi đi bộ từ chiến khu Nam Bộ ra Việt Bắc để tham gia xây dựng trường đại học sư phạm đầu tiên của nước ta trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

---

(*) Giáo sư Vật lý, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.

Đối với tôi, thầy là một thần tượng khoa học, là một tấm gương về lòng yêu nước. Thỉnh thoảng được trông thấy thầy hoặc nghĩ về thầy tôi cứ ước ao sau này khi đã trưởng thành có dịp được làm học trò trực tiếp của thầy. Không ngờ điều mong ước ấy của tôi lại đến nhanh như thế.

Sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Khoa học Hà Nội tháng 10 năm 1956, tôi và hai sinh viên vật lý nữa là các anh Vũ Thanh Khiết và Phạm Quý Tư được chọn làm cán bộ giảng dạy của khoa Toán - Lý trường Đại học Tổng hợp vừa mới thành lập mà Chủ nhiệm khoa kiêm Phó Hiệu trưởng là thầy Lê Văn Thiêm. Cùng với ba cán bộ giảng dạy mới, chúng tôi trong Khoa còn có nhiều anh khác cùng lớp tốt nghiệp ngành Toán học và một số anh lớp trước, tất cả độ 15 người. Để bổ túc thêm kiến thức cho các cán bộ giảng dạy trẻ của ngành Toán, thầy Lê Văn Thiêm tổ chức các lớp chuyên đề về các môn Toán học mà thời đó chưa có trong chương trình đại học. Là một cán bộ giảng dạy Vật lý, song với lòng ngưỡng mộ Giáo sư Lê Văn Thiêm, tôi đi học lớp chuyên đề về hàm giải tích biến phức do thầy trực tiếp giảng. Lúc ấy, tôi có ngờ đâu rằng những kiến thức về Lý thuyết hàm giải tích mà tôi học được ở thầy Lê Văn Thiêm lại là một trong những công cụ toán học mà tôi phải thường xuyên sử dụng trong suốt cuộc đời nghiên cứu của mình. Vào thời gian ấy, phần lớn các cán bộ giảng dạy trẻ của Khoa Toán Lý đều đọc

được sách Toán Lý bằng ba thứ tiếng Nga, Anh, Pháp. Có lần thầy Lê Văn Thiêm bảo chúng tôi: ba ngoại ngữ đó chưa đủ, còn phải biết tiếng Đức nữa, nhất là những người muốn nghiên cứu Thuyết tương đối của Einstein, vì các công trình của Einstein đều viết bằng tiếng Đức và vào thời đó chưa phải là tất cả các bài của Einstein đều đã được dịch ra tiếng Pháp, tiếng Anh hoặc tiếng Nga. Thầy Lê Văn Thiêm mở lớp dạy chúng tôi đọc sách tiếng Đức.

Với tất cả những cán bộ giảng dạy Khoa Toán - Lý Trường Đại học Tổng hợp thời đó, Giáo sư Lê Văn Thiêm là người thầy kính yêu, là người anh cả hết lòng thương yêu và dìu dắt cả một đàn em đông đảo. Thời ấy, trường rất nghèo về cơ sở vật chất, nhưng rất giàu ý chí và nghị lực, không khí học tập nghiên cứu trong khoa rất sôi nổi, mọi người theo gương Chủ nhiệm Khoa người dành hết tâm trí và nhiệt huyết cho công tác giảng dạy và nghiên cứu. Mọi người đều quý mến nhau và thi nhau học tập. Nhiều lần thầy tâm sự với chúng tôi: đất nước muốn văn minh phải có nhiều nhân tài, Trường Đại học Tổng hợp có nhiệm vụ đào tạo nhân tài cho đất nước, cho nên khi tuyển sinh vào trường Đại học Tổng hợp phải lựa chọn kỹ càng và chỉ nên tuyển học sinh giỏi thôi, không được chạy theo số lượng mà phải đảm bảo chất lượng.

Sau 4 năm công tác ở Khoa Toán - Lý, tôi được chuyển sang Uỷ ban Khoa học Nhà nước và được cử đi nghiên cứu ở Liên Xô. Lúc ấy Khoa Toán - Lý được tách ra thành hai khoa: Khoa Toán và Khoa Vật lý. Từ lúc đó đến khi kết thúc thời hạn công tác ở Liên Xô, chỉ thỉnh thoảng tôi mới được gặp thầy, trong dịp thầy đến dự hội nghị ở Liên Xô, hoặc trong khi tôi về nước công tác. Lúc nào thầy cũng đôn hậu, cũng thương yêu chúng tôi và say sưa khoa học, gặp tôi là thầy hỏi ngay đang nghiên cứu vấn đề gì. Có lần khi tôi gặp thầy ở Liên Xô, sau khi nghe tôi kể với thầy về các công cụ toán học mà tôi đang sử dụng, thầy bảo tôi nên tham khảo thêm cuốn sách tiếng Đức về hàm giải tích đơn vị của Nevanlinna. Quả thực là tôi đã tìm được nhiều điều bổ ích trong cuốn sách ấy. Thế là thầy Lê Văn Thiêm đã tiếp tục hướng dẫn tôi sau khi tôi đã sang làm việc ở Liên Xô nhiều năm.

Có lần được gặp thầy ở Liên Xô, tuy thầy không nói với tôi chuyện gì không vui, nhưng trong ánh mắt của thầy tôi thấy đượm một nỗi buồn. Tôi không dám hỏi thầy ngay. Đợi một năm sau, trong một chuyến về nước công tác, tôi tìm gặp các bạn cũ đang công tác giảng dạy ở Trường Đại học Tổng hợp và hỏi thăm về thầy Lê Văn Thiêm thì mới biết rằng mặc dầu thầy yêu nước đến như vậy, thầy đã sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng của dân tộc đến như vậy, nhưng chỉ vì không ưa thích quan điểm của thầy về một trung tâm nghiên

cứu khoa học hàng đầu của cả nước và phải phấn đấu để có danh tiếng trên thế giới về nghiên cứu khoa học, mà một số người có cương vị trong Đảng tìm cách gây khó khăn cho công việc của thầy. Những điều mà ở thời ấy thầy Lê Văn Thiêm ước mơ và phấn đấu để thực hiện thì ngày nay được Đảng và Nhà nước ta đang và sẽ thực hiện đến cùng.

Vào cuối năm 1968, sau khi Mỹ ngừng ném bom miền Bắc nước ta, Chính phủ có chủ trương thành lập các viện nghiên cứu trong Uỷ ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước để chuẩn bị thành lập Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam sau khi chiến tranh kết thúc, miền Nam được giải phóng. Đảng đoàn Uỷ ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước mời Giáo sư Lê Văn Thiêm chuyển sang Uỷ ban để xây dựng Viện Toán học. Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký quyết định bổ nhiệm Giáo sư Lê Văn Thiêm giữ chức vụ Viện trưởng. Trong khối nghiên cứu của Uỷ ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước, sau này là Viện Khoa học Việt Nam, với sự cộng tác mật thiết của những người học trò xuất sắc của mình, Giáo sư Lê Văn Thiêm đã nhanh chóng xây dựng Viện Toán học thành một viện nghiên cứu Toán học đứng hàng đầu trong các nước vùng Đông Nam Á và có danh tiếng trên thế giới.

Là một học trò của thầy Lê Văn Thiêm, với lòng ngưỡng mộ và biết ơn thầy, tôi luôn tự nhủ phải cố gắng làm cho lớp

học trò thời nay của mình tất cả những việc mà thầy Lê Văn Thiêm đã làm cho chúng tôi khi chúng tôi mới bước vào cuộc đời nghiên cứu khoa học, suốt đời học tập và đào tạo thế hệ trẻ tài năng cho đất nước theo tấm gương của thầy Lê Văn Thiêm.

# THẦY LÊ VĂN THIÊM

*Hà Huy Khoái*(*)

Giáo sư Lê Văn Thiêm hình như chưa bao giờ tự nói về mình. Những người khác cũng chỉ viết về ông từ sau khi ông mất, ngày 3 tháng 7 năm 1991. Nhưng cả lúc ông còn sống cũng như khi ông đã ra đi, người ta thường nhắc tên ông trong những câu chuyện hàng ngày, kể cho nhau nghe những giai thoại về ông.

Những điều tốt đẹp nhất của cuộc sống bao giờ cũng rất giản dị. Thầy Thiêm giản dị như những câu chuyện giản dị nhất của đời thường. Bởi thế, viết về ông thật là khó. Lúc này đây, tôi như thấy ông với ánh mắt thật hiền lành nhưng có pha chút diễu cợt khi thấy tôi định liệt kê những công việc ông đã làm, những chức vụ ông từng đảm nhiệm, như lệ thường khi viết về một vỹ nhân. Không dám trái ý thầy, tôi xin được bắt đầu từ một kỷ niệm.

---

(*) Giáo sư Toán học, Viện Toán học, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.

Đó là năm 1966, khi cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ đang ở thời kỳ ác liệt nhất. Các trục giao thông chính, đường bộ, đường sắt bị phá hoại nghiêm trọng. Kênh Nhà Lê (con kênh được đào từ thời Lê, chạy gần song song với quốc lộ 1) được sử dụng để chuyên chở hàng hoá, vũ khí. Lòng kênh đã cạn nhưng không thể dùng một lực lượng người quá lớn để nạo vét dưới bom đạn suốt ngày đêm.

Giáo sư Lê Văn Thiêm đã đề xuất dùng phương pháp nổ mìn định hướng, tức là dùng mìn nổ dưới lòng kênh, nhưng bố trí sao cho hầu hết đất đá sau khi nổ rơi lên bờ kênh, chứ không phải rơi lại xuống lòng kênh. Ông đã dạy cho chúng tôi lý thuyết nổ định hướng, mà tư tưởng chủ đạo có thể tóm tắt như sau. Khi có một vụ nổ lớn, những vật chất gần tâm nổ chuyển động theo quy luật của chất lỏng lý tưởng (không nhớt, không trọng lượng). Có thể mô tả chuyển động này nhờ lý thuyết hàm biến phức, là chuyên ngành Toán học mà giáo sư nghiên cứu từ nhiều năm. Về mặt lý thuyết, chúng ta có thể điều khiển hoàn toàn vụ nổ, tức là sắp xếp sao cho vật chất quanh tâm nổ chuyển động theo một quỹ đạo định sẵn. Chúng tôi, một nhóm gồm 4 sinh viên Toán năm thứ ba của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội hăm hở lên đường vào Nghệ An để cùng một đơn vị thanh niên xung phong thực hiện công việc đó. Ai cũng biết là chuyến đi đầy nguy hiểm nên nhóm chúng tôi được bạn bè và bà con nơi trường sơ tán

tiễn đưa khá "long trọng". Nhưng kỷ niệm mà chúng tôi không bao giờ quên là, trước lúc chuyến xe phía Nam gần chuyển bánh, thầy Thiêm hớt hải đạp xe tới, gọi tôi xuống dặn dò đôi lời và đưa cho tôi 72 đồng. Hồi đó, 72 đồng lớn lắm, bằng hai phần ba số tiền lương giáo sư mà thầy vừa nhận xong. Chúng tôi hết sức cảm động, vì biết thầy chỉ giữ cho mình số tiền tạm đủ để sống đến kỳ lương sau. Chuyến đi đó đã để lại nhiều bài học lớn cho đời làm toán của chúng tôi, mà trước hết là bài học về việc đưa những kiến thức ở nhà trường vào phục vụ sản xuất và chiến đấu. Bài học đó, thầy Thiêm dạy cho chúng tôi bằng chính cuộc đời làm toán của thầy. Từ một chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực Toán học lý thuyết đang được xem là mốt nhất thời đó, Giáo sư Lê Văn Thiêm đã chuyển hẳn sang nghiên cứu những vấn đề Toán học đặt ra từ thực tiễn Việt Nam, mà một trong những vấn đề đó chính là nổ định hướng để nạo vét lòng kênh mà tôi vừa nhắc đến trên đây. Khi học năm thứ tư ở trường, chúng tôi lại được cùng một đơn vị thanh niên xung phong áp dụng phương pháp này để làm đường chiến lược trong rừng sâu. Giáo sư Lê Văn Thiêm đã biên soạn thành giáo trình hoàn chỉnh để hướng dẫn cho những người không có chuyên môn toán học sử dụng phương pháp đó.

Giáo sư Lê Văn Thiêm là người như thế: Ông làm toán không phải vì danh vọng, tiền tài, mà chỉ đơn giản, đó là cách

mà ông có thể đóng góp phần mình cho đất nước. Giáo sư không bao giờ nhắc đến những đóng góp của mình trong nghiên cứu lý thuyết. Tôi là một trong những học trò trực tiếp của ông từ khi còn là sinh viên năm thứ ba cho đến mãi sau này, nhưng chưa bao giờ tôi được nghe ông kể về những công trình của chính ông. Tôi chỉ biết về những công trình đó khi tôi đi sâu nghiên cứu hướng chuyên môn mà ông là một trong những người có công khai phá. Đó là lý thuyết phân phối giá trị các hàm phân hình (hay còn gọi là lý thuyết Nevanlinna, theo tên người khai sinh ra nó, nhà toán học Phần Lan đã một thời là Chủ tịch Hội Toán học Quốc tế). Trong nhiều hội nghị gần đây về lịch sử toán học, lý thuyết Nevanlinna được đánh giá là một trong những lý thuyết đẹp nhất của Toán học thế kỷ 20. Giáo sư Lê Văn Thiêm chính là một học trò của Nevanlinna, và ông là người đầu tiên cho lời giải của "bài toán ngược của lý thuyết Nevanlinna". Công trình của ông không chỉ được quan tâm vì đã chứng minh sự tồn tại nghiệm của bài toán đó, mà còn vì ông đã đưa ra một phương pháp hoàn toàn mới để nghiên cứu vấn đề đặt ra. Trong những công trình khoa học và sách chuyên khảo gần đây trên thế giới, người ta vẫn còn nhắc tới công trình của ông viết cách đây hơn nửa thế kỷ, và nhắc đến ông như là một trong những người có công đầu trong việc xây dựng lý thuyết. Tôi bỗng nhớ hai câu thơ của cụ Nguyễn Du:

*Bất tri tam bách dư niên hậu*
*Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như*

Để đời sau còn nhắc đến mình, khó lắm! Vậy mà Giáo sư Lê Văn Thiêm hầu như không quan tâm gì đến điều đó. Sau khi viết vẻn vẹn có 5, 6 công trình (mà về sau trở thành nổi tiếng như đã nói ở trên), năm 1949, ông từ bỏ chức giáo sư ở Trường Đại học Zurich (Thụy Sĩ) để trở về với Tổ quốc Việt Nam đang kháng chiến. Với ông, điều đó cũng thật tự nhiên, như người ta phải thở hít khí trời.

Rời phương Tây, ông đi máy bay về Băng Cốc, rồi từ đó đi bộ về miền bưng biền Đồng Tháp. Từ Nam Bộ, ông phải mất sáu tháng lặn lội trên những con đường rừng mới ra được đến chiến khu Việt Bắc. Những điều này tôi chỉ tình cờ được biết khi hỏi vì sao ông có thói quen hút sáu điếu thuốc lào một lúc, và ông giải thích rằng, vì đi bộ lâu trong rừng buồn quá, chẳng có thú gì hơn!

Ở Việt Bắc, Giáo sư Lê Văn Thiêm đã cùng những nhà trí thức hàng đầu như Tạ Quang Bửu, Trần Đại Nghĩa bắt tay vào nhiệm vụ xây dựng nền khoa học và giáo dục đại học của nước Việt Nam mới. Trong tay họ, hầu như chẳng có cuốn giáo trình bậc đại học nào, ngoài vài cuốn sách mà họ đã cố gắng mang theo mình khi rời nước Pháp. Vậy mà họ, thế hệ trí thức đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã làm nên một kỳ tích khiến thế giới phải kinh ngạc:

ngay sau khi hòa bình lập lại, các trường đại học Việt Nam đều do cán bộ người Việt Nam giảng dạy, và học, dạy tất cả các giáo trình bằng tiếng Việt! Trong công lao chung ấy, Giáo sư Lê Văn Thiêm, người Hiệu trưởng đầu tiên của Trường Khoa học Cơ bản và Trường Cao đẳng Sư phạm ở chiến khu Việt Bắc đã góp phần không nhỏ.

Tên tuổi Giáo sư Lê Văn Thiêm có thể gắn với rất nhiều chữ "đầu tiên". Ông cùng với Giáo sư Phạm Tình Quát (thân sinh Giáo sư Frédéric Phạm) là những người đầu tiên mà vào năm 1941 thi đỗ vào Trường École Normale Supérieure de Paris, trường hàng đầu của Pháp trong việc đào tạo các nhà khoa học. Họ cũng là những người Việt Nam đầu tiên nhận được học vị Tiến sĩ quốc gia của Pháp năm 1948. Ông là tác giả của công trình toán học đầu tiên của người Việt Nam công bố trên tạp chí quốc tế, là người Việt Nam trở thành giáo sư toán học tại một trường đại học châu Âu (Zurich, 1949). Giáo sư Lê Văn Thiêm là Chủ tịch đầu tiên của Hội Toán học Việt Nam, Viện trưởng đầu tiên của Viện Toán học Việt Nam, Tổng Biên tập đầu tiên của hai tờ báo toán học của Việt Nam (Vietnam Journal of Mathematics và Acta Mathematica Vietnamica).

Có thể nói còn nhiều cái "đầu tiên" nữa, mà vì ông không bao giờ nhắc tới nên ta cũng quên đi. Chỉ có điều không ai quên được, đó là những gì ông để lại cho nền khoa học Việt

Nam. Chúng tôi, những học trò của ông, luôn tự biết là mình đã có hạnh phúc lớn được học tập và làm việc với ông. Không phải trong thời kỳ lịch sử nào cũng xuất hiện lớp người như ông. Họ thường có mặt ở buổi đầu của cách mạng, khi mà niềm say mê lý tưởng đã vượt lên những toan tính cá nhân. Có lẽ vì thế mà cho đến tận cuối đời mình, ông vẫn giữ được nụ cười hồn nhiên như trẻ thơ. Những ai đã từng được làm quen với ông đều không thể quên con người nhân hậu, trung thực tới mức ngây thơ, tin tất cả mọi người như tin chính bản thân mình. Điều đó đã gây cho ông không ít khó khăn khi ông còn sống (và đảm nhận những chức vụ lãnh đạo), nhưng đã làm cho hình ảnh của ông để lại trong lòng học trò, đồng nghiệp mãi mãi là hình ảnh về một nhân cách lớn, không chút bụi mờ.

Ngày 29 tháng 3 năm 2003, giới Toán học Việt Nam sẽ kỷ niệm 85 năm ngày sinh của Giáo sư Lê Văn Thiêm. Tôi chợt nhớ lại, khi ông tròn 70 tuổi, Viện Toán học tổ chức một buổi lễ giản dị mừng thọ ông. Vậy mà sau buổi lễ, ông nói với tôi: 'Mình không ngờ lại tổ chức to đến thế!" (dù đã đi khắp nơi, ông vẫn xưng hô "ông, mình" với mọi người: đồng nghiệp, học trò và thậm chí với cả vợ con họ, theo cách của quê ông, Đức Thọ, Hà Tĩnh). Thế đấy, con người khiêm tốn như ông không thể quen với những vinh dự mà người ta định dành riêng cho ông. Ông cũng không biết rằng, sáu năm sau khi

mất, ông được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh trong đợt đầu tiên và Huân chương Độc lập hạng Nhất. Là người thầy của hầu hết các thế hệ những nhà toán học Việt Nam, một trong những người đầu tiên đặt nền móng cho nền giáo dục đại học ở Việt Nam, cho đến cuối đời, Giáo sư Lê Văn Thiêm vẫn chưa được phong danh hiệu Nhà giáo Nhân dân. Dẫu biết rằng ông không lấy thế làm buồn, như đã nhiều lần bỏ qua đường công danh của cá nhân ông, chúng tôi, những học trò của ông, vẫn không khỏi cảm thấy như mình có lỗi.

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KHOA HỌC DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM

*Ngô Thúc Lanh*(*)

Cuối năm 1954 (sau ngày giải phóng Thủ đô - 10/10) Chính phủ ra quyết định thành lập Trường Đại học Sư phạm Văn khoa, do GS.Đặng Thai Mai làm hiệu trưởng và Trường Đại học Sư phạm Khoa học do GS. Lê Văn Thiêm làm hiệu trưởng, trên cơ sở sát nhập các Trường Sư phạm cao cấp ở Trung Quốc về, Sư phạm Cao cấp và Dự bị Đại học ở Khu IV ra và Trường Cao đẳng Khoa học của vùng tạm chiếm. Cùng với Trường Đại học Y Dược, Trường Đại học Nông nghiệp, đó là những trường đại học đầu tiên của nước ta sau ngày hòa bình lập lại.

Phụ trách giảng Toán có các GS.Lê Văn Thiêm, Nguyễn Thúc Hào và các cán bộ giảng dạy Nguyễn Cảnh Toàn, Khúc

(*) Giáo sư Toán học, Đại học Sư phạm Hà Nội.

Ngọc Khảm, và tôi. Về Vật lý có các giáo sư Ngụy Như Kon Tum, Vũ Như Canh và các cán bộ giảng dạy Dương Trọng Bái, Ngô Quốc Quýnh và Hoàng Phương.

Trường ĐHSP Khoa học tồn tại chỉ hai năm 1955-1956 và đào tạo được ba khoá. Khóa 1 gồm các sinh viên từ Khu học xá trung ương về, từ Khu IV ra và các sinh viên ở lại Hà Nội. Khoá này học hết năm 1995 đến đầu năm 1956 thì thi tốt nghiệp. Khoá 2 tuyển sinh đầu năm 1955 và thi tốt nghiệp hè năm 1956. Khoá 3 tuyển sinh hè năm 1955 và thi tốt nghiệp giữa năm 1957. Tuy thời gian học ngắn, nhưng chương trình vẫn là chương trình ba năm tinh giản, mỗi năm học tập trung 6 tháng và không có nghỉ hè.

Sở dĩ đào tạo gấp rút như thế là vì nhu cầu về cán bộ giảng dạy Toán, Lý Hóa, Sinh cho các trường đại học về khoa học kỹ thuật rất lớn. Nguồn duy nhất cung cấp cán bộ giảng dạy cho các trường đó là Trường Đại học Sư phạm Khoa học. Vì thế những sinh viên tốt nghiệp Đại học Khoa học loại khá giỏi, đều đã được phân công về làm cán bộ giảng dạy ở các trường đại học. Tiêu chuẩn duy nhất để chọn cán bộ giảng dạy đại học là năng lực của sinh viên tốt nghiệp. Dưới sự lãnh đạo của GS.Lê Văn Thiêm, toàn bộ số sinh viên tốt nghiệp loại khá giỏi, từ số 1 trở xuống cho đến hết danh sách này, đều được phân công về làm cán bộ giảng dạy tại các trường đại học.



*Giáo sư Lê Văn Thiêm và vợ*

Những người còn lại thì được phân công về các trường phổ thông, trường bổ túc công nông, trường bổ túc văn hóa của Quân đội.

Trong lịch sử phát triển của nền Khoa học tự nhiên ở nước ta, Trường Đại học Sư phạm Khoa học, tuy chỉ tồn tại hai năm, nhưng có một vị trí cực kỳ quan trọng. Ngày nay nhìn lại, có thể thấy rằng tất cả các sinh viên tốt nghiệp loại khá giỏi hồi ấy và sau đó được bổ nhiệm làm cán bộ giảng dạy ở các trường đại học đều đã trưởng thành. Nhiều người đã trở thành những nhà khoa học tài năng, những cán bộ khoa học đầu ngành, và những cán bộ lãnh đạo khoa học có uy tín. Riêng về Toán Lý, các nhà khoa học nổi tiếng Phan Đình Diệu, Nguyễn Văn Đạo, Nguyễn Văn Hiệu, Vũ Đình Cự, nhiều giáo sư, nhà khoa học tài danh khác đã xuất thân từ Trường Đại học Sư phạm Khoa học. Chỉ trong vòng hai năm tồn tại, Trường Đại học Sư phạm Khoa học đã đào tạo được nhiều nhân tài cho đất nước. Thật đáng biểu dương.

# VÀI KỶ NIỆM LIÊN QUAN ĐẾN GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM

*Bùi Trọng Liễu*(*)

Giữa Giáo sư Lê Văn Thiêm và tôi, không chỉ có quan hệ riêng tư và cảm tình cá nhân, có lẽ vì thời cuộc run rủi như vậy. Nếu tôi nhớ không lầm thì tôi bắt liên lạc với ông vào khoảng năm 1960 gì đó, vào cái khoảng thời gian mà tình hình thế giới rất không thuận lợi cho ta, và việc xây dựng nền khoa học trong nước còn đang rất khó khăn. Lác đác mới có mấy người Việt Nam định cư ở nước ngoài, trong đó có tôi, nghĩ tới việc gửi về miền Bắc sách báo khoa học mà tự mình góp nhặt mua được. Và do đó, qua sự hồi âm của ông mà mối quan hệ thư từ giữa ông và tôi bắt đầu. Mãi năm 1970, trong chuyến về nước làm việc tôi mới gặp ông - và thực ra tôi chỉ gặp ông trực tiếp trong những lần tôi về nước - nhưng vì trao đổi qua thư từ, tôi có cảm tưởng như được biết ông khá nhiều, tất nhiên không phải trong đời sống riêng, mà là trong

(*) Giáo sư Toán học, Đại học René Descartes de Paris.

quan hệ và quan niệm về nghề nghiệp. Thuở trẻ, ông du học ở Pháp, nhưng nếu tôi không lầm, ông chỉ trở lại nơi đây có một lần, khi ông trên đường đi dự Hội nghị quốc tế Toán học ở Vancouver. Tôi muốn nhân câu chuyện này, nhắc lại một số kỷ niệm liên quan tới ông.

Vào khoảng thời gian Mỹ bắt đầu ném bom miền Bắc, nhân dịp có người nhờ tôi tìm hộ mấy tập kỷ yếu xê-mi-na về Toán, tôi được biết phản ứng của một số nhà Toán học Pháp có danh: các ông bà ngạc nhiên hỏi tôi, sao dưới bom đạn như vậy mà vẫn có một đời sống khoa học, vẫn có người nghiên cứu, vẫn có người soạn luận án v.v..., và các ông bà đề nghị hỗ trợ sách, báo, tài liệu, dụng cụ v.v... để đời sống khoa học tiếp tục tồn tại và phát triển dưới bom đạn (điều mà theo tôi, nó chứng tỏ một sự quyết tâm tồn tại trước sự áp đảo của kẻ cậy mạnh). Đây quả là một hình thức đấu tranh tinh tế, nhẹ nhàng nên dễ huy động đông đảo, góp phần tuyên truyền đấu tranh cho hòa bình, mà lại thực tế. Nhưng cũng phải nói là thuở ấy, không ít người Việt Nam, vì tự hào dân tộc hoặc vì sự cấp bách của thời cuộc, cho rằng đó là sự phù phiếm. Không tìm được một "ô dù", tôi đành tự lấy quyết định nhận lời đề nghị của mấy ông bà kể trên, rồi báo cho trong nước biết. Phong trào ấy lan ra các ngành và các nước khác, và ảnh hưởng như thế nào đến phong trào phản chiến ở Mỹ, chắc khỏi cần nhắc lại...

Hè 1970, tôi về nước làm việc mấy tuần, và đó là dịp mà tôi được tiếp xúc nhiều với ông Thiêm. Trước khi rời Hà Nội trở về Pháp, tôi được dặn là thay mặt anh chị em toán học trong nước tại Hội nghị Quốc tế Toán học ở Nice. Tôi hỏi: "Nếu các bạn năm châu bốn biển hỏi tôi tại sao trong thời cuộc như vậy mà lại vắng mặt của một đoàn Việt Nam thì tôi trả lời thế nào?" Tôi được "giải thích" là: thiếu gì cách trả lời! Tôi vì kỷ luật mà nhận, nhưng nói thật là thuở ấy trong bụng tôi rất lo về việc bị trao nhiệm vụ "quái ác" này! Đến Nice, tôi gặp ông Laurent Schwartz trao đổi (Ông Schwartz, giáo sư đại học Paris, nhà toán học nổi tiếng, Huân chương Fields về Toán học, thành viên của toà án Russell về tội ác chiến tranh ở Việt Nam, là người bạn thân thiết của Việt Nam; Ông sang Việt Nam nhiều lần đặc biệt ngay thời Mỹ đang ném bom miền Bắc). Ông Schwartz yêu cầu tổ chức một buổi họp về Việt Nam bên lề Hội nghị Toán học, và phân công: Giáo sư A. Grothendieck (Huân chương Fields), Giáo sư A. Martineau (Đại học Nice) và ông - cả ba ông vừa mới đi Việt Nam về cách đó không lâu - trình bày về các chuyến đi của các ông, còn tôi đại diện cho anh chị em trong nước. Buổi họp tập hợp khoảng ba trăm nhà toán học nhiều nước. Quả như dự đoán, tôi bị căn vặn tại sao không có đoàn Việt Nam. Tôi trả lời ngắc ngứ ngoại giao, ông Schwartz tinh ý tiếp lời nói với cử toạ, đại ý như sau: giả thử chúng ta có hỏi trực tiếp, anh chị

em Việt Nam cũng không trả lời thật với chúng ta đâu; chúng ta nên đoán thôi; và chúng ta sẽ không lầm khi chúng ta nghĩ rằng anh chị em Việt Nam không có tiền để đi dự; lần này thì đã lỡ, nhưng lần sau thì chúng ta phải lưu ý tài trợ. Nhờ Ông mà nhiệm vụ tôi "bị" trao được hoàn thành: Việt Nam không xin, mà được đề nghị hỗ trợ. Vì thế nên đến Hội nghị Quốc tế Vancouver (1974) có sự tài trợ cho đoàn Việt Nam. Lần này, đoàn gồm ông Lê Văn Thiêm và bà Hoàng Xuân Sính. Trên đường đi, đoàn ghé Paris.

Nhắc lại là thuở trẻ, ông Thiêm du học ở Paris. Ông vốn là cựu học sinh của École Normale Supéieure phố d'Ulm và có bằng cấp Thạc sĩ và Tiến sĩ Quốc gia về Toán cũng như mấy nhà Toán học chủ chốt của Pháp, nên họ coi là "đồng bọn" (Xin nhắc lại là École Normale Supéieure không phải là một thứ đại học sư phạm kiểu Việt Nam như một số người tưởng lầm. Trường tuyển một số rất ít sinh viên theo tiêu chuẩn rất chặt chẽ, có "lương" trong thời gian học tập, nếu là người Pháp. Theo như câu nói vui tóm tắt của Giáo sư G. Poitu, cũng là nhà Toán học, khi ông làm Hiệu trưởng: Trường giống như cái nhà "trống", không có bằng cấp riêng (học sinh thi bằng cấp của Université), không có giáo sư riêng (giáo sư là giáo sư của Université), ..., chỉ có cái tiếng thôi. Nhưng có một điều mà ông không nói: đó là sự "tương trợ" giữa người đồng trường. Còn về hai bằng cấp kể trên, tôi

không dịch ra tiếng Việt vì từ một thời gian nay, tên bằng cấp thay đổi, một số người lẫn lộn hiểu sai.

Lần ông Thiêm ghé qua Paris này cũng là một dịp để ông tiếp xúc lại với mấy nhà Toán học Pháp; đặc biệt là tôi có đưa ông tới thăm ông Schwartz, và đôi bên đã nhắc lại một số kỷ niệm chung. Giáo sư H. Cartan, cũng là nhà toán học nổi danh, kể với tôi là thời ông Thiêm còn đang soạn luận án dưới sự hướng dẫn của Giáo sư G. Valiron (cũng là người hướng dẫn ông Schawrtz), ông này ở gác trên, ông Cartan ở gác dưới cùng địa chỉ ở đại lộ Brune ở Paris, ông Thiêm hay lại, nên gặp luôn. Hồi ông Cartan kể, là lúc ông nhờ tôi nhắn ông Thiêm yêu cầu Hội Toán học Việt Nam gia nhập Liên hiệp Quốc tế Toán học, vì ông Cartan đang phụ trách nên có ảnh hưởng, có thể giúp thực hiện.

Ông Thiêm về nước hồi đầu kháng chiến chống Pháp, vất vả xây dựng nền Toán học Việt Nam, nên các nhà toán học Pháp và nước ngoài nói chung rất quý trọng vì các ông bà này nhận định rằng ông đã bỏ sự nghiệp riêng để theo "nghĩa cả". Đó là một nét riêng của đời ông mà tôi muốn nhắc tới.

Công lao của ông đã có người trong nước kể. Tôi xin chỉ nêu ở đây một nhận xét nữa về ông, đó là: do được đào tạo và tự đào tạo một cách có quy củ và chặt chẽ, nên trong công tác giảng dạy và hướng dẫn, ông đánh giá chính xác trình độ khoa học. Qua bấy nhiêu năm tiếp xúc với ông, với trong

nước - tuy ông không bao giờ thổ lộ - tôi có cảm tưởng là do thời cuộc, không phải lúc nào ông cũng được "hiểu". Những bức xúc của thời chiến, những quan niệm một thời về hồng và chuyên, sự không tập trung được những cán bộ có tài năng, có lẽ đã làm giảm một phần hiệu quả công sức của ông trong công cuộc xây dựng nền khoa học nói chung và nền Toán học nói riêng của nước nhà.

Ở xa nhìn về nước, tôi cũng biết được là, trong cuộc sống, những năm khó khăn đã thuộc về quá khứ. Về mặt công tác chuyên môn, chắc ngày nay cũng dễ dàng hơn trước. Mong rằng các thế hệ nối tiếp trong ngành, không quên công lao và sự vất vả của người đi trước mở đường: nhà toán học Lê Văn Thiêm.



*Gia đình Giáo sư Lê Văn Thiêm (1987)*

# NHỚ LẠI NHỮNG LẦN GẶP GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM

*Mitropolskii Yu. A*(*)

Tôi quen biết với Giáo sư Lê Văn Thiêm - nhà Toán học nổi tiếng thế giới, đã từng giảng dạy tại đại học Thụy Sĩ - trong chuyến thăm Việt Nam lần đầu của tôi vào năm 1980.

Giáo sư Lê Văn Thiêm đã kể cho tôi nghe, trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ông đã phải đi bộ xuyên rừng hơn sáu tháng để từ Nam Bộ ra Việt Bắc như thế nào.

Trong chuyến thăm Việt Nam lần thứ hai, vào năm 1982, tôi đã đến thăm phân viện Toán học của Giáo sư Lê Văn Thiêm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, tôi đã trình bày một báo cáo khoa học và có nhiều dịp nói chuyện với Giáo sư Lê Văn Thiêm. Giáo sư đã đón tiếp tôi rất nhiệt tình và dẫn tôi đi thăm thành phố.

---

(*) Viện sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học Ucraina.

Vài năm sau, Giáo sư Lê Văn Thiêm đã đến Kiep, thăm Viện Toán học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Ucraina và trình bày báo cáo khoa học. Chúng tôi đã trao đổi ý kiến với nhau về việc tăng cường hợp tác giữa các nhà Toán học và Cơ học của Việt Nam và Ucraina. Trong không khí thân tình của bữa cơm tối, Giáo sư Lê Văn Thiêm đã tặng tôi một chiếc nhẫn làm từ vỏ máy bay B-52 của Mỹ bị bắn rơi trên đất Hà Nội. Tôi đã lưu giữ chiếc nhẫn đó như một chứng tích về hành động tội ác của đế quốc Mỹ đối với nhân dân Việt Nam - ném bom B-52 xuống Thành phố Hà Nội hòa bình năm 1972.

Giáo sư Lê Văn Thiêm đã để lại mãi mãi trong tôi ấn tượng không bao giờ quên, không chỉ về một nhà Toán học lỗi lạc, mà còn về một con người tuyệt vời với nhân cách cao thượng.

# TÌM LẠI "THẦY" TRÊN INTERNET NGÀY NAY

*Nguyễn Đình Ngọc*(*)

Năm 1952, khi học lớp "Điệp báo" ở Sở Công an Liên khu IV, tôi đã được nghe kể về thầy: Tiến sĩ Khoa học Toán ở Pháp và Đức, Giáo sư ở Đại học Bách khoa (ETH) Zurich nhưng đã bỏ hết về tham gia kháng chiến chống Pháp, mở trường Đại học Cơ bản Việt Bắc. Từ đó, tôi đã kính trọng thầy như một tấm gương sáng của một người trí thức yêu nước.

Khi học Toán ở Pháp từ 1959, tôi đã may mắn được gặp Giáo sư Ferdinand Gonseth, đã biết thầy ở Zurich (vì Giáo sư dạy ở đó từ 1939 đến 1960) và hỏi thăm tôi về thầy với một vẻ quý mến và trân trọng, khiến tôi càng thấy rõ hơn sự hy sinh lớn lao của thầy khi phải rời xa Zurich.

---

(*) Giáo sư Toán học, Trường Đại học Dân lập Thăng Long, Hà Nội.

Về Sài Gòn từ tháng 2 năm 1966, tôi đã dạy Toán theo các danh từ mà thầy và các đồng nghiệp đã chủ biên ở Hà Nội, và theo tinh thần đó mà bổ sung các danh từ chưa có trong đó. Đồng thời với các gương sáng như Jacques Hadamard, vv... trong phần Sử và Triết Toán cho sinh viên cử nhân Toán học, tôi đã kể về tấm gương của thầy trước và sau Hiệp định Genève.

Thật sung sướng khi đất nước thống nhất, tôi đã được gặp thầy, người thật việc thật, ở Hội nghị Toán học Bắc - Nam ở Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách một "Giáo sư chế độ ngụy được chế độ ta lưu dung", còn đang phụ trách phân hiệu Thủ Đức của Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỉ mãi đến cuối năm 1977, khi trở về Hà Nội với tư cách một trung tá công an, tôi mới được lên Viện Toán học ở Đội Cấn tham gia các sinh hoạt Toán - Cơ để học hỏi thêm và làm thông tin khoa học kỹ thuật cho Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn và Bộ Công an. Vì công tác ở Bộ Công an vẫn là chính nên những gì thầy đề nghị tôi làm như dịch thuật cho các giáo sư dùng tiếng Pháp, tiếng Anh, phản biện các luận án (Phó) Tiến sĩ, các đề cương làm Tiến sĩ (Khoa học), vv... tôi đều cố gắng làm tốt nhất, noi theo tấm gương tận tụy, chí công vô tư, hết sức giúp đỡ lớp trẻ của thầy.

Đến nay khi thầy đã đi xa, cố gắng tìm lại thầy trên Internet với từ khoá Lê Văn Thiêm qua Google Pháp - Anh - Đức, tôi thấy hơi buồn và cảm thấy mình và các đồng nghiệp cùng thời hay trẻ hơn gần như có lỗi với thầy. Nếu so với các học trò của cố Giáo sư Ferdinand Gonseth trong Association Ferdinand Gonseth và Foundation Ferdinand Gonseth thì chúng ta còn phải làm rất nhiều việc để xây dựng được một tượng đài của thầy trên Internet xứng đáng với cuộc đời, thân thế và sự nghiệp của thầy như là một phần quan trọng của lịch sử nền Toán học Việt Nam sau 1945, và mãi mãi là một tấm gương sáng chói về giảng dạy, nghiên cứu và lãnh đạo Toán học - Cơ học và Khoa học Tính toán cũng như quan hệ quốc tế về hội nhập trong khoa học công nghệ.

# MỘT TRƯỜNG HỌC MANG TÊN THẦY - TRƯỜNG THPT LÊ VĂN THIÊM

*Nguyễn Đình Sang*(*)

Tháng 8 năm 1962, tôi nhận được giấy gọi nhập học vào trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Bóc bì thư, tôi đã đứng lặng người rất lâu vì xúc động và bất ngờ. Nguyên nhân chính không phải là việc nhận được tin đỗ vào đại học (vì kết quả đó tôi đã biết từ trước), mà chính người ký giấy triệu tập tôi nhập trường chính là Giáo sư Lê Văn Thiêm - một Giáo sư toán học lỗi lạc, người đã có tới hai bằng Tiến sĩ ở Pháp và Đức. Và điều hạnh phúc nữa, chính thầy là người đã sinh ra và lớn lên cùng một vùng quê với tôi. Hồi đó, tôi chưa bao giờ có dịp được gặp mặt Thầy. Những điều tốt đẹp về Thầy tôi chỉ được nghe các thầy dạy Toán ở trường cấp 3 - nơi tôi học - kể lại. Trong ký ức tôi và bao nhiêu bạn bè trường tôi lúc đó, Thầy trở thành một thần tượng, một tài năng Toán học kiệt

(*) Phó Giáo sư, Tiến sĩ, CBGD khoa Toán, trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQGHN.

xuất. Lúc đó, suy nghĩ đầu tiên của tôi là mong muốn sẽ được học Toán để sau này được gặp Thầy.

Suốt 3 năm học ở trường đại học, tôi may mắn và hạnh phúc vì đã được Thầy trực tiếp dạy bảo và hướng dẫn. Những kỷ niệm về Thầy đầy ắp không sao kể xiết. Trong ký ức của tôi luôn hiện hữu về hình ảnh một người thầy tận tụy, say mê trong công việc, hết lòng vì sự tiến bộ của học trò, một nhà sư phạm mẫu mực - một nhà khoa học lớn. Tài năng của Thầy, sự cống hiến cũng như sự hy sinh của Thầy cho thế hệ trẻ, cho dân tộc, cho đất nước đã có những ảnh hưởng trực tiếp, sâu sắc đến sự phấn đấu cũng như niềm say mê chiếm lĩnh khoa học, sự phấn đấu của thế hệ chúng tôi thời bấy giờ. Trong giảng dạy, Giáo sư Lê Văn Thiêm là người luôn quan tâm đến việc ứng dụng Toán học vào thực tiễn, cụ thể là vào cuộc chiến tranh bảo vệ của dân tộc ta đang diễn ra rất ác liệt. Hồi đó tôi cũng được cử đi thực tế vào chiến trường gần 1 năm (1965 - 1966). Sự định hướng và chỉ đạo chuyên môn của Thầy đã giúp chúng tôi nhận thức được rằng, Toán học không chỉ đơn thuần là lý thuyết, nó phải gắn liền với sản xuất và chiến đấu một cách thực sự, thực tế.

Cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ngày càng lan rộng, tôi đã tạm gác việc học hành để tham gia vào quân đội. Ngày tôi trở lại Trường Đại học Tổng hợp làm chuyên môn thì Thầy đã chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh công tác. Việc gặp lại được Thầy lúc đó thật là hiếm hoi.

Mặc dầu không được ở bên cạnh Thầy nhưng lời chỉ dẫn chân thành, niềm say mê tâm huyết của Thầy năm xưa vẫn thường trực trong mỗi chúng tôi.

Cho tới năm 1991, nhận được tin Thầy mất, những tình cảm thân thương tôn kính, những chiêm nghiệm và suy ngẫm trong lòng tôi khi nghĩ về Thầy làm tôi đau xót vô cùng. Sau buổi lễ truy điệu Thầy, tôi và một số người bạn đồng môn, cũng từng là học trò của Thầy, rất mong muốn làm được một điều gì đó để ghi nhớ công ơn của Thầy. Và hơn thế, tiếp tục làm theo những ý nguyện và lòng mong mỏi của Thầy. Đó là giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ. Vậy là ý định thành lập một trường học mang tên Thầy - GS.Lê Văn Thiêm - đã được chúng tôi gấp rút chuẩn bị. Kế hoạch đó đã được Viện Toán học Việt Nam và Uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội ủng hộ nhiệt thành.

Kết quả là, sau hơn năm năm Thầy mất, trường THPT dân lập Lê Văn Thiêm đã ra đời. Ý tưởng và mục đích của chúng tôi là xây dựng một mái trường có chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn của một trường chuẩn quốc gia, một trung tâm giáo dục đào tạo có chất lượng cao của Hà Nội. Và điều mà tôi và các đồng nghiệp của mình - những người dạy Toán sẽ không quên đó là cố gắng làm hết sức mình để truyền lại tình yêu Toán học cho học trò mà thuở nào Thầy đã nhen nhóm trong mỗi chúng tôi. Có lẽ đó là một chút tri ân mà

chúng tôi sẽ làm được, giúp chúng tôi cảm thấy đỡ hụt hẫng khi mất Thầy.

Buổi đầu thành lập Trường, chúng tôi cũng gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại như vấn đề mặt bằng, quan niệm về trường dân lập, sự do dự của học sinh, chất lượng đầu vào ... Nhưng cả tập thể nhà trường đã không hề nản chí. Hiệu trưởng Nhà trường là nhà giáo Nguyễn Văn Muôn - nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp nhẹ, nguyên Chánh văn phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo - một nhà giáo, dù đã nghỉ hưu vẫn luôn tâm huyết với sự nghiệp giáo dục.

Đội ngũ giáo viên của nhà trường tuyển chọn là những người có năng lực sư phạm và trình độ chuyên môn cao, luôn lấy việc giúp đỡ học sinh làm đầu. Tất cả đều đồng lòng, đồng sức quyết tâm xây dựng nhà trường.

Giờ đây, sau 5 năm thành lập, ngôi trường đã trụ vững trên vùng đất của huyện Gia Lâm. Chất lượng giáo dục của Nhà trường ngày càng được nâng cao, đã có những học sinh đỗ vào các trường đại học và cao đẳng trong cả nước, đặc biệt là có học sinh đã đỗ vào Khoa Toán của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - một ngành học mà Giáo sư Lê Văn Thiêm đã hằng theo đuổi và cống hiến.

Hiện nay, ngoài các điều kiện đã có, Nhà trường đang làm dự án xin Thành phố Hà Nội cấp đất để có một mặt bằng ổn định nhằm xây dựng nhà trường khang trang, đủ điều

kiện để giảng dạy và học tập tốt hơn, đáp ứng được mục đích đào tạo đã đặt ra.

Trong cơ chế thị trường đã có những mặt trái tác động đến giáo dục, đào tạo trong các trường học, chắc chắn Trường sẽ còn gặp nhiều khó khăn, nhưng chúng tôi tin tưởng rằng, chúng tôi sẽ thành công. Bởi ngôi trường Lê Văn Thiêm của chúng tôi đã xây dựng không phải vì mục đích kinh tế mà xuất phát từ ý nguyện chân thành, thiêng liêng, sự tôn vinh của chúng tôi - những người học trò - đối với một người thầy quá cố mà mình luôn luôn tôn kính và ngưỡng mộ.

Và với tôi, làm được điều đó cũng đồng nghĩa là ước muốn làm cho tình yêu, niềm say mê tâm huyết của Thầy, hình ảnh cao đẹp và thân thương của Thầy sống mãi không chỉ là trong ký ức.



*Giáo sư Lê Văn Thiêm cùng vợ và con gái*



*Giáo sư Lê Văn Thiêm và con trai (1987)*

# LÊ VĂN THIÊM

*(Bài viết ngày 14 tháng 12 năm 1991)*

***Laurent Schwarts*** (*)

Lê Văn Thiêm, sinh ngày 25 tháng 3 năm 1918 tại Đức Thọ, Hà Tĩnh, Việt Nam (hay người ta còn gọi là Đông Dương), mất ngày 3 tháng 7 năm 1991 ở thành phố Hồ Chí Minh. Là sinh viên khoá 1941, Lê Văn Thiêm đã từng học trung học tại trường Quy Nhơn và tốt nghiệp ở Đông Dương. Lúc đó, trường đại học duy nhất ở Đông Dương được đặt ở Hà Nội và không có chuyên ngành Toán. Ông đã ghi danh và đỗ thứ hai ở kỳ thi năm 1938; được nhận học bổng sang học tại Pháp. Ông chuẩn bị cho kỳ thi tuyển vào Trường Đại học Sư phạm đối với sinh viên nước ngoài và đỗ năm 1941. Tại đây, ông đã học cử nhân ngành Toán. Ở Bizuth (1941-1942), ông sống cùng với Max Fonvieille, Robert Carol, Gérard Debreu và Paul Roussel. Các bạn của ông miêu tả ông như một người đàn ông khiêm tốn và kín đáo, rất ít nói. Tuy nhiên, khu nhà trọ của ông lại rất sôi động và công việc thường xuyên bị gián

(*) Giáo sư Toán học Pháp.

đoạn bởi sự có mặt của những người khách với những cuộc tranh luận theo nhiều chủ đề khác nhau. Thiêm cũng tham gia vào tranh luận như những người khác. Một ngày năm 1942, ông đã chỉ ra rằng những người đồng hương của mình, trong đó có các nhà trí thức, các kỹ sư, giáo sư và những người khác đã lần lượt bị tước bỏ chức vị. Vào thời điểm đó, ông đã tác động rất mạnh tới các bạn của mình, những người có nhiều kỷ niệm với giai đoạn này. Một người Đông Dương khác cùng khoá với ông là Trần Đức Thảo, hiện là Giáo sư Triết học ở Việt Nam. Thường có những sinh viên Đông Dương ở ngoài trường đến bàn bạc với Thiêm, nhưng ông không bao giờ nói với các bạn về điều đó.

Ông đã không tham gia kỳ thi cao học và rời trường Sư phạm vào cuối năm 1942 để sống một năm ở Thụy Sĩ và cùng nghiên cứu với Nevanlinna về hàm phân hình. Chính những kết quả mà ông đã thu thập được tại đây có ý nghĩa vô cùng quý báu đối với ông trong cả cuộc đời. Đặc biệt, cũng tại đây ông đã thu thập được chất liệu cho luận án mà ông bảo vệ tại Paris năm 1948 dưới sự hướng dẫn của Georges Valiron, chuyên gia hàng đầu của Pháp ở thời kỳ đó về hàm giải tích của một biến số phức. Luận án của ông đã được bảo vệ tại một hội đồng gồm Arnaud Debjoy làm Chủ tịch, Georges Valiron, Paul Dubreil. Chính tôi cũng làm luận án dưới sự hướng dẫn của Giáo sư Georges Valiron và bảo vệ tại Đại học Strasbourg, lúc đó đang sơ tán ở Clermont-Ferrand vào năm

1943 với một đề tài hơi khác với chuyên đề nghiên cứu của Giáo sư Valiron. Tuy nhiên, tôi cũng đã bảo vệ luận án tiến sĩ với Giáo sư Valiron. Lê Văn Thiêm đã sang Thụy Sĩ và là giảng viên tại Trường Đại học Bách Khoa Zurich trong vòng một năm.

Năm 1949, ông rời Thụy Sĩ để trở về Việt Nam, khi đó chiến tranh đang diễn ra rất ác liệt. Chuyến đi của ông rất dài và vất vả. Ông đã đi trong điều kiện tương đối bình thường từ Bangkok và sau đó đi bộ xuyên qua các khu rừng rậm ở Nam Bộ (Cochinchine) và cuối cùng theo đường mòn đi lên Việt Bắc, khu tự do ở miền Bắc, đầu não kháng chiến vào thời điểm đó. Ở đó, ông đã gặp nhiều trí thức mà trong số đó phải kể đến Tạ Quang Bửu và Trần Đại Nghĩa. Mối liên hệ giữa ông với hai người này, nhất là với Tạ Quang Bửu, rất bền chặt trong suốt cả cuộc đời. Lúc đó, Việt Nam cũng có được gần như đầy đủ các sách toán, Lê Văn Thiêm đã mang về một bản sao cuốn sách của Courant Hilbert: Phương pháp Toán Lý, mà một người bạn cùng khoá đã cho mượn; cả những cuốn sách ông đã thu lượm được ở Thụy Sĩ và ở Pháp sau đó, nhưng chắc chắn là không nhiều vì ông đã phải trải qua một chuyến đi bộ rất dài. Tạ Quang Bửu cũng đã học ở Pháp mấy năm trước đó, gần cùng thời gian với tôi ở trường Đại học Sư phạm (1934-1937), và chính ông cũng đã mang về Việt Nam, nơi sau này ông giữ vai trò chính trị quan trọng,

cuốn sách lớn của Bourbaki: Hình học đại cương. Lê Văn Thiêm, Trần Đại Nghĩa và Tạ Quang Bửu đã cùng nhau cố gắng xây dựng nền khoa học ở miền Bắc Việt Nam, trong một đất nước có tới 95% người mù chữ. Tuy nhiên, ở đó, họ đã thành công.

Đầu năm 1950, Lê Văn Thiêm được giao trọng trách thành lập và làm Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Cơ bản, trong khi ông vẫn đang là Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm (tất nhiên là cả hai trường này đều nằm trong vùng tự do vì cuộc chiến tranh Đông Dương chống Pháp đang quyết liệt). Cả hai trường này đều giữ vai trò rất quan trọng trong việc đào tạo các cán bộ khoa học và kỹ thuật cho đất nước: giúp cho giáo dục đạt đến trình độ phù hợp, mặc dù hoàn toàn bị cô lập nhưng phát triển nhanh chóng về giáo dục và khoa học sau khi chiến tranh kết thúc. Một số lượng lớn các cán bộ khoa học và kỹ thuật của Việt Nam hiện nay đã được đào tạo tại hai trường này. Chính hai trường này đã làm cơ sở để mở lại ngay Đại học Tổng hợp Hà Nội sau Hiệp định Genève năm 1954 với một đội ngũ giảng viên hoàn toàn của Việt Nam. Đó thật sự là một kỳ tích. Vào thời điểm đó, ông được bổ nhiệm là Trưởng khoa Khoa học ở Hà Nội, sau đó vào năm 1959, Phó Hiệu trưởng trường Đại học, Vụ trưởng Vụ Khoa học của Uỷ ban Khoa học Nhà nước. Tiếp theo, ông là người thành lập và Chủ tịch Hội Toán học Việt

Nam, Viện trưởng Viện Toán Hà Nội. Ông cũng là người sáng lập và Tổng biên tập đầu tiên của Tạp chí Toán học và tạp chí Acta Mathematica Vietnamica, xuất bản bằng tiếng nước ngoài, dần dần được phát hành trên toàn thế giới. Dưới sự điều hành của ông, Viện Toán học đã trở thành trung tâm nghiên cứu toán học đầu tiên của đất nước, ở đó bây giờ được gọi là Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Quốc gia của Việt Nam. Từ năm 1980 cho đến khi qua đời, ông đã làm việc tại cơ sở của Trung tâm quốc gia được đặt tại Tp. Hồ Chí Minh, nơi ông thành lập Trung tâm Toán ứng dụng và Tin học. Đó là một cuộc đời rất có ý nghĩa và hữu ích.

Kể từ năm 1981, ông đã sống phần lớn thời gian tại Tp. Hồ Chí Minh, nơi vợ và hai con của ông đã chuyển đến ở từ nhiều năm trước. Năm 1976, trong chuyến đi của tôi cùng với vợ tới Việt Nam, tôi đã có dịp gặp lại ông. Khi đó trời rất lạnh vì vào tháng giêng, thời tiết luôn xám xịt và ẩm ướt, và vì hình dung sẽ đến một đất nước nhiệt đới trong khi nhà cửa không cần sưởi ấm, chúng tôi đã mang theo rất ít quần áo ấm và chúng tôi đã bị lạnh. Ông đã cung cấp cho chúng tôi các loại quần áo, giầy dép khác nhau, trong đó có cả áo khoác của chính ông.

Kể từ mười lăm năm nay, ông mắc bệnh tiểu đường cộng thêm với bệnh cao huyết áp; ông đã ốm nặng vào năm 1989, phục hồi trở lại rồi đột ngột ra đi chỉ sau hai ngày nhập viện.

Có thể nói rằng hầu hết các nhà toán học Việt Nam đều là học trò hoặc học trò của học trò của ông. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Việt Nam đã không ngừng đào tạo giáo viên và nghiên cứu viên ở trình độ cao nhất, gửi những thanh niên đã qua lựa chọn sang Liên Xô. Điều đó giúp cho Việt Nam còn giữ lại được cho đến ngày nay một trong những trình độ nghiên cứu tốt nhất vùng Viễn Đông, ít nhất là những gì liên quan đến đỉnh cao nghiên cứu. Với trình độ trung bình thì Việt Nam lại bị một số nước được gọi là "những con rồng" như Hồng Kông, Singapore, Hàn Quốc và Đài Loan vượt qua. Nhưng đối với những đỉnh cao nghiên cứu, Việt Nam luôn đứng ở vị trí hàng đầu. Các nhà toán học Việt Nam tham gia các hội nghị quốc tế, đi ra nước ngoài, đều được các nhà toán học nước ngoài đón tiếp tại nhà và được mời tới giảng dạy tại các đại học quốc tế lớn.

Lê Văn Thiêm không phải là người duy nhất tham dự vào bối cảnh này. Ông đã làm việc chặt chẽ với Trần Đại Nghĩa và Tạ Quang Bửu, tất cả cùng theo một hướng. Tạ Quang Bửu là một trong những nhân vật hàng đầu của Việt Nam; người đã ký Hiệp định Genève và đã từng là Bộ trưởng Bộ Đại học trong một thời gian dài. Tôi biết ông rất rõ, vì ông còn là một nhà toán học và vẫn thường xuyên liên hệ. Hàng sáng, ông thức dậy vào lúc 5 giờ và giải các bài toán theo ý thích từ 5 giờ đến 6 giờ. Mặc dù gánh vác chức Bộ trưởng,

nhưng ông vẫn có thể tham gia các hội thảo của các nhà toán học và có những báo cáo hết sức có giá trị. Tất cả những nhà toán học nước ngoài tới thăm đều đã có dịp gặp gỡ và ngưỡng mộ nhân vật này.

Tạ Quang Bửu và Lê Văn Thiêm đã cùng nhau đấu tranh rất vất vả vì tính công minh trong khoa học. Xu hướng tự nhiên lúc đó là dành những vị trí ưu tiên cho con cán bộ, chứ không dựa trên chất lượng khoa học. Lê Văn Thiêm và Tạ Quang Bửu đã đấu tranh không mệt mỏi và hướng cuộc đấu tranh khó khăn này tới việc đề cao chất lượng khoa học. Cả hai người đã phải trải qua những thời kỳ khó khăn. Chính Lê Văn Thiêm đã phải làm một bản tự kiểm điểm công khai về quan điểm "chủ nghĩa nhân tài". Ông đã phải chịu đựng rất nhiều. Tạ Quang Bửu thì được bảo vệ tốt hơn vì dù sao ông cũng là Bộ trưởng, một chính trị gia, trong khi Lê Văn Thiêm chỉ là một nhà toán học. Tạ Quang Bửu đã không ngừng bảo vệ cho Lê Văn Thiêm. Tất cả những nhà toán học hiện nay của Việt Nam đều giữ sự kính trọng rất lớn đối với hai nhân vật này. Lê Văn Thiêm luôn được những người đồng hương của mình đánh giá là rất khiêm tốn và cao thượng, giống như sự nhận xét của những người bạn cựu sinh viên trường Đại học Sư phạm và cũng là cảm tưởng của tôi về ông. Lê Văn Thiêm và Tạ Quang Bửu, như tôi đã nói nhiều lần, đều được đào tạo ở Pháp, biết tiếng Pháp một cách

hoàn hảo, đã đóng góp vào những tiến bộ của khối Pháp ngữ và mối quan hệ giữa Việt Nam và Pháp.

Tất nhiên là công việc nghiên cứu của Lê Văn Thiêm cũng bị chi phối nhiều bởi rất nhiều các trách nhiệm hành chính. Tuy nhiên, ông cũng là tác giả của hai chục công trình nghiên cứu đã được công bố ở Việt Nam và nước ngoài. Ông đã giải quyết được một vấn đề khó, như bài toán ngược về sự phân bố các giá trị của hàm phân hình, theo hướng của Nevanlinna. Điều đó đã mở ra một hướng nghiên cứu mới trong lý thuyết hàm phân hình của một biến số phức. Ông cũng đã sử dụng phương pháp đối xứng của hàm giải tích để tìm ra cách giải bài toán thâm nhập trong miền không đồng nhất. Ông cũng đã nghiên cứu và ứng dụng lý thuyết hàm giải tích để giải quyết vấn đề chuyển động của chất lỏng. Kết quả đã được công bố tại Hội nghị Toán học Quốc tế Vancouver năm 1974. Ông cũng đã tham gia vào các vấn đề ứng dụng khác nhau trong xây dựng, thủy lợi, kế hoạch hoá nền kinh tế của đất nước.

Giới khoa học Việt Nam sẽ không bao giờ quên hai hình ảnh lớn về Tạ Quang Bửu và Lê Văn Thiêm.

# CỰU SINH VIÊN TRƯỜNG SƯ PHẠM

*Hoàng Xuân Sính*(*)

Anh Lê Văn Thiêm là một cựu sinh viên Trường Sư phạm (École Normal Supérieur). Năm 1974, anh Thiêm và tôi đi công tác qua Paris. Em trai tôi làm hướng dẫn viên đi tham quan, hay nói đúng hơn là người lái xe, hỏi anh Thiêm có muốn thăm lại trường cũ anh học trong những năm đầu ở Pháp? Anh Thiêm thích thú nhận lời ngay. Thế là chúng tôi đến Trường Đại học Sư phạm phố d'Ulm. Đó là một ngày đầu tháng tám, sinh viên nghỉ hè hết, trường vắng ngắt không một bóng người. Chúng tôi đi khắp trường, anh Thiêm có hơi hồi hộp vì thấy lại trường hơn ba mươi năm xa cách, và anh thật cảm động khi tìm lại được lớp của mình, chỗ mình thường ngồi. Anh chỉ cho chúng tôi xem, và tôi đoán anh có nhiều ý nghĩ xốn xang.

Mỗi lần phải giải thích cho người ngoại quốc nghe Trường Đại học Sư phạm phố d'Ulm chiếm vị trí thế nào

---

(*) Giáo sư Toán học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

trong hệ thống giáo dục nước Pháp, tôi thường vấp phải sự khó hiểu. Người ta không hiểu tại sao gọi là Trường Đại học Sư phạm, mà nó lại là cái nôi sản sinh tinh hoa của Pháp. Tôi chỉ đành trả lời, đó là một truyền thống, nước Pháp không muốn bỏ. Thời bọn chúng tôi học, gặp một sinh viên Sư phạm, chúng tôi nói luôn: xin ngả mũ chào ngưỡng mộ. Hôm đó, anh Thiêm đã thản nhiên nói với chúng tôi rằng, sở dĩ anh đỗ vào Sư phạm là do Đại chiến thế giới thứ hai bắt đầu, thanh niên Pháp bị gọi đi nghĩa vụ quân sự nhiều, nên cái trường lấy rất ít sinh viên này mới thừa chỗ cho anh. Nghe anh giải thích, tôi hiểu anh rất thật thà, chất phác, và sau này tôi được thấy đó là bản chất của anh.

Tôi gặp anh Thiêm lần đầu trong một giây lát ngắn ngủi của một ngày hè tháng tám năm 1938 tại Hà Nội, nhưng tôi vẫn nhớ khá rõ. Cô ruột tôi lúc đó đính hôn với anh Lê Văn Xước - anh ruột anh Thiêm. Tôi gọi anh Xước là chú vì là bạn của cậu ruột tôi. Chú Xước là sinh viên trường Y. Thật thà mà nói, tôi không ưa chú Xước, còn rất sợ là đàng khác. Sợ vì mỗi khi ốm, chú Xước cứ lôi ra tiêm, điều mà bọn con nít chúng tôi tối kỵ. Còn cô tôi, mỗi lần chú Xước tới thì vui như ngày hội, vì đây là mối tình đầu của cô. Có một hôm anh Thiêm đến nhà tôi, tôi thấy người lớn thì thầm với nhau, tôi cũng không chú ý lắm, vả lại anh Thiêm đi ngay. Sau đó, tôi mới biết, anh Xước cùng anh Thiêm và cậu tôi đi bơi thuyền

trên hồ Tây, nhảy xuống nước bơi. Sau đó, anh Xước vướng vào rễ hoa sen, và bị chết đuối. Tình tiết tôi không được biết, vì chẳng ai cho một đứa bé như tôi hay, chỉ biết trong nhà đầy mùi tang tóc vì cô tôi khóc lóc thảm thiết. Mẹ tôi thương em gái sớm goá bụa trong mối tình đầu, nên cũng đau buồn, xót xa cho em.

Hôm đó là lần đầu tôi gặp anh Thiêm, và bẵng đi hơn hai mươi năm sau tôi mới gặp lại anh, cũng tại Hà Nội và cũng tại ngôi nhà mà anh Thiêm đến để báo cái tin khủng khiếp đó cho gia đình tôi. Nơi gặp thì vẫn vậy, nhưng tôi đã thành người lớn, vừa ở Pháp về, chuẩn bị làm cán bộ giảng dạy của một trường đại học nào đó của ta. Câu chuyện diễn ra rất bình thường. Anh Thiêm và anh Nguyễn Hoán được cậu tôi mời đến ăn giỗ ông ngoại tôi (lúc đó, anh Hoán đang làm Chủ nhiệm khoa Hóa ở Đại học Tổng Hợp, và là anh ruột của chồng cô tôi. Khi xưa, cô đính hôn với anh ruột của anh Thiêm, nhưng người này không may mất sớm, sau cô lại lấy em ruột của anh Hoán). Tôi là bậc con cháu trong nhà, nên chẳng nói được chuyện gì với anh Thiêm và anh Hoán, cũng là một Việt kiều về nước ngay sau khi hiệp định Genève được ký kết. Vì vậy, hôm đó anh Thiêm không hề hay biết anh đã, cùng với thế hệ thanh niên Việt Nam học ở Pháp thời anh, đóng một vai trò quan trọng trong cuộc đời của lũ đàn em cũng học ở Pháp như chúng tôi. Từ buổi hôm đó, tôi hiếm có

dịp gặp anh Thiêm, do anh ở Đại học Tổng Hợp, còn tôi lại chọn Đại học Sư phạm, vì tôi ngỡ trường này như trường Đại học Sư phạm của Pháp. Tôi bận dạy học ở Đại học Sư phạm, lúc nào cũng túi búi, vì cái gì cũng quá mới mẻ với tôi. Rất ít khi tôi gặp anh Thiêm, nên cũng không có cơ hội kể với anh những gì thế hệ sau chúng tôi biết về anh. Bây giờ, anh không còn nữa, dù muộn cũng hơn không, tôi xin phép anh được nói về anh.

Anh Thiêm sang Pháp sau cậu ruột tôi một năm. Người cậu này là em trai của ông cậu nói trên. Thế hệ của cậu tôi làm "Quartier Latin" sôi nổi một thời về những tin tức đỗ đầu bảng vào Sư phạm của anh Trần Đức Thảo, về bộ ba sinh viên trong đó có cậu ruột tôi đỗ một lúc ba "Grandes Écoles", mỗi người đỗ thủ khoa một trường. Thời ấy, trong Hà Nội bị thực dân Pháp chiếm đóng, những tin tức đó đã lan truyền rất nhanh. Vì bị kẻ chiếm đóng luôn luôn nói dân mình ngu, nên những tin tức về đỗ đạt như vậy đã mang đến cho mọi người một niềm tự hào dân tộc. Mới học lớp một tiểu học thôi, tôi cũng đã được cha tôi kể những chuyện học hành của các bậc cha chú, mà tôi chẳng hiểu là mấy. Tuy vậy, tôi cũng mang máng thế là hay, là tốt. Thế rồi chiến tranh bùng nổ, anh Thiêm đỗ vào École Normal Supérieur, dân trí thức Hà Nội không hay.

Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, từ Pháp cậu ruột tôi liên lạc được với gia đình. Lúc này cậu tôi đã làm ở Sud Aviation, xưởng máy bay lớn của Pháp. Ở đây tôi xin rẽ ngang một chút, vì có một điều tôi muốn nói về sử dụng trí thức. Cậu tôi về sau là người làm máy bay Caravelle, máy bay phản lực dân dụng đầu tiên của thế giới, và sau này phụ trách làm máy bay Concorde về phía Pháp, vì Concorde là một hợp tác giữa Anh và Pháp. Nó là máy bay siêu âm dân dụng đầu tiên của thế giới. Concorde ra đời bị Mỹ chọc phá kịch liệt, vì ảnh hưởng đến Boeing của Mỹ. Nhiều nhà khoa học, được Mỹ khuyến khích, đăng những bài báo chứng minh Concorde làm ảnh hưởng đến tầng ozone vì tốc độ của nó quá cao. Ngoài ra, Mỹ còn cấm Concorde đỗ xuống bất kỳ sân bay nào của Mỹ. Điều đó cũng dễ hiểu, Paris - New York mất bảy tiếng nếu đi bằng Boeing, và chỉ mất có bốn tiếng với Concorde. Các bà, các cô từ Mỹ muốn đi shopping ở Paris vào cuối tuần sẽ thấy thoải mái quá khi thời gian bay rút xuống gần nửa. (Có thể bạn đọc ở đây có ý nghĩ Concorde là máy bay không an toàn, vì cách đây mấy tháng đã có một vụ nổ khi nó vừa mới cất cánh khỏi sân bay. May quá, người ta đã tìm ra nguyên nhân: một máy bay cất cánh trước đấy năm phút đã làm văng ra một cái đinh lớn, bánh xe của Concorde khởi động liền sau đó đã bị đinh làm thủng, và từ đó tai nạn đã xảy ra. Kết quả tai hại này là do các máy bay cất cánh

liên tiếp nhau, khiến cho không có thì giờ dọn đường bay giữa hai máy bay xuất phát nối nhau).

Cậu tôi học sau anh Lê Viết Hường một năm ở trường Sup. Aéro. Anh Hường tốt nghiệp, làm ngay ở Sud Aviation. Làm được một năm, anh Hường bỏ việc làm, về nước theo kháng chiến. Cậu tôi tốt nghiệp sau, được lấy thế chân vào chỗ anh Hường. Cậu tôi luôn luôn nói với tôi rằng anh Hường rất giỏi, và nhờ anh Hường rút lui khỏi Sud Aviation nên cậu tôi mới vào làm được hãng máy bay lớn nhất của Pháp này. Tôi cố tình nói tới câu chuyện này, vì nó đụng tới việc sử dụng và nhận xét cán bộ khoa học của ta. Anh Hường về nước theo kháng chiến trong những năm gian khổ nhất, đó là một tấm gương mà bọn sinh viên học ở Pháp chúng tôi sau này luôn lấy đó ra học tập. Tất nhiên, ngoài anh Hường, còn có các anh Trần Đại Nghĩa, Trần Hữu Tước, Trần Đức Thảo... đã về nước trong những ngày đó. Anh Hường là một sinh viên giỏi ở Sup.Aéro, nhưng anh mới chỉ được đào tạo thôi, còn muốn trở thành một kỹ sư giỏi, phải được làm việc như cậu tôi trong môi trường đúng theo đào tạo. Khi tôi về nước năm 1960, tôi đã nghe những tiếng xì xào về anh Hường, kêu là không giỏi. Hỏi ra mới biết anh Hường được giao làm những việc của một kỹ thuật viên, chẳng liên quan gì tới việc học làm máy bay của anh cả. Nhiều trường hợp ta dùng người như vậy, gây nhiều chuyện đau lòng. Nhưng biết

thế thôi, vì mới thoát thai khỏi chế độ thực dân phong kiến, nghèo nàn lạc hậu, chiến tranh lại liên miên, khó tránh khỏi những chuyện như vậy. Nhân tiện, tôi cũng xin phép nói thêm: một tiến sĩ sau khi làm xong một luận án, chỉ có thể coi như mới được đào tạo, phải làm việc tiếp theo trong một labo có người hướng dẫn thì mới có hướng nghiên cứu, nếu không thì sẽ loay hoay không tìm thấy lối thoát. Rất hiếm người tự tìm ra hướng nghiên cứu sau luận án. Tôi nghĩ bây giờ ta đã đủ trình độ để nói thẳng ra như vậy, sẽ tốt cho anh chị em làm khoa học hơn.

Bây giờ tôi xin quay lại chuyện của anh Thiêm. Vào khoảng năm 1948, những tin tức về anh Thiêm mới về tới Hà Nội tạm chiến. Lúc đó kháng chiến chưa có những trận thắng lớn, trí thức Hà Nội thường đem những tin tức thành công trong học tập của sinh viên ta du học nước ngoài để làm niềm vui, niềm tự hào, và để giáo dục con cái. Bác Hoàng Xuân Hãn nói với mọi người về ý nghĩa toán học của luận án tiến sĩ của anh Thiêm, và về thời anh Thiêm còn là học trò những năm tú tài 1 và tú tài 2 của bác. Tôi còn học cấp hai, chẳng hiểu mấy về bài toán anh Thiêm làm, nhưng thấy bác Hãn khen, tôi cũng say mê nghe. Bẵng đi đến hè năm 1951, lúc đó tôi đang ở với cậu tôi tại Uỷ ban kháng chiến của huyện Thạch Thất, ông cậu này là ông đi bơi thuyền với chú Xước và anh Thiêm mà hôm đó chú Xước không may bị chết đuối,

cậu tôi nhận được thư của anh Thiêm gửi từ Chiêm Hoá. Cậu tôi đưa cho tôi đọc. Bức thư dài bốn trang, chữ viết nhỏ. Anh Thiêm kể chuyện bỏ Pháp về chiến khu Nam Bộ, ở đó mấy tháng, rồi từ chiến khu Nam Bộ đi bộ sáu tháng ra Chiêm Hoá. Về tương lai, anh cho biết, trên có ý định giao cho anh xây dựng trường Đại học Khoa học, kiểu trường Đại học Bách khoa Paris. Đó là nguyên văn nội dung thư của anh. Trường Đại học Khoa học này liền sau đó được thành lập ở Khu học xá Nam Ninh, Trung Quốc, nó đã đào tạo ra hàng loạt trí thức đầu đàn của ta. Đọc xong, tôi khâm phục anh quá, vì lúc đó kháng chiến đang ở giai đoạn rất gian khổ, thế mà anh lại bỏ Thụy Sĩ về, lại còn đoạn đi bộ sáu tháng của anh mà trong thư anh không nói một lời nào về sự vất vả, nhưng tôi cũng hình dung được nó như thế nào. Sau đó, tôi đi Pháp, không được biết tin gì của anh Thiêm ở nhà nữa. Nhưng nhờ anh Phạm Huy Thông, lúc đó phụ trách Việt kiều ở Pháp, tôi được biết nguyên nhân anh Thiêm về nước.

Anh Thiêm từ Thụy Sĩ sang Pháp chơi trong dịp hè năm 1948. Anh Thông rủ anh Thiêm đi dự Đại hội Hoà Bình thế giới tổ chức ở Praha. Anh Thiêm vui vẻ nhận lời, cùng anh Thông đi Praha. Quay về Thụy Sĩ, anh bị dọa trục xuất vì tội đi với Liên xô. Về sau, nhiều anh chị em Việt kiều ở Pháp, sau những chuyến đi Beclin, Vacxava, Mạc tư khoa... dự Đại hội Thanh niên thế giới về, cũng bị Pháp dọa như vậy, và



*Hội Toán học Tp. Hồ Chí Minh*
*mừng thọ Giáo sư Lê Văn Thiêm tròn 70 tuổi (1988)*

những ai đã bị doạ trục xuất thì Pháp gây khó dễ đủ điều về giấy tờ. Anh Thiêm bực mình vì Thụy Sĩ dọa dẫm như vậy. Anh đặt vấn đề với tổ chức xin về nước tham gia kháng chiến. Tôi nghĩ, thực ra anh muốn về nước phục vụ kháng chiến, chứ ở lại Thụy Sĩ cũng không làm sao, cùng lắm cũng chỉ bị gây khó dễ như anh chị em ở Pháp thôi. Như vậy, trí thức Việt kiều về nước đợt đầu là theo con đường phái đoàn của ta sang Pháp đàm phán năm 1946, lộ trình này không có gì gian nan. Đợt thứ hai chỉ có anh Thiêm. Có lẽ vì để bảo đảm bí mật, anh Thông không kể cho tôi nghe hành trình của anh Thiêm về nước. Sau này, anh Tạ Quang Bửu cho tôi hay, anh Thiêm phải sang Anh ở mấy tháng để thực dân Pháp không nghi là về với kháng chiến, rồi từ Anh đi Thái Lan. Ở Thái Lan, anh Thiêm nhận nhiệm vụ áp tải vũ khí mua ở đó đưa về chiến khu Nam Bộ. Anh ở chiến khu Nam Bộ mấy tháng, sau mới đi bộ ra miền Bắc. Lúc đó anh Thiêm mới chỉ là một chàng trai chưa gia đình, trên dưới ba mươi tuổi. Thật ra ở nhà lúc đó, bao nhiêu thanh niên tuổi còn trẻ hơn đã làm được những chuyện thần kỳ trong kháng chiến. Nhưng đối với anh chị em Việt kiều chúng tôi, chưa bao giờ phải phiêu lưu như vậy, thì chuyện về nước của anh Thiêm là một huyền thoại.

Tôi không biết anh Trần Đức Thảo về nước thế nào, có nhiều khó khăn hay không, nhưng chắc chắn không mấy dễ

dàng vì anh Thảo cũng về trong lúc còn kháng chiến. Sau anh Thảo, một loạt anh em Việt kiều về nước năm 1952, về rất dễ dàng, không phải xin giấy tờ gì cả, được cảnh sát Pháp bắt tại nhà, hỏi cung trong một ngày, làm giấy quyết định trục xuất sau khi hỏi cung, rồi đưa bằng tàu hoả xuống cảng Marseille, từ đó xuống tàu biển tiến thẳng về cảng Sài Gòn, rồi vào khám Chí Hoà. Anh Phạm Huy Thông được "vinh dự" về như vậy. Cùng đợt về với anh Thông, ở tỉnh Toulouse nơi tôi đang học lúc đó, có anh Võ Văn Lạc.

Hôm anh Lạc và hai anh nữa bị bắt, tôi ngồi ở sở cảnh sát, đợi quyết định của nhà cầm quyền Pháp cùng với em gái anh Lạc. Hơn bảy giờ tối, một cảnh sát cho chúng tôi biết anh Lạc bị trục xuất về nước. Chúng tôi được phép tiễn anh Lạc ở ga xe lửa, nhưng không được gần anh. Một lát sau, tàu ở Bordeaux tới, đỗ lại. Chúng tôi thấy một loạt anh em Việt kiều ở Bordeaux cũng bị bắt. Anh Lạc được đưa lên tàu, lúc đó mới thấy anh qua cửa sổ, nét mặt tươi cười vẫy tay chào tạm biệt chúng tôi. Các anh ở Bordeaux thò đầu ra cửa sổ, vừa chửi thực dân Pháp vừa động viên chúng tôi ở lại đừng ngã lòng. Giọng các anh vang lên lạc quan yêu đời trong sân ga dày đặc sương mù và lạnh ngắt không bóng người, trừ mấy chúng tôi. Hôm đó, ở Toulouse chỉ có một mình anh Lạc bị trục xuất, tuy cảnh sát đến nhà bắt ba người còn Bordeaux thì có mấy anh bị tống khứ khỏi mẫu quốc. Chuyến

tàu đêm đó đưa các anh đến cảng Marseille, để rồi xuống tàu biển về Sài Gòn. Người thanh niên Võ Văn Lạc, bí thư chi bộ Toulouse, năm đó mới ngoài hai mươi tuổi. Chuyện của anh cũng nên nhắc lại ở đây để thấy số phận của mỗi Việt kiều trên con đường về với Tổ Quốc. Sau đêm anh vẫy chào từ biệt chúng tôi, gần chục năm sau, tôi mới gặp lại anh, nhưng lần này trên đất Bắc do thực dân Pháp đã chuyển anh từ khám Chí Hoà ra nhà tù Hà Nội. Rồi anh được chuyển đi cải tạo khi ta tiếp quản thủ đô vì trường hợp anh quá đặc biệt khó tin. Các anh khác ở lại khám Chí Hoà, sau 1954 được thả ra, chỉ có anh Lạc và anh Phạm Huy Thông bị thực dân Pháp chuyển ra ngoài Bắc. Anh Thông ở nhà tù Hải Phòng, còn anh Lạc ở nhà tù Hà Nội. Anh Thông là lãnh đạo của Việt kiều ở Pháp, nổi tiếng, luôn luôn có liên lạc với Trung ương, nên không xảy ra điều nhầm lẫn. Anh Lạc đi cải tạo đến năm 1958. May cho anh, một hôm Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhìn thấy anh trong đám tù cải tạo đang làm đường ở miền núi, thấy mặt mũi anh sáng sủa nhân hậu, hỏi chuyện anh và hiểu ngay câu chuyện mà người thường khó hiểu, đã đưa anh ngay từ trại cải tạo về công tác ở Nhà xuất bản Sự Thật.

Trở lại chuyện đêm đó, chúng tôi đã phải dắt nhau từng bước mò về nhà vì sương mù dày quá, không thấy đường. Sáng hôm sau, bao tài liệu được dùng làm nhiên liệu sưởi thay cho than, còn tài liệu quan trọng thì mang đi gửi bạn

Pháp. Sở dĩ đang nói về anh Thiêm, tôi lại miên man nói về các anh khác, vì tôi muốn nói rõ hoàn cảnh của Việt kiều thời đó. Lịch sử của đất nước lúc đó khiến chúng tôi chỉ biết gắn việc học với đất nước, tương lai cá nhân không hề suy nghĩ tới. Khái niệm tiền bạc đối với chúng tôi hoàn toàn xa lạ. Đầu óc chỉ biết có trắng đen, ai theo kháng chiến là tốt, ai không theo thì không chơi với. Các anh về với kháng chiến thì được chúng tôi lấy đó làm gương, quyết tâm theo con đường các anh đã chọn. Chúng tôi nói với nhau những mẩu chuyện về các anh, ai biết gì thì nói điều mình biết. Thế hệ các anh học trước đã về hầu hết cả rồi, chúng tôi không có ai để hỏi cho rõ ngọn ngành. Chỉ biết các anh học giỏi hơn bọn chúng tôi nhiều, gây ấn tượng rất tốt trong giới đại học Pháp.

Trong số các bạn tôi ở Toulouse, chỉ riêng mình tôi biết anh Thiêm, do có quan hệ với gia đình tôi. Cho nên khi học tập các bậc đàn anh, tôi thường nói về anh Thiêm. Đối với chúng tôi, các anh là những ngọn đuốc chỉ đường trong đêm tối mù mịt cho chúng tôi đi. Tôi còn nhớ mãi cái đêm mà anh Lạc bị bắt, sương mù rơi xuống thành phố dày đặc đến mức chúng tôi tý nữa thì ngã xuống cái bể thả cá trong công viên đằng sau toà Thị chính thành phố khi về nhà. Nếu không có ngọn đuốc đưa đường của các anh, chúng tôi không biết phải sống thế nào sau cái đêm tiễn các anh bị bắt về nước tống giam. Anh Thiêm và các anh cùng thế hệ với anh, đã ảnh

hướng đến chúng tôi như vậy. Nhưng có điều xót xa này, tôi thấy cần phải nói. Trong chuyến đi công tác cùng anh Thiêm năm 1974, tôi thấy anh Thiêm có những sợ sệt rất vẩn vơ mà Việt kiều tiếp xúc không hiểu được. Cùng cảnh ngộ, tôi chua xót nhận ra. Anh Thiêm mới thoát khỏi một cuộc "tranh cãi" dài liên miên của Đại học Tổng hợp, "tranh cãi" đến mức phải cho sinh viên nghỉ học dài dài để thày tập trung họp "thảo luận". Kết quả là Viện Toán được thành lập để anh Thiêm và anh Hoàng Tụy có chỗ làm việc. Ở anh Trần Đức Thảo, tôi cũng thấy những sợ sệt, nhưng còn nặng nề hơn anh Thiêm nhiều. Tôi đau buồn phải nói ra điều này, nhưng tôi thấy đó là một điều tốt nếu nói được ra.

Đoạn anh Thiêm giảng dạy và lãnh đạo ở Trường Đại học Tổng hợp, và sau đó ở Viện Toán, với cương vị Viện trưởng đầu tiên của Viện, tôi xin phép nhường lời cho các anh chị em công tác gần anh. Tôi chỉ xin tóm lại hình ảnh rất đẹp mà anh để lại cho tôi: đó là một cựu sinh viên Sư phạm thật thà và chất phác, đức tính rất quý của người làm toán.

# NHỚ VỀ GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM

*Hồ Sĩ Thoảng*[*]

Tôi không có vinh dự là học trò của Giáo sư Lê Văn Thiêm, bởi vì tôi được phân vào học ngành Hóa học. Thời chúng tôi vào Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, năm 1956, Giáo sư Lê Văn Thiêm là Phó Hiệu trưởng và phụ trách Khoa Toán. Đối với sinh viên chúng tôi lúc đó, được nhìn thấy các bậc trí thức hàng đầu của đất nước như Giáo sư Ngụy Như Kontum (Hiệu trưởng), Giáo sư Lê Văn Thiêm... đã thấy vinh dự lắm rồi. Ngay Giáo sư Nguyễn Hoán là vị Chủ nhiệm Khoa Hóa của chúng tôi, nếu được diện kiến và được thầy hỏi vài câu cũng đã hết sức sung sướng. Lúc đó, chúng tôi chỉ biết Giáo sư Lê Văn Thiêm là Tiến sĩ Toán học và là nhà toán học giỏi nhất Việt Nam. Qua các bạn bên khoa Toán, chúng tôi cũng được biết Giáo sư Lê Văn Thiêm rất hay đãng trí. Tuy nhiên, suốt thời sinh viên, tôi chưa có dịp nào được làm quen với Giáo sư.

---

(*) Giáo sư Hóa học, TT Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.

Từ năm 1975, khi tôi đã về công tác ở Viện Khoa học Việt Nam, chúng tôi mới quen biết nhau, nói đúng ra là lúc đó Giáo sư mới biết tôi, tuy nhiên vì chúng tôi thuộc hai ngành khoa học khác nhau cho nên cũng ít tiếp xúc cá nhân. Chỉ từ năm 1981, sau khi Giáo sư chuyển hẳn vào sống và làm việc ở Thành phố Hồ Chí Minh, tôi mới có nhiều cơ hội tiếp xúc với Giáo sư. Giáo sư Trần Đại Nghĩa và Giáo sư Nguyễn Văn Hiệu dặn tôi và các đồng chí trong phân viện Khoa học Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh là cần tạo điều kiện thuận lợi để Giáo sư Lê Văn Thiêm làm việc tại Phân viện, nhưng chính Giáo sư, khi được hỏi, chẳng đưa ra yêu cầu gì cả. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, Giáo sư lại phải bắt đầu xây dựng một tập thể nghiên cứu toán học mới. Tập thể đó mang tên Phòng Toán học ứng dụng. Dưới sự lãnh đạo của Giáo sư, tập thể toán học này đã có những công trình nghiên cứu gắn kết với thực tiễn sản xuất như các nghiên cứu về dòng chảy, các nghiên cứu hỗ trợ ngành cao su.v.v... Tôi không am hiểu chuyên môn của các nhà toán học, nhưng điều tôi biết chắc chắn là Giáo sư Lê Văn Thiêm trong những năm cuối đời mình tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có những đóng góp rất thiết thực cho Toán học và cho Viện Khoa học Việt Nam, trong đó có cả công lao xây dựng một tập thể toán học và hình thành hướng đi đúng đắn cho những năm sau này của tập thể đó.

Thực tình, tôi không ngờ Giáo sư Lê Văn Thiêm lại giản dị và hiền lành đến thế. Phong cách và lối cư xử của Giáo sư quả thật hết sức giản dị và khiêm tốn. Giáo sư hầu như không bao giờ đòi hỏi cái gì cho mình. Một đức tính rất quý của Giáo sư nữa là khi nào cũng có thái độ hiền hoà, nhẹ nhàng và luôn luôn nói rất thẳng suy nghĩ thật của mình cho người đối thoại, cho những người xung quanh dù dễ nghe hay khó nghe. Tôi chưa thấy Giáo sư nặng lời với ai bao giờ. Có thể nói, tuy thời gian cùng làm việc với chúng tôi ở Phân viện Khoa học Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh không lâu nhưng Giáo sư Lê Văn Thiêm đã để lại cho tất cả mọi người hình ảnh đẹp về một nhà khoa học lớn đầy tâm huyết với đất nước, một con người khiêm tốn, giản dị, chân thành.

# NHỚ ANH LÊ VĂN THIÊM

*Nguyễn Cảnh Toàn*(*)

Đầu năm 1951, tôi nhận được giấy mời của Hội phổ biến Khoa học Kỹ thuật liên Khu 4 đi dự một buổi nói chuyện mà diễn giả là Tiến sĩ Lê Văn Thiêm. Trước đó, tôi đã nghe tiếng anh Lê Văn Thiêm học giỏi như thế nào khi đương học tú tài và sau đó sang Pháp học, và là người Việt Nam đầu tiên đỗ Tiến sĩ Toán học. Vì hâm mộ anh nên, dù cho địa điểm nói chuyện cách xa trường tôi dạy 20 kilômét, tôi cũng cố đi mượn xe đạp để tới dự. Buổi hôm đó, thính giả khá đông. Vì nhiều người vây quanh anh Thiêm, tôi không tới anh được, vả cũng có phúc tâm là sợ mang tiếng "thấy người sang bắt quàng làm họ". Hôm đó, tôi chỉ nghe anh nói và thấy anh từ xa. Cũng hơi tiếc vì trong chiến tranh mà tổ chức được một buổi nói chuyện như vậy là khó. Bốn tháng sau, tôi được Bộ Giáo dục điều động từ Nghệ An ra Tuyên Quang để viết sách giáo khoa. Tôi tới trại tu thư được khoảng hai tuần

(*) Giáo sư Toán học, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

thì một hôm anh Nguyễn Xiển đến thăm trại. Trò chuyện chung với anh em xong, một điều rất bất ngờ đối với tôi, là anh đến kéo tay tôi bảo xuống vườn (trại đóng trong nhà sàn của đồng bào thiểu số ) nói chuyện. Anh Xiển cho tôi biết, theo sự tiến cử của các sinh viên (Trường Khoa học Cơ bản và Sư Phạm cao cấp do anh Thiêm làm Hiệu trưởng, anh Xiển và anh Kontum trong ban giám hiệu) vốn là học sinh cũ của tôi ở Trường Trung học chuyên khoa Huỳnh Thúc Kháng ở liên khu IV, Ban Giám hiệu đã nhất trí xin với Bộ điều tôi từ Nghệ An ra dạy ở Trường Khoa học Cơ bản và Sư phạm cao cấp lúc đó đương rất thiếu thầy. Bộ đã đồng ý và hôm nay, do anh Thiêm bận, anh Xiển thay mặt ban Giám hiệu, đến trực tiếp gặp tôi để xem tôi có gặp khó khăn gì không khi phải rời Nghệ An để ra đây. Mặc dù có gặp khó khăn về gia đình, nhưng với tuổi thanh niên (năm đó tôi 25 tuổi) và chí tiến thủ mạnh, tôi nhận lời. Vài hôm sau, đúng ngày chủ nhật, tôi xin phép trại tu thư lên thăm trường ở cách trại khoảng 30km (trong kháng chiến như vậy là gần). Lần đầu gặp anh Thiêm, tôi thấy chan hòa ngay vì cái ông Tiến sĩ mà tôi mường tượng là rất trí thức, lại ở một nước tư bản mới về, hoá ra là một người rất bình dân. Tôi mất ngay cái mặc cảm về sự chênh lệch trình độ giữa một ông tiến sĩ và một ông giáo viên trường trung học chuyên khoa. Anh Thiêm cho tôi biết tình hình trường, hiện nay còn lo chạy gạo, chưa học

hành gì, sắp tới sẽ sang Trung Quốc. Anh giục tôi về hoàn thành sớm công việc ở Trại tu thư cho kịp để cùng cả trường sang Trung Quốc. Tôi về kịp hoàn thành trách nhiệm ở Trại tu thư và đi cùng chuyến với anh Kontum sang khu học xá ở Nam Ninh. Hồi đó hai trường Khoa học Cơ bản và Sư phạm cao cấp có tất cả 9 cán bộ giảng dạy và khoảng 130 sinh viên (Sư phạm cao cấp có 27, gồm ba ban: Toán, Lý Hóa, Hóa Vạn, Khoa học cơ bản có hơn 100, chia làm hai ban A và B. Ban A nặng về Toán Lý, ban B nặng về Lý Hoá). Tôi được phân công chữa bài tập cho anh Thiêm và anh Xiển và giảng về toán sơ cấp cho ban Toán của Sư phạm cao cấp. Kể từ khi dạy ở Trung học chuyên khoa, tôi đã có thói quen ra đề sáng tác vào dịp thi học kỳ, không chịu dùng đề sưu tầm để loại trừ bệnh học tủ của học sinh. Lên dạy đại học, tôi vẫn giữ cái nếp đó. Một lần, đề sáng tác của tôi, chả sinh viên nào làm được. Họ phản ánh lên anh Thiêm. Một hôm, tôi đương làm việc trong phòng mình thì anh Thiêm vào, cười cười đưa các đề tôi sáng tác ra, nói: "Anh có những suy nghĩ thật là kỳ cục, anh ra đề thế này thì đến tôi cũng chả làm được, nói gì sinh viên". Tôi nhận khuyết điểm và từ đó về sau, có chú ý hơn đến việc làm sao cho đề vừa sức sinh viên. Lúc tôi mới sang khu học xá, anh Thiêm đưa cho tôi quyển sách tiếng Nga "Hình học Lôbasepki" của Cutudôp. Lúc đó tôi chưa biết tiếng Nga, bèn nói: "Tôi quyết học tiếng Nga để đọc sách này. Nội dung của

nó chắc là hấp dẫn lắm". Anh Thiêm về lấy cho tôi một tập "Giảm yếu về văn phạm tiếng Nga " in roneo do anh Nguyễn Khánh Toàn soạn ra cho cán bộ học tiếng Nga. Tôi gửi người ra Nam Ninh mua cho quyển từ điển Nga - Pháp rồi bắt đầu tự học tiếng Nga; nhiều chỗ tôi hiểu là nhờ tư duy toán học rồi từ đó mà hiểu ra văn phạm Nga.

Tôi dạy được vài tháng thì anh Nguyễn Khánh Toàn (lúc đó là Thứ trưởng Bộ Giáo dục) sang thăm khu học xá, truyền đạt cho ban Giám đốc khu học xá ý kiến của Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyên là trả tôi về liên khu IV theo nguyện vọng của gia đình; chả là Bộ trưởng vừa vào công tác ở liên Khu IV; bố tôi nghe tin bèn xin gặp Bộ trưởng, trình bày hoàn cảnh gia đình có ba người con trai lớn thì hai đã đi bộ đội (hai em trai tôi), nay tôi đi nốt thì chỉ còn người già, đàn bà, con nít vào lúc kháng chiến, bom đạn. Bộ trưởng chấp nhận sẽ giải quyết nguyện vọng của gia đình. Ban Giám đốc khu học xá cũng đồng ý, trừ anh Thiêm. Anh về nói với tôi: "Các ông ấy không sát anh nên nghĩ đơn giản là cứ cho anh về Khu IV rồi tìm người khác thay. Đây là xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy đại học gần như từ con số không, nên những người đầu tiên phải là những người có sức bật rất mạnh thì rồi đội ngũ mới nhân lên nhanh chóng. Tìm được một người như vậy thì không dễ gì, sao lại để cho đi chỉ vì nguyện vọng của gia đình. Ý tôi là muốn giữ anh lại trừ phi

chính anh thấy hoàn cảnh gia đình gay go quá thì tôi đành chịu". Tôi nói: "Về hoàn cảnh gia đình, tôi đã cân nhắc khi nhận lời với anh Xiển. Kháng chiến thì gia đình nào mà chả gặp khó khăn. Gia đình tôi ngoài hai cụ, ở nhà còn có hai cô con dâu và một người con trai út đã 14 tuổi, hữu sự có chuyện gì thì cùng với hai chị dâu cũng xoay xở được. Tâm lý các cụ thì rất thông cảm, nhưng không thể chiều theo được. Vì vậy, tôi quyết ở lại". Sau này, nghĩ lại, giá lúc đó tôi có một thủ trưởng trực tiếp không có tầm nhìn như anh Thiêm, không biết đánh giá cán bộ như anh ấy thì có lẽ sự phát triển đi lên của tôi bị ảnh hưởng.

Sau giải phóng Thủ đô, khi dư luận chung còn cho rằng Đại học Việt Nam còn trứng nước lắm, dạy chưa xong còn nói chi đến nghiên cứu khoa học, thì anh Thiêm là người duy nhất biết đến và ủng hộ việc tôi lặng lẽ làm công tác nghiên cứu khoa học. Có lần tôi nói với anh: "Thư viện nghèo quá, tôi rất thiếu thông tin, nên không rõ những điều tôi phát minh ra có trùng với những điều người ta đã phát minh rồi hay không" thì anh nói: "Hồi ở bên Pháp, tôi cũng tưởng như anh bây giờ là phải đọc thiên kinh, vạn quyển rồi mới làm nghiên cứu khoa học được. Nhưng ông thầy hướng dẫn tôi bảo với tôi rằng nếu bố anh chờ tìm hiểu hết các cô gái trên hành tinh rồi mới lấy vợ thì chả bao giờ có anh". Nghe anh Thiêm nói vậy, tôi rất yên tâm. Đến khi ra nước ngoài, có thông tin đầy

đủ, tôi mới thấy rõ rằng là nhờ phát triển tư duy độc lập nên, mặc dù thiếu thông tin, đến 9/10 những điều tôi tìm ra là mới đối với nhân loại. Từ đó tôi nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc phát triển tư duy độc lập của sinh viên.

Anh Thiêm ủng hộ tôi trong công tác, nhưng lại khắt khe với tôi khi xét đến quyền lợi, đãi ngộ. Trong quá trình anh ấy là thủ trưởng của tôi, năm 1956 có lần xét phong chức vụ (giữa phụ giảng và giảng viên) và năm 1958 có lần xét lương vào thang bậc mới (giữa bậc 12 và bậc 13 trong thang 16 bậc), tôi nằm ở ranh giới của hai bậc và sau khi cân nhắc, đặt lên, đặt xuống, anh Thiêm với tư cách là thủ trưởng, đều xếp tôi xuống dưới. Tôi không oán trách anh khi nghe anh giải thích: "xếp lương bao giờ cũng phức tạp. Chúng tôi đã xếp anh lên trên, nhưng rồi một số người khác thấy thế cũng đòi lên. Xếp anh xuống dưới thì họ không còn có thể thắc mắc gì. Chúng tôi thấy anh là người có phẩm chất, xếp xuống dưới có thiệt cho anh thì anh cũng không có phản ứng gì gây khó khăn cho tổ chức, vả nghĩ rằng anh có thiệt thì thiệt không lâu vì, với sức bật của anh, sẽ sớm đến ngày mà xếp anh lên trên, chả còn ai tị nạnh gì được". Rõ ràng quan hệ giữa anh và tôi là quan hệ thân thiết, trong sáng chứ không phải là thứ quan hệ "cánh hẩu" với nhau rồi đưa nhau lên.

Nhiều người thường cho anh Thiêm không giỏi làm công tác quản lý, giao cho anh ấy làm Hiệu trưởng là dùng người

không đúng, phí mất năng lực chuyên môn của anh ấy. Tôi nghĩ hơi khác: anh Thiêm có thể vụng về trong những ứng xử có tính chất sự vụ, nhưng rõ ràng là một người có tầm nhìn, biết đánh giá người và dùng người với một động cơ trong sáng. Trong khi nền đại học của ta còn trứng nước, rất cần có những thủ trưởng như vậy, dù có phí đi năng lực chuyên môn của các vị đó; phải có những vị hy sinh quyền lợi phát triển chuyên môn của mình thì mới đào tạo ra được những thế hệ đông đảo nhiều nhà chuyên môn giỏi.

# GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM
# NIỀM TỰ HÀO CỦA NỀN TOÁN HỌC VIỆT NAM

*Nguyễn Đình Trí*(*)

Giáo sư Lê Văn Thiêm là thần tượng của thế hệ học sinh chúng tôi cuối những năm 40 của thế kỷ trước. Danh tiếng của giáo sư, vị tiến sĩ toán học đầu tiên của nước ta, người đã từng là giáo sư của trường ETZ, trường Đại học Bách khoa Zurich (mà về sau này tôi mới biết là một trường nổi tiếng ở châu Âu), đã động viên niềm say mê học tập trong chúng tôi rất nhiều. Năm 1950, sau khi tốt nghiệp trường Trung học Kháng chiến Chu Văn An ở Việt Bắc, tôi được cử về dạy cấp 2 ở trường Trung học Hùng Vương, Phú Thọ. Trong thời gian này, tôi lại được biết Giáo sư Lê Văn Thiêm đã rời Thụy Sĩ về miền Nam kháng chiến, rồi từ miền Nam đã đi bộ ròng rã 6 tháng ra Việt Bắc, nhận nhiệm vụ xây dựng trường Khoa học Cơ bản và trường Sư phạm Cao cấp. Cuối năm 1953, tôi được Bộ Giáo dục cử đi học trường sư

(*) Giáo sư Toán học, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

phạm cao cấp, điều mà tôi hằng mơ ước ngay từ khi tốt nghiệp trung học chuyên khoa. Lúc đó, trường Sư phạm Cao cấp đặt ở khu Học xá Trung ương, ở Nam Ninh, Trung Quốc. Ngay sau khi đến trường Sư phạm Cao cấp, một bạn đồng nghiệp học khoá trước giới thiệu tôi với anh Thiêm (tất cả lớp chúng tôi đều gọi Giáo sư là anh), tôi thấy anh có những nét khác với một số trí thức lớn được đào tạo ở Pháp về nước tham gia kháng chiến mà tôi đã gặp hay có thời gian cùng công tác với tôi ở trường Hùng Vương. Anh là một người rất giản dị, khiêm tốn, chân thực và rất giỏi.

Lớp chúng tôi được học anh Thiêm môn lý thuyết số ở năm thứ hai, môn lý thuyết hàm số một biến số phức ở năm thứ ba. Đó là những môn học khó nhưng rất hấp dẫn. Anh đã dẫn chúng tôi vào thế giới của những con số với những bài toán hay như bài toán phân bố của các số nguyên tố, vào không gian của những số phức với những khái niệm hàm chỉnh hình, hệ Cauchy - Riemann, diện Riemann, biến hình bảo giác với những ứng dụng của chúng. Chính những bài giảng của anh ở bậc đại học và những chuyên đề mà anh trình bày cho chúng tôi khi chúng tôi bắt đầu nhận nhiệm vụ giảng dạy ở đại học đã giúp chúng tôi nhận thức dần dần thế nào là nghiên cứu khoa học, đặc biệt là tầm quan trọng của mối liên hệ giữa các mảng kiến thức toán học, giữa kiến thức toán học và các môn khoa học khác trong nghiên cứu khoa

học. Bài giảng của anh luôn hấp dẫn chúng tôi. Cũng phải nói thêm một điều là anh rất đãng trí. Có lần đang giảng, anh đưa ra một ví dụ trong đó phải tính cụ thể, anh làm nhầm một phép nhân đơn giản. Chúng tôi đang nhìn nhau thì anh tuyên bố "hiểu nhé" rồi tiếp tục trình bày mạch tư duy của mình, mà điều này đối với chúng tôi mới là quan trọng. Cũng có lúc, chúng tôi thấy anh cáu, điều mà ít cán bộ giảng dạy tránh được trong những năm công tác của mình. Anh Nguyễn Hồ Quỳnh, bạn học cùng lớp với tôi kể lại rằng, trong một kỳ thi vấn đáp, sau khi chuẩn bị xong, mới bắt đầu trình bày lời giải của mình thì anh Thiêm gắt ngay: "sao lại làm thế?". Anh Quỳnh trả lời: "thưa anh, sao lại không được làm thế?". Anh Thiêm suy nghĩ một chút rồi nói: "ừ, cũng được". Chúng tôi đều thấy rằng anh Thiêm là một người rất thật và đáng mến.

Đầu năm 1954, khi lớp chúng tôi sang khu Học xá Trung ương đặt tại Nam Ninh, Trung Quốc, chúng tôi bắt đầu được tiếp xúc với sách toán bằng tiếng Nga. Nền Toán học Xô viết là một trong những nền toán học mạnh của thế giới, nhưng tiếng Nga lại là một tiếng khó. Ngoài giờ học chính khoá về tiếng Nga, chúng tôi lại được anh Thiêm hướng dẫn cho cách tự học tiếng Nga sao cho sớm đọc được sách báo tiếng Nga. Sau này, khi nghe chuyên đề của anh, chúng tôi thấy cần học tiếng Đức để đọc những bài báo của Nevanlinna, của Wittich

và của anh viết bằng tiếng Đức mà anh giao cho. Lại chính anh đã giảng cho chúng tôi một số vấn đề cơ bản của văn phạm tiếng Đức, cấu trúc của một số mệnh đề phức tạp thường gặp trong các báo toán học để chúng tôi tiếp tục tự học cho nhanh.

Anh Thiêm là người có công rất lớn trong việc cùng với anh Tụy chuẩn bị cho việc thành lập Viện Toán học, từ chuẩn bị đề cương thành lập để trình bầy lên cấp trên, đến việc tuyển chọn thu hút người giỏi đến chương trình hoạt động của Viện nhằm làm cho Viện Toán học trở thành cơ sở nghiên cứu toán học mạnh nhất của đất nước và nơi đào tạo những nhà toán học trẻ. Trong những ngày học chính trị tổ chức tập trung ở Khoái Châu mùa xuân năm 1967 cho cán bộ lãnh đạo các trường đại học, tôi có nhiều dịp được họp với các anh, hiểu được sự quan tâm lớn của các anh, tấm lòng của các anh đối với việc thành lập Viện Toán học, tạo điều kiện cho mọi tài năng phát triển.

Giáo sư Lê Văn Thiêm có uy tín khoa học quốc tế rất lớn. Những nhà toán học của nhiều nước đã từng tiếp xúc với anh hoặc đã từng tiếp xúc với nền Toán học Việt Nam, đông đảo những nhà khoa học Việt kiều đều yêu mến, quý trọng, ngưỡng mộ anh.

Trong báo cáo công tác của các nhà toán học A.Grothendieck, L. Schwartz, P. Cartier, B. Malgrange, A.

Chenciner, F. Phạm, A. Martineau,... làm sau khi giảng ở Việt Nam về, đều nhắc đến Giáo sư Lê Văn Thiêm, đến vai trò của Giáo sư đối với các trường đại học Việt Nam, đối với các viện nghiên cứu khoa học của Việt Nam, đối với nền Toán học Việt Nam. Được dự Đại hội Toán học Thế giới năm 1978 tại Helsinki cùng với Giáo sư Lê Văn Thiêm, tôi cũng cảm nhận được rất rõ điều đó.

Trong bài viết về Lê Văn Thiêm gửi cho nội san của cựu học sinh trường sư phạm cao cấp Paris (École Normale Supérieure - ENS) cuối năm 1991, Giáo sư L. Schwartz kể lại rằng đến khi gặp Lê Văn Thiêm mới biết ông và Lê Văn Thiêm cùng là cựu học sinh của trường ENS theo thứ tự ở các khoá 1939 và 1941, cùng bảo vệ luận án tiến sĩ dưới sự hướng dẫn của Giáo sư G. Valiron theo thứ tự vào năm 1943 và 1948. Ông còn kể rằng khi về nước, vì phải đi bộ ròng rã nhiều tháng trong rừng, Lê Văn Thiêm chỉ mang về được vài quyển sách, trong đó có bản chụp quyển "Methoden der Mathematischen Physik" của Courant và Hilbert. L.Schwartz viết: "Tuy bận nhiều công việc nhưng Lê Văn Thiêm vẫn dành thời gian nghiên cứu khoa học. Lê Văn Thiêm đã dùng phương pháp thác triển đối xứng các hàm giải tích để giải bài toán chuyển động của các chất lỏng nhớt, kết quả mà Lê Văn Thiêm đã trình bày tại Đại hội Toán học Thế giới họp tại Vancouver năm 1974. Lê Văn Thiêm còn tham gia giải

quyết một số bài toán công nghệ, về thủy động lực học, về xây dựng và quy hoạch kinh tế của đất nước. Giới khoa học Việt Nam sẽ không bao giờ quên hai hình ảnh lớn của Tạ Quang Bửu và Lê Văn Thiêm".

Tôi xin lấy câu đó làm lời kết cho bài viết này./.

# TƯỞNG NHỚ GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM

*Hoàng Tụy*(*)

Năm 1988, khi tổ chức mừng sinh nhật lần thứ 70 của Giáo sư Lê Văn Thiêm, cũng trong căn phòng ấm cúng này, tôi không ngờ đó lại là lần cuối cùng được trò chuyện cùng ông. Tuy trước đó nhiều năm, chúng tôi đã bắt đầu lo lắng cho sức khoẻ giảm sút của ông, nhưng chưa có gì báo hiệu nguy kịch đã kề sát và chỉ ba năm sau chúng tôi phải vĩnh biệt ông.

Vì vậy, cũng như mọi người từng được may mắn gần gũi ông, tôi đến buổi tưởng niệm này với tâm trạng xen lẫn đau buồn, nhớ tiếc, và tự hào. Sau bảy năm, tuy vẫn chưa hết bàng hoàng nhớ lại buổi chiều u ám tiễn đưa ông về nơi an nghỉ cuối cùng ở thành phố Hồ Chí Minh, song tôi cũng cảm thấy ấm áp trong lòng và tự hào trước tình cảm sâu nặng biểu hiện ở sự có mặt trong buổi lễ hôm nay của nhiều bạn bè

(*) Giáo sư Toán học, Viện Toán học, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.

quốc tế đáng kính từ Pháp, Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Đức, Anh, Malaysia, Hồng Kông,... đến đây để cùng với các bạn đồng nghiệp Việt Nam thuộc mọi thế hệ và từ mọi miền đất nước tham dự buổi lễ long trọng tưởng niệm người anh lớn, người thầy, người bạn thân thiết đã quá cố của chúng tôi.

Giáo sư Lê Văn Thiêm sinh năm 1918 ở Hà Tĩnh, quê hương của biết bao vị anh hùng hào kiệt đã làm rạng danh Tổ quốc. Do những thành tích học tập xuất sắc ở bậc trung học mà ông đã vượt hai lớp để hoàn thành rất sớm, ông nhận được học bổng đi du học tại Pháp. Năm 1941, ông là một trong số rất ít những người Việt đầu tiên thi đỗ vào trường Đại học Sư phạm ENS Paris, nơi đào tạo tinh hoa khoa học của Pháp và nổi tiếng về sự tuyển chọn gắt gao. Lúc bấy giờ, nước Pháp đang có chiến tranh và bị Đức chiếm đóng nên từ Paris ông đã sang Thụy Sĩ để nghiên cứu lý thuyết phân phối giá trị các hàm phân hình với nhà toán học bậc thầy R. Nevanlinna. Chính những thành tựu nghiên cứu trong thời gian này của Giáo sư Lê Văn Thiêm đã đặt một mốc quan trọng trong sự phát triển lý thuyết Nevanlinna và góp phần cơ bản cho lời giải bài toán ngược đã từng tồn tại lâu năm trong lý thuyết đó như một bài toán rất khó. Những thành tựu ấy cũng là nội dung chính của bản luận văn tiến sĩ quốc gia xuất sắc của ông năm 1948, đặt ông vào hàng đầu những chuyên gia trẻ đương thời trong lĩnh vực toán học này.

Giữa lúc đó, ở Việt Nam, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bước vào giai đoạn quyết liệt. Mặc dù toán học là niềm say mê lớn nhất của ông và một tương lai khoa học rạng rỡ đang rộng mở trước mắt. Năm 1949, Giáo sư Lê Văn Thiêm đã có một quyết định hệ trọng đánh dấu bước ngoặt lớn trong đời ông và ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều thế hệ sinh viên trên đất nước này: lòng yêu nước và chí căm thù xâm lược đã thúc giục ông từ bỏ địa vị khoa học không ít người mơ tưởng ở Đại học Bách khoa Zurich lừng danh để về nước tham gia tích cực vào cuộc chiến đấu dành độc lập cho dân tộc. Từ Thụy Sĩ, ông đáp máy bay về Bangkok, rồi gia nhập kháng chiến ở bưng biền Nam Bộ để mấy tháng sau đi bộ ra Việt Bắc đến căn cứ địa kháng chiến. Thời ấy chỉ có một cách duy nhất đi từ Nam ra Bắc là đi bộ dọc theo dãy Trường Sơn, theo một đường mòn hiểm trở mà sau này, trong cuộc chiến chống Mỹ cứu nước, đã mở rộng thành đường Hồ Chí Minh huyền thoại.

Chính ở Việt Bắc, Giáo sư Lê Văn Thiêm đã gặp các ông Tạ Quang Bửu, Trần Đại Nghĩa cùng nhiều trí thức khác là những người đã từng du học ở Pháp nhưng nay đều kiên quyết chống lại sự đô hộ của thực dân. Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục và khoa học trong cuộc chiến đó, ông đã thành lập trong vùng tự do trường Khoa học Cơ bản và trường Sư phạm Cao cấp với mục tiêu đào tạo thầy giáo và kỹ sư giỏi mà cuộc kháng chiến đang rất cần. Hai trường này đã

hoạt động cho đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1954. Tình hình phát triển về sau của Việt Nam đã cho thấy vai trò quan trọng của các trường này trong việc nâng cao và phát triển hệ thống giáo dục ở một trình độ phù hợp với nhu cầu kháng chiến, ngay trong hoàn cảnh bị cô lập hoàn toàn với thế giới bên ngoài trong suốt cuộc chiến tranh chống Pháp rồi chống Mỹ. Điều quan trọng là chính hai trường đó đã đặt cơ sở để năm 1955 mở lại Đại Học Hà Nội với một biên chế giáo sư toàn người trong nước, một thành tích hiếm có ở cả vùng Đông Nam Á thời ấy.

Là Trưởng khoa Toán - Lý - Hoá, Đại học Tổng hợp Hà Nội và Trưởng ban Toán - Lý của Uỷ ban Khoa học Nhà nước, là người sáng lập và Chủ tịch đầu tiên của Hội Toán học Việt Nam, sáng lập và Viện trưởng đầu tiên của Viện Toán học Hà Nội, sáng lập và Chủ nhiệm đầu tiên của tạp chí Acta Mathematica Vietnamica và tạp chí Toán học (nay là Vietnam Journal of Mathematics), Giáo sư Lê Văn Thiêm cùng với các ông Tạ Quang Bửu và Trần Đại Nghĩa, từng là những nhân vật khoa học tiêu biểu nhất của Việt Nam suốt một thời gian dài. Đặc biệt, Giáo sư Lê Văn Thiêm đã có vai trò quyết định trong sự phát triển của toán học và cơ học ở Việt Nam. Không có ông có thể toán học đã không ra đời trên đất nước này hay nếu có cũng còn xa mới có thể đạt tới trình độ của nó hiện thời.

Phần lớn các nhà toán học hàng đầu của Việt Nam ngày nay đều ít nhiều là học trò của ông, cách này hay cách khác. Đối với những kẻ như tôi không được vinh dự là học trò của ông thì ông đã từng là thần tượng suốt thời thanh niên trai trẻ của chúng tôi. Không ít người trong chúng tôi đã đến với toán học trước hết vì ngưỡng mộ tài năng và nhân cách của ông.

Đương nhiên giá như Giáo sư Lê Văn Thiêm cứ tiếp tục sự nghiệp nghiên cứu ở Pháp hay ở Mỹ thì chắc chắn, với tài năng xuất sắc của mình, ông đã có thể có nhiều cống hiến to lớn hơn cho toán học và tên tuổi quốc tế của ông lẫy lừng hơn. Song ông đã lựa chọn trở về quê nhà, cùng chia xẻ khó khăn gian khổ với đồng bào, và thật sự tất cả những gì ông đã cống hiến cho Tổ quốc và cộng đồng toán học Việt Nam chỉ có thể khiến chúng tôi vô cùng biết ơn ông và tự hào về ông.

Sau khi về nước, Giáo sư Lê Văn Thiêm dành hết thời gian và công sức cho việc giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ. Làm việc hăng say quên mình, ông đã cố gắng liên tục gắn liền toán học với sự phát triển của đất nước. Thời gian này, ông đã có những nghiên cứu giá trị về bài toán thấm trong môi trường không đồng nhất. Để có thể đánh giá đúng đắn ý nghĩa của những thành tựu này, không thể không nhắc tới hoàn cảnh khó khăn và những điều kiện vật chất vô cùng thiếu thốn mà trong đó ông đã phải vật lộn nhọc nhằn để

hoạt động suốt bốn mươi năm trời, từ lúc ở châu Âu về nước cho đến những ngày cuối cùng trước khi từ biệt chúng ta, trải qua hai cuộc chiến tranh ác liệt chống Pháp và chống Mỹ. Đó là chưa kể trăm thứ trở ngại về xã hội, tâm lý, tinh thần cần phải vượt qua trong một đất nước còn nghèo và lạc hậu mà ở đấy toán học và cả khoa học còn chưa được nhiều người xem là thật sự cần thiết và dễ bị đối xử như một thứ xa xỉ phẩm.

Về phương diện con người, Giáo sư Lê Văn Thiêm rất mực điềm đạm, khiêm tốn và nhân hậu, sống rất giản dị và nhiều lúc hóm hỉnh một cách thật dễ thương. Luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ bất cứ ai cần đến và rất bao dung cao thượng, nhưng mặt khác ông lại là con người nguyên tắc, đấu tranh không khoan nhượng cho lẽ phải và chân lý. Những đức tính tựa hồ mâu thuẫn đó có lúc đã gây cho ông không ít rắc rối, nhưng những người hiểu ông đều hết sức cảm phục tấm lòng nhân ái, vị tha của ông. Từ 1981, ông vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc và sống những năm cuối đời với gia đình. Một lần, năm 1989, bệnh tình ông có lúc rất trầm trọng, nhưng rồi ông đã vượt qua hiểm nghèo và hồi phục dần, chúng tôi đều hy vọng, thế mà rồi hai năm sau ông đã phải vào bệnh viện cấp cứu và chỉ hai ngày sau đã ra đi giữa niềm thương tiếc và thẫn thờ của mọi người.

Để ghi nhớ những cống hiến to lớn của ông về khoa học, giáo dục và xã hội, Nhà nước Việt Nam đã truy tặng ông giải

thưởng Hồ Chí Minh và Huân chương Độc lập hạng Nhất, vinh dự cao quý nhất của một nhà khoa học ở nước Việt Nam.

Đó là đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp của con người lỗi lạc mà hôm nay chúng ta họp mặt để kỷ niệm ngày sinh thứ 80. Thay mặt cộng đồng toán học Việt Nam, tôi xin thành thật cám ơn tất cả các vị khách đáng kính đã không quản ngại đường xa đến đây chia xẻ với chúng tôi tình cảm nhớ tiếc một bạn đồng nghiệp xuất sắc, một người thầy của nền toán học Việt Nam, một người con ưu tú của Tổ quốc Việt Nam, một nhân cách tuyệt vời mà hình ảnh sẽ mãi mãi ở trong tim những người học trò, những người bạn, và cả nhiều người chỉ nghe nói đến chứ thật sự chưa từng quen biết ông.

*(Bài phát biểu khai mạc Hội nghị Quốc tế tưởng niệm Giáo sư Lê Văn Thiêm tại Hà Nội, 20/9/1998)*

# GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM SỐNG MÃI VỚI CÁC THẾ HỆ TOÁN HỌC VIỆT NAM

*Đỗ Long Vân*(*)

Những thành quả hôm nay của cuộc đấu tranh giữ nước và dựng nước là nhờ sự hy sinh đóng góp của biết bao nhiêu người, trong đó phải kể đến lớp trí thức cách mạng đầu tiên mà cuộc đời và sự nghiệp của mỗi người trong số họ đều ít nhiều gắn bó hoặc chịu ảnh hưởng trực tiếp của Bác Hồ. Giáo sư Lê Văn Thiêm thuộc số những người như thế.

Sinh ngày 29 tháng 3 năm 1918, thuộc một dòng họ có truyền thống yêu nước, hiếu học ở xã Đức Trung, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, chàng thanh niên Lê Văn Thiêm, với học lực xuất sắc, đã thi đậu vào École Normale Supérieure de Paris nổi tiếng của Pháp. Năm 1948, Anh là người Việt Nam đầu tiên được nhận học vị Tiến sĩ Quốc gia về Toán học tại Pháp, và sau đó trở thành giáo sư, giảng dạy ở Zurich (Thụy Sĩ).

---

(*) Giáo sư Toán học, Viện Toán học, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.

Cuối năm 1949, khi tài năng khoa học đương lúc nở rộ, vị Giáo sư Tiến sĩ 31 tuổi Lê Văn Thiêm, nghe theo lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch, đã để lại phía sau mình con đường công danh đầy triển vọng ở phương Tây, trở về Tổ quốc tham gia cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc.

Giáo sư Lê Văn Thiêm là tác giả khoảng 20 công trình nghiên cứu khoa học công bố ở trong và ngoài nước, trong đó có hai cuốn sách chuyên khảo. Trong luận án tiến sĩ của mình, ông đã giải quyết một bài toán khó từng tồn tại trong nhiều năm. Hai công trình khoa học đầu tiên của ông (công bố năm 1949 và 1950) được thừa nhận là những kết quả cơ bản, mở đường cho một hướng nghiên cứu mới, và được trích dẫn rộng rãi trong các sách chuyên khảo có tiếng trên thế giới.

Bên cạnh nghiên cứu lý thuyết, Giáo sư Lê Văn Thiêm rất chăm lo đến ứng dụng toán học. Ông đã cùng các học trò của mình nghiên cứu bài toán nổ mìn nhằm phục vụ giao thông thời chiến, phá núi làm kho xăng dầu, lấy đá xây dựng khu gang thép Thái Nguyên v.v... Ông cũng đã cùng các cộng sự của mình nghiên cứu xây dựng mô hình toán học và bộ chương trình giải các bài toán dòng chảy, phục vụ cho việc thiết kế và thi công công trình thủy điện Hoà Bình và quy hoạch đồng bằng sông Cửu Long.

Trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo, Giáo sư Lê Văn Thiêm đã có những đóng góp lớn lao. Từ công tác giáo dục ở bưng biền Nam Bộ, ông được cử ra chiến khu Việt Bắc để thành lập trường Khoa học Cơ bản và trường Sư phạm cao cấp (1950-1954), Giám đốc trường Đại học Sư phạm khoa học (1954-1956), Phó Hiệu trưởng trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (1956-1970).

Từ năm 1970 đến 1980, Giáo sư Lê Văn Thiêm nhận nhiệm vụ xây dựng Viện Toán học, và được cử làm Viện trưởng đầu tiên của Viện. Giáo sư đã có cống hiến lớn lao trong việc xây dựng, phát triển Viện Toán học thành một trung tâm nghiên cứu toán học đầu ngành ở nước ta, được sự thừa nhận rộng rãi của quốc tế. Ông cũng là Tổng biên tập đầu tiên của hai tạp chí toán học của nước ta: Tập san Toán Lý (sau tách thành Tạp chí Toán học, nay là Vietnam Journal of Mathematics) và tạp chí Acta Mathematica Vietnamica.

Giáo sư Lê Văn Thiêm cũng đã từng được cử là uỷ viên Uỷ ban Khoa học Nhà nước, Trưởng ban Khoa học cơ bản, Trưởng ban Toán - Lý (1960-1970), Đại diện toàn quyền của Việt Nam tại Viện liên hợp nghiên cứu nguyên tử Đubna (Liên Xô cũ, 1956-1980).

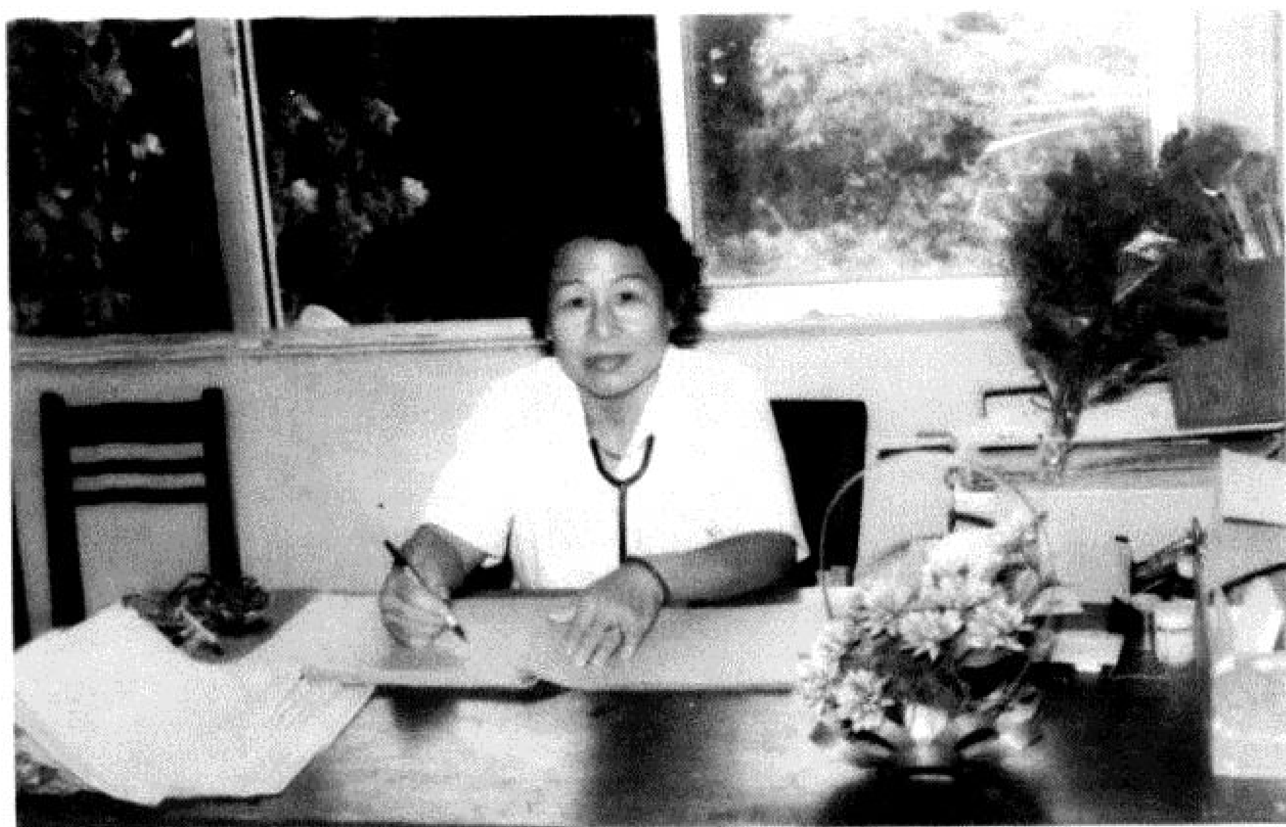
Năm 1966, Giáo sư Lê Văn Thiêm là một trong các sáng lập viên và được bầu là Hội trưởng đầu tiên của Hội Toán học

Việt Nam, tổ chức xã hội nghề nghiệp của cộng đồng những người làm công tác giảng dạy, nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng toán học trong cả nước. Hội là tổ chức thành viên của Liên hiệp Toán học Thế giới (IMU) và của Hội Toán học Đông Nam Á (SEAMS).

Trong hơn bốn chục năm lao động sáng tạo, gian khổ và dũng cảm, với tấm lòng son cách mạng và trí tuệ khoa học uyên thâm, Giáo sư Lê Văn Thiêm là người có công đầu trong việc đặt nền móng cho ngành Toán học Việt Nam nói riêng, ngành khoa học cơ bản và hệ thống đại học Việt Nam nói chung. Ông là người thầy của nhiều thế hệ các nhà khoa học Việt Nam. Nhiều học trò của ông đang là những cán bộ chủ chốt trong các ngành khoa học tự nhiên của nước ta.

Là một nhà khoa học lớn, ông có còn đồng thời là một nhân cách lớn: thẳng thắn, chân thực đến ngây thơ; sống giản dị, khiêm tốn, "một đời thanh bạch chẳng vàng son"; yêu thương tôn trọng đồng nghiệp, nâng đỡ thế hệ trẻ; không vụ lợi, biết gác sang bên mọi chuyện thuộc công danh, lợi cá nhân để toàn tâm toàn ý phục vụ sự nghiệp khoa học và giáo dục.

Giáo sư Lê Văn Thiêm qua đời ngày 3 tháng 7 năm 1991 tại thành phố Hồ Chí Minh, để lại cho giới khoa học Việt Nam nói chung và cộng đồng toán học Việt Nam nói riêng niềm tiếc thương vô hạn. Cố vấn Phạm Văn Đồng, trong thư



*Bà Võ Thị Lệ Hồng (1992)*

chia buồn gửi phu nhân cố Giáo sư Lê Văn Thiêm, có viết: "*Anh Lê Văn Thiêm qua đời càng làm nổi bật tầm vóc và sự cống hiến của nhà toán học và người chiến sĩ cộng sản Lê Văn Thiêm*". Quả đúng như ai đó đã nói: "Thời gian sẽ sắp xếp lại mọi giá trị".

Cộng đồng toán học Việt Nam rất vui mừng và tự hào khi Giáo sư Lê Văn Thiêm được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 1 ngày 30-10-1996 và truy tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất (lễ trao được tổ chức ngày 15-7-1997 tại Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia).

Ngay từ năm 1989, Hội Toán học Việt Nam đã quyết định lập Giải thưởng Lê Văn Thiêm để tặng cho các học sinh giỏi toán và cả thầy giáo dạy toán giỏi. Hàng năm, cứ vào đầu xuân, trong cuộc gặp mặt truyền thống giữa các thế hệ toán học Việt Nam, Hội Toán học Việt Nam lại tiến hành trao Giải thưởng Lê Văn Thiêm với mong muốn rằng tinh thần tận tụy vì sự nghiệp khoa học, giáo dục, và đạo đức trong sáng của Giáo sư sẽ sống mãi trong lòng các thế hệ toán học Việt Nam.

# GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM VIẾT VỀ GIÁO SƯ TẠ QUANG BỬU

Paris, mùa thu năm 1946. Cách mạng tháng Tám bên nước ta vừa thành công được một năm. Tuy xa quê hương hàng vạn dặm, bị kẻ thù thực dân Pháp bưng bít, nhưng anh chị em sinh viên Việt Nam chúng tôi tại Pháp vẫn thường xuyên trao đổi cho nhau những tin tức sôi động về cuộc kháng chiến anh dũng của quân, dân Nam Bộ, về Hiệp định sơ bộ mồng Sáu tháng Ba, về phái đoàn của Chính phủ ta do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu sang dự hội nghị Fontainebleau, về Bác Hồ đến Paris với tư cách là thượng khách của nước Pháp...

Một hôm, chúng tôi được báo: có một thành viên của phái đoàn Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến thăm chúng tôi tại nơi ở. Những giây phút sung sướng, hồi hộp chờ đợi... và người đến thăm chúng tôi không phải ai khác mà là một người có tên tuổi rất quen thuộc với giới thanh niên trí thức Việt Nam thời bấy giờ: anh Tạ Quang

Bửu. Với tôi, đây là lần đầu tiên được gặp anh, vì khi tôi đến Paris năm 1939 thì anh đã về nước làm việc tại Huế.

Đối với anh chị em Việt Nam lưu học tại Paris trước tôi thì anh Tạ Quang Bửu là một hình ảnh đẹp; một thanh niên trí thức học rất giỏi, ham thích thể thao, kể chuyện khôi hài rất hóm hỉnh, tính tình cương nghị, giàu lòng yêu nước, thích hoạt động. Vì vậy không ai ngạc nhiên khi thấy anh hăng say công tác sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công và giữ những chức vụ quan trọng trong bộ máy của Nhà nước cách mạng ta thời bấy giờ. Anh rất giản dị, gần gũi tầng lớp lao động nghèo khổ và sau này khi đã trở thành một nhà khoa học có tên tuổi, một bộ trưởng trong chính phủ cách mạng, anh vẫn giữ tác phong như ngày nào, rất dễ mến, rất dễ gần đối với bất cứ ai. Người nào có may mắn được tiếp xúc với anh cũng đều có chung một ý nghĩ: Anh rất quan tâm chẳng những đối với khoa học mà còn đối với thời cuộc, đối với vận mệnh dân tộc nữa.

Khi sang Paris du học, ngành học mà anh chọn đầu tiên là toán học. Giáo sư Bô-li-găng, thầy dạy của anh, rất quý anh về sự nhạy cảm toán học và sự suy luận thông minh, sắc bén của anh. Vì vậy, du học sinh Việt Nam ở Paris thời ấy không ai ngạc nhiên khi nghe tin trong một kỳ thi lấy chứng chỉ của văn bằng cử nhân Toán học, trong số hơn một trăm thí sinh dự thi chỉ có bốn người đỗ, trong đó có anh. Nhưng vì

tính "ngang bướng" của anh đối với thực dân Pháp nên chúng tìm cách đưa anh về nước.

Anh say mê toán học lí thuyết và toán học ứng dụng vào sinh học, vật lí, hoá học. Nhưng với anh, không chỉ có thế, anh còn rất giỏi về điện kỹ thuật. Từ năm 1936-1945, trong lúc đang dạy học ở Huế, anh thỉnh thoảng vẫn được mời đi chữa các vụ hỏng hóc ở những nhà máy điện miền Trung như Huế, Quy Nhơn... Điều đáng ngạc nhiên là những người mời anh đi chữa giúp các máy điện hỏng lại là các kỹ sư điện người Pháp, trong đó có kỹ sư Niédrist, một người Pháp tiến bộ, là bạn cũ của anh từ thời còn ở Paris và rất hâm mộ tài năng của anh. Sau ngày kỹ sư Pháp bỏ chạy, chính anh đã một thời gian phải đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Nhà máy Điện ở Huế.

Hiếm thấy một con người chịu khó tự rèn luyện toàn diện như anh. Chúng ta chắc không khỏi ngạc nhiên khi biết anh đã từng giật giải bơi lội tại Luân Đôn vào khoảng năm 1935.

Sau ngày gặp anh tại Paris năm 1946, tôi còn có dịp gặp lại anh thời chống Pháp năm 1951 tại Việt Bắc. Khi đến thăm anh tại một căn nhà lá dùng làm nơi làm việc giữa rừng Tuyên Quang - lúc ấy anh là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng - tôi rất kinh ngạc và thú vị khi thấy tuy chìm ngập trong công việc, nhưng anh vẫn dành thì giờ đọc các sách toán nổi tiếng qua tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Pháp.

Là thành viên của phái đoàn Chính phủ ta tại Hội nghị Genève, anh là người thay mặt Bộ Quốc phòng kí mọi văn bản về quân sự với phía Pháp. Nhưng ở thời kỳ đầu xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa sau ngày Chính phủ ta về lại Thủ đô Hà Nội tháng 10/1954, theo phân công của Hội đồng Chính phủ, anh "tạm biệt" Bộ Quốc phòng sang đảm nhiệm công tác lãnh đạo việc đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật cho đất nước và đã từng trực tiếp làm Giám đốc Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, trước khi là Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Thời kỳ này, anh say sưa làm việc và đọc sách, nghiên cứu khoa học.

Khả năng đọc sách ở mọi lúc mọi nơi, cách suy nghĩ sáng tạo, biến tri thức của sách thành bản lĩnh khoa học của mình, người khác thấy điều đó ở anh gần như một huyền thoại. Nhờ đó, anh tiếp cận nhanh chóng với xu thế toán học thế giới nói riêng và khoa học kỹ thuật nói chung. Mỗi lần tiếp xúc với anh, bàn bạc chuyên môn hay nghe anh thuyết trình khá nhiều về thời sự toán học thế giới, không riêng tôi mà ngay các nhà khoa học nươc ngoài khi tiếp chuyện với anh đều rất ngạc nhiên về tầm hiểu biết uyên bác của vị Bộ trưởng đầu tiên của ngành Đại học Việt Nam.

Điều đáng khâm phục ở anh là khả năng tự học một cách sáng tạo và sự quan tâm đào tạo, bồi dưỡng lớp trẻ. Anh tự học một cách cần cù không phải trong một thời gian mà là cả

cuộc đời, và anh tự học bất kỳ trong hoàn cảnh nào: lúc còn ở Pháp, ngoài ngành Toán ra anh còn tự học thêm nhiều ngành khác nữa. Từ những năm dài kháng chiến gian khổ cho đến sau ngày hòa bình 1954 và cho đến những giây phút cuối cùng của cuộc đời mình, bao giờ anh cũng say mê học tập.

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm thống nhất đất nước (1985), các trường đại học phía Nam và nhiều cán bộ khoa học đã mời anh vào thăm miền Nam và thành phố Hồ Chí Minh. Tại Trường Đại học Bách khoa cũng như ở Trường Đại học Tổng hợp thành phố, anh đều nói chuyện thời sự khoa học với cán bộ, mặc dù lúc đó anh đã ngoài 70 tuổi, người yếu đi nhiều, đi lại khó khăn, nhưng suy nghĩ vẫn cực kỳ minh mẫn, trí nhớ vẫn tuyệt vời.

Từ năm 1954 đến nay, hay xa hơn, từ ngày anh ở Pháp về, khó mà kể hết có bao nhiêu cán bộ khoa học Việt Nam đã được anh đào tạo, dìu dắt trực tiếp hay gián tiếp. Những năm làm Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, với đóng góp của anh, ngành Đại học Việt Nam đã có những bước tiến mạnh mẽ.

Bốn mươi năm qua, quan hệ gắn bó giữa tôi với anh, gắn bó vì "duyên nợ" toán học, vì quan hệ công tác, mối quan hệ ấy đã trở thành thân thiết anh em.

Nghe tin anh không còn nữa, tôi vô cùng xúc động, bàng hoàng. Tổn thất to lớn này không phải của riêng tôi, mà là của nhiều thế hệ đã từng là học trò của anh, đã từng được anh dìu dắt, hướng dẫn, dạy bảo trong cuộc đời làm khoa học.

Vô cùng thương tiếc Giáo sư Tạ Quang Bửu, một người thầy, một người bạn, một người anh vô cùng kính mến của những người làm công tác khoa học Việt Nam, tôi tin rằng cuộc đời của anh mãi mãi là tấm gương sáng...

*(Trích báo Sài Gòn Giải phóng.*
*Số 3466, ngày 24-8-1986)*


LỄ KHAI GIẢNG
NĂM HỌC 1997 - 1998
TRƯỜNG
LÊ VĂN THIÊM

# VĨNH BIỆT GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM

*Những bài điếu văn, cảm tưởng của các cơ quan đoàn thể, của các đồng nghiệp, bạn hữu và học trò dành cho GS.Lê Văn Thiêm*

## LỜI ĐIẾU DO GIÁO SƯ NGUYỄN VĂN ĐẠO - PHÓ VIỆN TRƯỞNG, TỔNG THƯ KÝ VIỆN KHOA HỌC VIỆT NAM ĐỌC LÚC 8 GIỜ 30 PHÚT NGÀY 5 -7- 1991 TẠI 41 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, Q1, TP.HỒ CHÍ MINH

*Thưa các đồng chí và các bạn,*

Nhà toán học xuất sắc nhất của Việt Nam trong thế kỷ này đã vĩnh biệt chúng ta lúc 7 giờ 15 phút ngày 3 tháng 7 năm 1991, tại Bệnh viện chợ Rẫy, Thành phố Hồ Chí Minh, thọ 73 tuổi.

Giáo sư, Tiến sĩ Lê Văn Thiêm sinh ngày 29 tháng 3 năm 1918 tại xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, trong một gia đình đông con. Sớm mồ côi cha mẹ, anh Lê Văn Thiêm đã phải bắt đầu cuộc sống tự lập từ khi còn nhỏ tuổi. Song, ý chí kiên cường và tài năng Toán học bẩm sinh đã đưa

lại cho anh những thành đạt ban đầu quan trọng. Anh trở nên nổi tiếng về sự thông minh toán học và được nhận học bổng đi du học tại Pháp.

Không phải Paris hoa lệ, mà chính Trung tâm Toán học ở Pháp vào đầu thế kỷ này đã thu hút tâm trí của người thanh niên Việt Nam Lê Văn Thiêm vào nghiên cứu Toán học. Chẳng mấy lâu, tên tuổi anh đã nổi tiếng khắp trong nước và trong giới Việt kiều tại Pháp. Anh là người Việt Nam đầu tiên đậu bằng Tiến sĩ Toán học tại Pháp. Anh cũng là thần tượng về toán học cho các lớp đàn em tiếp theo. Ảnh hưởng khoa học của anh còn tiếp tục lan truyền đến nhiều thế hệ thanh niên nước ta sau này.

Sự nghiệp khoa học của Giáo sư Lê Văn Thiêm bắt đầu bằng lý thuyết Toán học trừu tượng mà Giáo sư có sở trường: Giải tích phức. Sau này, do nhu cầu thực tiễn Việt Nam, Giáo sư đã chuyển sang nghiên cứu những vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực cơ học chất lỏng, lý thuyết các dòng chảy, lý thuyết nổ mìn định hướng.

Với bằng cấp, địa vị và tài năng như vậy, Giáo sư Lê Văn Thiêm hoàn toàn có thể tạo dựng cho mình cuộc sống vương giả trên đất Pháp. Song, với tinh thần yêu nước cao cả, Giáo sư đã từ bỏ cuộc sống nhung lụa, trở về nước theo tiếng gọi của Tổ quốc để tham gia kháng chiến, xây dựng nền giáo dục đại học và nền khoa học Việt Nam.

Cuối năm 1949, Giáo sư về đến Nam Bộ, công tác tại Sở Giáo dục Nam Bộ. Rồi theo yêu cầu xây dựng ngành Đại học Việt Nam, Giáo sư đã lặn lội bằng đường bộ từ Nam ra Bắc, trải qua biết bao gian khổ, hiểm nguy.

Từ 1950 đến 1954, Giáo sư đảm đương trách nhiệm lãnh đạo hai trường cao đẳng đầu tiên trong kháng chiến là trường Sư phạm cao cấp và trường Khoa học Cơ bản Trung ương.

Hoà bình lập lại 1954, Giáo sư được cử về Hà Nội tiếp quản các trường đại học, làm Giám đốc Trường Đại học Sư phạm Khoa học Hà Nội, rồi Phó hiệu trưởng Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Từ năm 1970, Giáo sư Lê Văn Thiêm chuyển sang công tác tại Viện Toán học thuộc Viện Khoa học Việt Nam và từ năm 1981 đến nay Giáo sư chuyển vào công tác tại Trung tâm Toán học ứng dụng và Tin học tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Giáo sư Lê Văn Thiêm là viện trưởng đầu tiên của Viện Toán học, là Chủ tịch đầu tiên của Hội toán học Việt nam, là chủ nhiệm đầu tiên của tạp chí Toán học. Trong nhiều năm là Đại diện toàn quyền của Việt Nam tại Viện Liên hợp nghiên cứu hạt nhân quốc tế Dubna, là Tổng biên tập đầu tiên của hai Tạp chí Toán học của Việt Nam "Acta Mathematica Vietnamica" và "Vietnam Journal of Mathematics".

Suốt gần nửa thế kỷ hoạt động không mệt mỏi để đào tạo cán bộ và xây dựng nền khoa học Việt Nam, Giáo sư Lê Văn Thiêm đã góp phần đào tạo hàng ngàn cán bộ Đại học, hàng trăm nhà khoa học có trình độ cao trong đó có một số người đã trở thành những nhà khoa học đầu ngành, các Bộ trưởng, Thứ trưởng, Uỷ viên TƯ Đảng.

Giáo sư Lê Văn Thiêm đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo các nhà toán học trẻ của Việt Nam, Giáo sư là một trong những người sáng lập các lớp chuyên toán và tờ báo "Toán học và tuổi trẻ". Quỹ khuyến khích tài năng toán học trẻ mang tên Giáo sư Lê Văn Thiêm đã ra đời vài năm nay và đang phát huy tác dụng.

Có thể nói rằng, sự trưởng thành nhanh chóng của ngành Toán học nước ta trong mấy chục năm qua đã gắn liền với tên tuổi của Giáo sư Lê Văn Thiêm.

Những cống hiến của Giáo sư Lê Văn Thiêm cho Tổ quốc đã được Đảng và chính phủ đánh giá cao, Giáo sư đã được tặng, thưởng:

- Huân chương Lao động hạng Nhì.
- Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và hạng Ba.
- Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

Giáo sư Lê Văn Thiêm mất đi là một tổn thất to lớn đối với nền khoa học Việt Nam. Giáo sư Lê Văn Thiêm mất đi,

gia đình mất một người chồng, người cha thân yêu, hiền từ, phúc hậu; chúng ta mất đi một người thầy, người anh đôn hậu, tận tụy, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục và khoa học. Việt kiều và bạn bè quốc tế mất đi một người bạn chân thành, giàu tình nhân ái. Đảng và Nhà nước ta mất đi một đảng viên ưu tú, một cán bộ gương mẫu.

*Giáo sư Lê Văn Thiêm kính mến,*

Trong giờ phút vĩnh biệt đau thương này, xin Giáo sư hãy đón nhận từ chúng tôi lòng thương tiếc vô hạn, lòng biết ơn sâu sắc. Các thế hệ khoa học của Việt Nam sẽ đời đời ghi nhớ tên, tuổi và công lao to lớn của Giáo sư.

*Xin vĩnh biệt Giáo sư !*

**LỜI ĐIẾU**
**CỦA GIÁO SƯ, VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VIỆT NAM**
**NGUYỄN VĂN HIỆU**
**TẠI LỄ TRUY ĐIỆU GIÁO SƯ LÊ VĂN THIÊM**
**TỔ CHỨC TẠI HÀ NỘI, NGÀY 5/7/1991**

*Thưa các đồng chí đại biểu,*

*Thưa các đồng chí và các bạn,*

Hồi 7 giờ 15 phút ngày 3/7/1991,tại Bệnh viện Chợ Rẫy, thành phố Hồ Chí Minh, Giáo sư - Tiến sĩ Lê Văn Thiêm, nhà Toán học tài năng đã vĩnh biệt chúng ta.

Giáo sư - Tiến sĩ Lê Văn Thiêm sinh ngày 29/3/1918 tại xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ, tỉnh Nghệ Tĩnh. Với tài năng khoa học xuất sắc, Giáo sư Lê Văn Thiêm là người Việt Nam đầu tiên trúng tuyển Trường École Normale Supérieure de Paris nổi tiếng của Pháp, là người Việt Nam đầu tiên thi đậu Bằng Tiến sĩ quốc gia ở Pháp (1948). Giáo sư cũng là người Việt Nam đầu tiên trở thành Giáo sư Toán học tại một Trường Đại học phương Tây (Trường Đại học Zurich, Thụy Sĩ).

Theo lời kêu gọi của Bác Hồ, cuối năm 1949, Giáo sư Lê Văn Thiêm đã từ bỏ con đường công danh ở phương Tây, trở

về Tổ quốc để đưa hết tài trí của mình góp phần vào công cuộc kháng chiến cứu nước và xây dựng nước nhà.

Khi trở về Tổ quốc, Giáo sư Lê Văn Thiêm công tác ở Sở Giáo dục Nam Bộ, đến tháng 3/1950, được đồng chí cố Tổng Bí Thư Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Duẩn kết nạp vào Đảng. Được cử vào Đảng - Đoàn kháng chiến Nam Bộ. Tháng 5/1950, được chỉ thị của Trung ương lên đường ra Việt Bắc để thành lập trường khoa học cơ bản và là Hiệu trưởng của hai trường khoa học cơ bản và Sư phạm cao cấp.

Năm 1954, đồng chí được chỉ định vào Đoàn tiếp quản các trường Đại học ở Hà Nội.

Giáo sư Lê Văn Thiêm đã có nhiều đóng góp xuất sắc trong nghiên cứu khoa học. Giáo sư là người đầu tiên giải quyết được một bài toán khó của lĩnh vực lý thuyết phân phối giá trị các hàm phân hình. Kết quả nghiên cứu này được thế giới thừa nhận là kết quả cơ bản, mở đầu một hướng nghiên cứu mới, được nhiều nhà toán học trên thế giới sử dụng, phát triển và đã được đưa vào các sách chuyên khảo về lý thuyết hàm phân hình cả ở phương Tây và phương Đông. Giáo sư đã có những đóng góp đáng kể trong việc xây dựng phương pháp giải các bài toán vật lý. Giáo sư là tác giả của hơn 30 công trình nghiên cứu khoa học, trong đó có 2 sách chuyên khảo được công bố ở trong nước, trên các tạp chí có uy tín quốc tế và được báo cáo ở nhiều hội nghị toán học ở Liên Xô, Mỹ, Anh, Canada, Thụy Điển, Đức, Balan...

Giáo sư Lê Văn Thiêm đã có nhiều đóng góp trong việc ứng dụng toán học phục vụ đất nước; cùng với các học trò của mình ở Viện Toán học và Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội nghiên cứu tính toán nổ mìn phục vụ đảm bảo giao thông thời chiến, phục vụ làm kho xăng dầu, tham gia viết tài liệu tính toán nổ mìn làm đường phục vụ quân đội, Giáo sư cùng các cộng sự của mình nghiên cứu mô hình toán học dòng chảy, nước mặt, nước ngầm, bồi lắng phục vụ công việc thiết kế và thi công công trình thủy điện Hoà Bình và quy hoạch đồng bằng sông Cửu Long.

Giáo sư - Tiến sĩ Lê Văn Thiêm đã có nhiều đóng góp to lớn trong công tác giảng dạy, đào tạo cán bộ khoa học và xây dựng ngành Toán học Việt Nam. Năm 1954, Giáo sư được cử làm Giám đốc Trường Đại học Sư phạm khoa học Hà Nội. Từ năm 1957 đến năm 1970, Giáo sư được cử làm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nhiều năm kiêm chủ nhiệm Khoa Toán. Từ năm 1970 đến năm 1980, Giáo sư đã có công lớn trong việc xây dựng Viện Toán học trở thành trung tâm nghiên cứu toán học đầu ngành của Việt Nam, có uy tín chất lượng cao trên thế giới.

Việc Viện Toán học, tháng 5/1991, được Hội Đồng Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất, có công xây dựng nền móng của nhà toán học Lê Văn Thiêm.

Từ năm 1980 cho đến nay, Giáo sư công tác tại phân Viện Khoa học Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã đóng góp có hiệu quả, đưa Phòng Toán học ứng dụng trở thành Trung tâm Toán học ứng dụng và Tin học ở các tỉnh phía Nam.

Giáo sư Lê Văn Thiêm là đại biểu Quốc hội khoá 2 và khoá 3 (từ 1956 đến 1970). Nhà toán học Lê Văn Thiêm được Nhà nước phong hàm Giáo sư năm 1956, được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

*Thưa các đồng chí đại biểu,*

*Thưa các đồng chí và các bạn,*

Giáo sư Lê Văn Thiêm mất đi, nước ta nói chung và Viện Khoa học Việt Nam nói riêng, mất đi một tài năng lỗi lạc, người đã có công đưa Viện Toán học thành một đơn vị có tên tuổi trên thế giới, người đã có công đào tạo một loạt thế hệ các nhà toán học Việt Nam.

*

Vĩnh biệt đồng chí, chúng tôi xin thay mặt đội ngũ cán bộ khoa học Việt Nam, hứa tiếp tục noi gương say mê nghiên cứu khoa học của đồng chí, nguyện đem hết tài năng và sức

lực của mình góp phần xứng đáng vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ đổi mới.

*Xin vĩnh biệt đồng chí!*

# NHỮNG TÌNH CẢM THÂN THƯƠNG DÀNH CHO GS.LÊ VĂN THIÊM TRONG NGÀY TANG LỄ

*Ngày 4 tháng 7 năm 1991*

*Anh Thiêm thương mến !*

*Vô cùng thương tiếc đồng chí Lê Văn Thiêm, Giáo sư Lê Văn Thiêm, anh Thiêm - Người chiến sĩ cách mạng, suốt đời tận tụy cống hiến cho cách mạng, nêu cao đạo đức, phong cách tốt đẹp cho mọi người học tập, người chồng, người cha xứng đáng rất tốt trong gia đình, người thầy quý mến đối với bao nhiêu học trò đã đào tạo cho cách mạng bao nhiêu nhân tài. Người anh thân thiết đối với bạn bè, đồng chí, đối với chúng tôi.*

*Phẩm chất, đạo đức, phong cách anh rất cao đẹp - Mọi người đời đời nhớ mãi anh - ghi nhận tấm lòng anh, Tổ quốc và nhân dân ghi công anh.*

*Xin vĩnh biệt anh !*

**Phó Ban tổ chức**
**Lê Huỳnh Thọ**

**ĐOÀN ĐẠI BIỂU THÀNH UỶ, UBND TP.HCM:**

*Vô cùng thương tiếc Giáo sư Lê Văn Thiêm, một nhà khoa học lớn của đất nước, đã suốt cuộc đời tận tụy cống hiến cho sự nghiệp khoa học; là người thầy đã dày công đào tạo nhiều lớp học trò tài giỏi cho Tổ quốc.*

*Vĩnh biệt đồng chí Lê Văn Thiêm !*

**Trương Văn Đa, Dương Đình Thảo,**
**Dương Đăng Khải**

*

*     *

*Mặt trận Tổ Quốc TP Hồ Chí Minh vô cùng thương tiếc Giáo sư tiến sĩ Lê Văn Thiêm một trong những trí thức lớn đã từ nước ngoài về Tổ Quốc tham gia cuộc kháng chiến ở các chiến khu Đồng Tháp Mười, Rừng U Minh và từ đó suốt cuộc đời phục vụ nhân dân và Đảng.*

**Phạm Văn Ba, Lê Hiếu Đằng**

*

* *

*Gia đình tôi rất đau buồn đến viếng thăm anh Thiêm vừa mất. Riêng tôi đã gặp anh Thiêm ở Pháp từ 1939 đến 1946. Hai chúng tôi trong thời gian đó đã cố gắng bồi dưỡng để phục vụ công cuộc giải phóng đất nước. Anh Thiêm mất đi tôi vô cùng đau buồn. Xin gửi lời chia buồn thống thiết nhất tới chị và gia đình cùng Viện Khoa học Việt Nam.*

**Giáo sư Trần Đại Nghĩa**

*

* *

*Vô cùng thương tiếc anh Lê Văn Thiêm, một người đàn anh đã ảnh hưởng quyết định đến sự ra đời và phát triển của nền toán học Việt Nam.*

**Giáo sư Hoàng Tụy**

*

* *

*Kính gửi chị Lệ Hồng,*

*Được tin anh Thiêm đã mất, tôi rất buồn. Xin gởi tới chị cùng gia đình lời chia buồn thống thiết.*

*Như vậy là trường Đại học Tổng hợp Hà Nội năm qua đã có ba tổn thất: Anh Hoàng Xuân Nhị, anh KonTum và giờ đây là anh Thiêm.*

*Chúng tôi nhớ lại quãng thời gian ở Hàng Chuối. Hồi đó các gia đình đều đông vui, mọi người đều sung sức, trẻ con chưa thành người. Ba mươi năm trôi qua sao quá nhanh. Trên đầu mọi người tóc đã muối tiêu. Các cháu đã phương trưởng. Bây giờ, nếu gặp lại các cháu Phi, Minh của anh, chị, chắc chắn chúng tôi không nhận ra được. Chúng đã trưởng thành rồi và có gia đình riêng rồi chăng. Có gặp lại các cháu Khoa, Hải nhà tôi, chắc chị cũng không nhận ra đâu. Khoa đã có 2 con, đứa lớn 11 tuổi, đứa nhỏ 6 tuổi. Còn Hải, thằng em nó vừa mới sinh cháu.*

*"Trẻ con chóng lớn, người lớn chóng già", quy luật tự nhiên là thế, ai mà cưỡng nổi, phải không chị.*

*Xin gửi chị, một lần nữa, lời phân ưu với gia đình. Thân chúc chị, các cháu và các cụ vạn sự bình an, mọi việc tấn tới.*

**Giáo sư Đào Văn Tiến**

PHÂN VIỆN KHOA HỌC VIỆT NAM TẠI TP. HCM:

*Toàn thể Đảng viên và cán bộ công nhân viên Phân viện Khoa học Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh vô cùng thương tiếc Đồng chí Giáo sư Lê Văn Thiêm, người Đảng viên Cộng sản gương mẫu, một nhà khoa học chân chính.*

*Xin chân thành chia buồn với gia đình Đồng chí Giáo sư Lê Văn Thiêm.*

**Bí thư Đảng uỷ**
**Ngô Đức Bào**

*

* *

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT THÀNH PHỐ:

*Vô cùng thương tiếc Giáo sư Lê Văn Thiêm, anh Lê Văn Thiêm, một đồng nghiệp, một người bạn, một người thầy đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời mình cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo biết bao thế hệ trẻ ngành Toán. Anh Thiêm đã có nhiều đóng góp cho ngành toán học Việt Nam.*

*Xin thành thật chia buồn với gia đình anh Thiêm.*

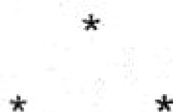
**GS.Chu Phạm Ngọc Sơn**

**QUẬN UỶ, UBND, MTTQVN QUẬN I:**

*Quận uỷ, UBND, MTTQVN Quận I vô cùng thương tiếc Giáo sư Tiến sĩ Lê Văn Thiêm, một trong những nhà trí thức tiêu biểu, người chiến sĩ cách mạng, đã cống hiến to lớn trong sự nghiệp Khoa học, giáo dục và đào tạo nhân tài cho Cách mạng Việt Nam.*

*Xin chân thành chia buồn cùng quý quyến.*

**Phó Bí thư Quận uỷ**
**Trương Song Đức**



**BAN KHOA HỌC XÃ HỘI, BAN KHOA GIÁO TRUNG ƯƠNG:**

*Vô cùng thương tiếc Giáo sư Lê Văn Thiêm.*

*Xin kính Giáo sư yên giấc nghìn thu.*

**Đoàn Thanh Hương**

*

* *

*Cán bộ, sinh viên trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh - những người đồng nghiệp, những học trò - vô cùng đau xót được tin Giáo sư Tiến sĩ Lê Văn Thiêm qua đời. Thay mặt cán bộ, sinh viên toàn trường, tôi thành kính chia buồn cùng thân nhân gia đình, bà con thân quyến của Giáo sư.*

**Nguyễn Tấn Phát**

*

* *

**VIỆN NGHIÊN CỨU HẠT NHÂN:**

*Vô cùng thương tiếc người thầy, người chỉ đạo ngành hạt nhân đầu tiên ở Việt Nam với tư cách là Đại diện toàn quyền của Việt Nam tại Đup-na - Giáo sư Lê Văn Thiêm.*

*Xin chúc Giáo sư yên giấc nghìn thu.*

**Giáo sư Phạm Duy Hiển**

BAN SÁNG LẬP TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN LẬP TRÍ ĐỨC:

*Vô cùng thương tiếc anh Lê Văn Thiêm, một người anh, một người thầy.*

*Ban sáng lập Trường phổ thông dân lập Trí Đức kính viếng hương hồn Giáo sư Lê Văn Thiêm. Những người học trò của thầy xin nguyện tiếp bước thầy đào tạo những tài năng trẻ cho đất nước.*

*Trong ngày đau thương này, các học trò cũ xin hứa với thầy cố gắng để không phụ lòng dạy dỗ của thầy trước đây.*

**Trần Văn Hạo**

*

*  *

*Thưa thầy!*

*Vĩnh biệt người thầy thân yêu của nhiều thế hệ làm Toán Việt Nam. Vĩnh biệt người anh đã dìu dắt chúng em trên con đường đi vào khoa học.*

*Vĩnh biệt người thầy vô cùng thương yêu.*

**Trần Thành Trai**

Nhà XUẤT BẢN GIÁO DỤC (CHI NHÁNH TẠI TP.HCM):

*Kính viếng thầy Lê Văn Thiêm, một nhà sư phạm mẫu mực, đã có rất nhiều cống hiến cho ngành giáo dục Việt Nam.*

*Chúng tôi là Lê Khắc Bảo và Phan Thanh Quang thay mặt Nhà xuất bản Giáo dục, đồng thời cũng là học trò cũ của thầy, rất thương tiếc thầy.*

**Lê Khắc Bảo, Phan Thanh Quang**

* *

*

*Kính thưa thầy Lê Văn Thiêm,*

*Vô cùng đau đớn, bất ngờ em biết tin thầy. Với tất cả chúng em - những học trò cũ của thầy - thầy luôn luôn là tấm gương của tập thể những người làm toán, những người dạy toán Việt Nam. Thầy là tấm gương đạo đức, mẫu mực, nhân hậu hết lòng vì đất nước, vì học trò, vì gia đình.*

*Chúng em sẽ luôn luôn nhớ tới hình bóng thầy và lòng biết ơn thầy sâu sắc.*

**TS. Bùi**

# Kính viếng anh Lê Văn Thiêm

*Mưa tháng Bảy tiễn anh về biển*

*Sạch nợ trần đến bến bờ xa*

*Từ nay giã biệt cửa nhà*

*Để thương bầu bạn đậm đà nghĩa nhân*

*Sinh đất Bắc gởi thân Nam Bộ*

*Trọn lương duyên kỳ ngộ trùng phùng*

*Đề cao khoa học tận trung*

*Danh thơm lưu lại vô cùng sáng tươi*

*Xin vĩnh biệt một người đồng chí*

*Tình còn đây thắm ý tốt lành*

*Nỗi niềm gởi gắm theo anh*

*Bông hoa rực rỡ đầu ngành gương nêu.*

**Phan Thanh Triều**

165 Hai Bà Trưng F6, Q3

# *Thầy Thiêm*

*... Bao nhiêu mơ ước trong lòng,*
*Vẫn như sông suối cuộn tròn đầy vơi.*
*Nhớ khi sơ tán núi đồi,*
*Giọng cười thầy khiến đất trời ấm hơn.*
*Thầy đãng trí tựa Niutơn,*
*Quên đi bao chuyện giận hờn nhỏ nhen.*
*Những điều tình nghĩa anh em,*
*Thì thầy chẳng sót chẳng quên điều nào.*
*"Rửa chua mặn, giữ ngọt ngào",*
*Nổ mìn thầy định hướng vào tiền phương.*
*Giữ bao trọng trách cao sang,*
*Vẫn như người chị dịu dàng tin yêu...*

**Đàm Lê Đức**
218 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Q 1.

# BẢN GIỚI THIỆU TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC GIA CỦA LÊ VĂN THIÊM, NĂM 1949

## SUR UN PROBLÈME D'INVERSION

DANS

# LA THÉORIE DES FONCTIONS MÉROMORPHES

PAR M. LÊ VAN THIEM.

### AVANT-PROPOS.

L'objet principal de ce travail (¹) est la résolution du problème d'inversion de la théorie de la distribution des valeurs dans le domaine rationnel. Le moyen utilisé est constitué par les surfaces que Ullrich a proposées et appelées surfaces à un nombre fini de bouts périodiques. Mais outre cet intérêt central, l'étude des surfaces mentionnées nous révèle aussi des vues instructives concernant l'influence de la dyssymétrie dans la structure topologique des surfaces de Riemann sur l'ordre de croissance de la fonction uniformisante $w=f(z)$, sur la distribution des racines de l'équation $f(z)=a$, et enfin sur le type de la surface.

Dans le Chapitre I, nous rappellerons les principaux résultats de la théorie de la distribution des valeurs de M. Nevanlinna, afin de formuler le problème d'inversion en question.

Dans le Chapitre II, nous expliquons la représentation par réseau des surfaces de Riemann à un nombre fini de points fondamentaux de ramifications, pour arriver à la définition des surfaces à bouts périodiques qui constituent le nœud de la solution du problème d'inversion posé.

Dans le Chapitre III, sera exposé brièvement la théorie des transformations quasi conformes qui vont nous servir de moyen d'investigation pour étudier la fonction uniformisante des surfaces mentionnées.

(¹) Ce travail a été présenté comme Thèse de Doctorat d'État à la Faculté des Sciences de Paris le 2 mai 1949.

Le Chapitre IV montre comment obtenir une représentation « presque conforme » de ces surfaces sur le plan fini, c'est-à-dire une représentation quasi conforme qui, à certains points de vue, s'approche asymptotiquement de la représentation conforme dont l'existence est garantie par le théorème fondamental de Riemann.

Dans le Chapitre V, nous déterminerons à l'aide de cette représentation « presque conforme », l'ordre de la croissance de la fonction uniformisante. Nous verrons que cet ordre, contrairement aux prévisions de M. Ullrich, n'est rationnel que dans des cas exceptionnels et dépasse en général la valeur rationnelle prévue, égale à la moitié du nombre de bouts périodiques. Le rehaussement de l'ordre au-dessus de cette valeur minimale, dû à une structure en général dyssymétrique de la surface, n'est pas sans rapport avec le fait connu que la dyssymétrie favorise chez les surfaces de Riemann le type hyperbolique. Ici la conséquence de la dyssymétrie est la distribution en spirale des valeurs de la fonction uniformisante, ce qui explique pourquoi l'ordre de croissance s'élève au-dessus de la valeur minimale $\frac{m}{2}$ indiquée par le théorème de Denjoy-Carlemann-Ahlfors pour les fonctions possédant (c'est le cas de l'uniformisante des surfaces en question) $m$ points critiques logarithmiques.

Le Chapitre VI étudie la distribution des valeurs de la fonction uniformisante au point de vue des défauts et indices. Cette étude montre que la structure périodique des surfaces partielles impose plus de conditions que M. Ullrich ne l'a prévu et prépare la solution du problème d'inversion posé.

Dans le Chapitre VII, nous abordons la solution du problème d'inversion, en indiquant comment il faut choisir les bouts périodiques pour les réunir en une surface W dont la fonction uniformisante possède les propriétés requises. Ce choix n'est pas unique et nous indiquons à la fin quels sont les bouts périodiques les plus simples qu'on pourrait prendre pour arriver au but.

Enfin, dans le dernier Chapitre VIII, nous donnons à l'aide des fonctions doublement périodiques, la solution du problème d'inversion dans le cas $\delta_\nu$ nuls, $\varepsilon_\nu$ rationnels, cas non résoluble par les surfaces à bouts périodiques.

Les principaux résultats de ce travail ont été présentés au Congrès de l'A. F. A. S. à Genève et publiés dans les *Commentarii Mathematici Helvetici*, vol. 23, 1949.

Qu'il nous soit permis, en cet endroit, de remercier M. G. Valiron du bienveillant intérêt qu'il a toujours témoigné à nos études et recherches. Nous lui en gardons une bien vive gratitude.